


**nanoco**



**Panasonic**

# CATALOGUE

04.2026

 [www.nanoco.com.vn](http://www.nanoco.com.vn)

 [fb.com/nanoco.com.vn](https://fb.com/nanoco.com.vn)

 [info@nanoco.com.vn](mailto:info@nanoco.com.vn)

Hotline: **1900 67 11**



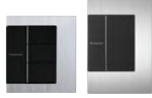

















<https://kimquang.vn>



# MỤC LỤC BẢNG GIÁ THIẾT BỊ ĐIỆN PANASONIC 4-2026 T01 - 02

## THIẾT BỊ ĐIỆN

 <b>NEW</b>	 <b>NEW</b>		 <b>NEW</b>	
<b>WIDE SERIES</b> ..... T04 - 08	<b>HALUMIE - ACRYLIC FULL COLOR</b> ..... T09 - 11	<b>MODERVA</b> ..... T12 - 13	<b>MINERVA</b> ..... T14	<b>GEN-X</b> ..... T15
			 <b>NEW</b>	 <b>NEW</b>
<b>Ổ CẮM CÓ DÂY</b> ..... T16	<b>Ổ CẮM ÂM SÀN</b> ..... T16	<b>THIẾT BỊ CẢM BIẾN</b> ..... T16	<b>CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN</b> ..... T17 - 18	<b>CẦU DAO ĐÓNG NGẮT MCCB VÀ PHỤ KIỆN</b> ..... T19
				
<b>SPD - KHỞI ĐỘNG TỪ DIN TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG</b> ..... T20	<b>CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ</b> ..... T21	<b>Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP CHUÔNG PANASONIC</b> ..... T21	<b>DIMMER - ĐÈN BÁO</b> ..... T22	<b>Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN ĐUI ĐÈN</b> ..... T22
				
<b>Ổ CẮM CÓ DÂY NANOCO</b> ..... T22	<b>TỦ ĐIỆN NANOCO</b> ..... T23	<b>BÚT THỬ ĐIỆN</b> ..... T23	<b>CHUÔNG ĐIỆN</b> ..... T23	<b>ỐNG LUỒN DÂY</b> ..... T24
	 <b>NEW</b>			 <b>NEW</b>
<b>PHỤ KIỆN PVC</b> ..... T25	<b>HỘP NỐI - HỘP ÂM</b> ..... T26	<b>BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN DÂY CÁP MẠNG</b> ..... T27	<b>Ổ CẮM - PHÍCH CẮM CÔNG NGHIỆP</b> ..... T28-30	<b>QUẠT HÚT</b> ..... T31-32

## ĐIỆN GIA DỤNG

	 <b>NEW</b>			
<b>QUẠT TRẦN</b> ..... T33-35	<b>QUẠT ĐIỆN</b> ..... T36	<b>MÁY LỌC KHÔNG KHÍ MÁY HÚT ẨM</b> ..... T37-38	<b>MÁY NƯỚC NÓNG</b> ..... T39-41	<b>MÁY BƠM</b> ..... T42











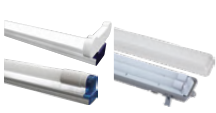








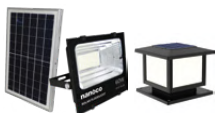












# MỤC LỤC

## BẢNG GIÁ ĐÈN LED NANOCO 4-2026

T01 - 02

### ĐÈN CHIẾU SÁNG - TRANG TRÍ

				
<b>ĐÈN DOWNLIGHT</b> ..... T44-48	<b>ĐÈN SPOTLIGHT ẨM TRẦN</b> ..... T48	<b>ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM</b> ..... T48	<b>ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR</b> ..... T49	<b>ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ</b> ..... T49
				
<b>ĐÈN ỐP NỔI TRẦN</b> ..... T50-51	<b>ĐÈN OFFICE PANEL</b> ..... T52	<b>ĐÈN BULB TRỤ E27</b> ..... T53	<b>ĐÈN BULB TRÒN E27 HOA CÚC - TRANG TRÍ</b> ..... T54	<b>ĐÈN TUÝP T8</b> ..... T55
				
<b>MĂNG ĐÈN TUÝP T8 MĂNG ĐÈN KÍN NƯỚC BỘ MĂNG ĐÈN T8</b> ..... T56	<b>ĐÈN BÁN NGUYỆT</b> ..... T58	<b>ĐÈN TRACKLIGHT</b> ..... T59-60	<b>ĐÈN RAY NAM CHÂM PHỤ KIỆN</b> ..... T61-62	<b>LED DÂY NGOÀI TRỜI &amp; PHỤ KIỆN</b> ..... T63-66
				
<b>LED DÂY NEON &amp; COB DC24V &amp; PHỤ KIỆN</b> ..... T67-68	<b>LED DÂY TRONG NHÀ &amp; PHỤ KIỆN</b> ..... T69-70	<b>LED DÂY ĐỔI MÀU RGB</b> ..... T71	<b>ĐÈN PHA</b> ..... T71-73	<b>ĐÈN PHA SOLAR ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN</b> ..... T73-74
				
<b>ĐÈN NGOÀI TRỜI STELLA SERIES</b> ..... T75-76	<b>ĐÈN NGOÀI TRỜI GẮN TƯỜNG/ TRẦN</b> ..... T77	<b>ĐÈN NGOÀI TRỜI SÂN VƯỜN/ LỐI ĐI</b> ..... T78-80	<b>ĐÈN BÀN</b> ..... T81	<b>ĐÈN ĐỘI ĐẦU</b> ..... T82
				
<b>ĐÈN BẮT MUỐI VẬT MUỐI</b> ..... T83	<b>ĐÈN SƯỜI PHÒNG TẮM</b> ..... T83	<b>ĐÈN KHẨN CẤP THOÁT HIỂM</b> ..... T84	<b>ĐÈN HIGHBAY</b> ..... T85	<b>PIN NANOCO</b> ..... T85



## WEGH6803CYH-VN WEVH5531MYHK

### \*Thiết kế

Thiết kế mặt kính sang trọng với vẻ ngoài "trong suốt", mang đến nét thanh lịch và hiện đại cho mọi công trình.

### \*Công nghệ

Sản phẩm có kiểu dáng và cấu trúc độc đáo: ổ cắm dễ dàng tiếp xúc và chia sẻ điện giữa các phích cắm. Công tắc có nút bấm lớn cùng trang bị thêm công nghệ chạm nhẹ êm ái và trơn tru.

### \*Chất lượng

Vật liệu Urea resin cao cấp, khả năng chống cháy hiệu quả và an toàn khi sử dụng.



• WIDE SERIES



• HALUMIE - ACRYLIC  
• FULL COLOR



• MODERVA




• MINERVA




• GEN-X






**WEV502107SW**  
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ nhỏ, bắt vít  
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Pillar  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**80.000**




**WEV502127SW**  
Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít  
Dùng với mặt B hoặc 6 thiết bị  
250VAC - 16A, Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar  
5 cái/hộp, 50 cái/thùng

**90.000**




**WEV5001SW/WEV5001-7SW**  
(Cắm nhanh/Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B - 1 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**23.000**




**WEV5001H/WEV5001-7H**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A  
Switch B (1 - way)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**37.500**




**WEG5151-51SWK/WEG51517SW**  
[Cắm nhanh/Bắt vít]  
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
Illuminated switch B  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**116.000**




**WEG5151-51KH/WEG51517H**  
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
Illuminated switch B  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**149.000**




**WEV5002SW/WEV5002-7SW**  
(Cắm nhanh/Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A  
Switch C - 2 way  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**47.000**



**WEV5002H/WEV5002-7H**  
(Cắm nhanh/ Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A  
Switch C (2 - ways)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**66.000**




**WEG5152-51SWK/WEG51527SW**  
(Cắm nhanh/Bắt vít)  
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
Illuminated switch C  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**137.000**




**WEG5152-51KH**  
Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A  
Illuminated switch C  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**175.000**




**WEV5033-7SW**  
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A  
Glow switch D - 2 poles  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**251.000**




**WEV5033-7H**  
Công tắc D, có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A  
Glow switch D - 2 poles  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**312.000**



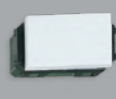
**WEG5141SW**  
Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 250VAC - 6A  
Illuminated switch B  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**320.000**




**WEG5004KH**  
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A  
Switch E (4 ways)  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**327.000**




**WEG5004KSW**  
Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 16A  
Switch E - 4 ways  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**255.000**




**WEG5401-7H**  
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A  
Bell push button  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**109.000**




**WEG5401-011SW**  
Nút nhấn chuông, 250VAC - 10A  
Bell push button  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**71.000**




**WEG3032RH**  
Đèn báo màu đỏ, 220VAC  
Pilot lamp red  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**149.000**




**WEG3032RSW**  
Đèn báo màu đỏ, 220VAC  
Pilot lamp red  
Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

**120.000**




**WEG3020H**  
Nút trống  
Blank chip  
Đóng gói 20 cái/ hộp, 200 cái/ thùng

**16.000**

**WEG3020SW**  
Nút trống  
Blank chip  
Đóng gói 20 cái/hộp, 200 cái/thùng

**11.500**



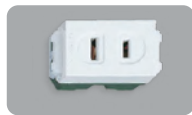
**WEG3023SW**  
Lỗ ra dây điện thoại phi 9mm/16mm  
Telephone wire chip đĩa 9mm/16mm  
Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

**11.500**




	<b>WEV1081SW/ WEV1081-7SW</b> (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>42.600</b>		<b>WEV1081H/WEV1081-7H</b> (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>52.000</b>
	<b>WEV1181SW/ WEV1181-7SW</b> (Cắm nhanh/Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>71.000</b>		<b>WEV1181H/WEV1181-7H</b> (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>96.000</b>
	<b>WEV1582SW/ WEV1582-7SW</b> (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>103.000</b>		<b>WEV1582H/WEV1582-7H</b> (Cắm nhanh/ Bắt vít) Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất, 250VAC - 16A Grounding Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>140.000</b>
	<b>WEI1171SW-VN</b> Xuất xứ Ấn Độ <b>WEV117107SW</b> <b>NEW</b> Xuất xứ Việt Nam Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	<b>115.000</b> <b>115.000</b>		<b>WEI1171H-VN</b> Xuất xứ Ấn Độ <b>WEV117107H</b> <b>NEW</b> Xuất xứ Việt Nam Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Dùng kết hợp với mặt 680290/ mặt 68030 Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	<b>160.000</b> <b>160.000</b>
	<b>NEW</b> <b>WEV157207SW</b> Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>150.000</b>		<b>NEW</b> <b>WEV157207H</b> Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>220.000</b>
	<b>WEV2501SW</b> Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>89.000</b>		<b>WEV2501H</b> Ổ cắm anten Tivi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/thùng	<b>134.000</b>
	<b>WEV2364SW</b> Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	<b>89.000</b>		<b>WEV2364H</b> Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	<b>134.000</b>
	<b>WEV2488SW - CAT5E</b> <b>WEV24886SW - CAT6</b> Ổ cắm data CAT5E/ Ổ cắm data CAT6 Data modular CAT5E/ Data modular CAT6 Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>194.000</b> <b>232.000</b>		<b>WEV2488H - CAT5E</b> <b>WEV24886H - CAT6</b> Ổ cắm data Data modular Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>232.000</b> <b>280.000</b>
	<b>WEG2021SW</b> Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	<b>776.000</b>		<b>WEG2021H</b> Ổ cắm HDMI / Connector for HDMI connection Sử dụng với đế âm có độ sâu tối thiểu 50mm Sử dụng với ống luồn dây Ø25mm Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng	<b>929.000</b>
	<b>WEF108107-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2,4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>620.000</b>		<b>WEF108107H-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng/ 1-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-2,4A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>725.000</b>
	<b>WEF412417W-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>900.000</b>		<b>WEF412417H-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 1 cổng C, PD-18W 1-port USB-C PD Charger Input: AC220V, 50-60Hz / Output: 5V-3A, 9V-2A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>1.045.000</b>
	<b>WEF11821W</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>735.000</b>		<b>WEF11821H</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng/ 2-port USB charger Input: AC220V / Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>850.000</b>
	<b>WEF14821W-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>1.040.000</b>		<b>WEF14821H-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Ổ cắm USB 2 cổng type A-C/ A-C type 2-port USB charger Input: AC220V/ Output: 5V-3A Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>1.200.000</b>
	<b>WEG575151SW</b> Bộ điều chỉnh độ sáng đèn, 220VAC - 500W Loại có chức năng bật tắt Dimmer for Incandescent lamp, Off function type Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	<b>391.000</b>		<b>WEG575151H</b> Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn, loại có chức năng bật tắt, 220VAC - 500W Dimmer for incandescent lamp, Off function type Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	<b>598.000</b>
	<b>WEG57912SW</b> Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	<b>776.000</b>		<b>WEG57912H</b> Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED (Max 8 đèn LED hoặc tổng công suất nhỏ hơn 50W) LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb (Max 8 LED bulbs or less than 50W) Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	<b>884.000</b>
	<b>WEF5791501SW-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	<b>1.370.000</b>		<b>WEF5791501H-VN</b> Xuất xứ Đài Loan Bộ điều chỉnh độ sáng cho đèn LED Công suất: 200W LED-Dimmer Switch for LED dimmable bulb Đóng gói: 10 cái/hộp, 20 cái/thùng	<b>1.529.000</b>







**WEG1001SW**  
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp), 250VAC - 16A  
Flat pin receptacle  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng **32.000**




**WEG1090SW**  
Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn), 250VAC - 16A  
round pin receptacle  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng **32.000**




**WEV68010SW**  
Mặt dùng cho 1 thiết bị  
1 gang - 1 device plate  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng **18.700**




**WEV68020SW**  
Mặt dùng cho 2 thiết bị  
1 gang - 2 devices plate  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng **18.700**




**WEV68030SW**  
Mặt dùng cho 3 thiết bị  
1 gang - 3 devices plate  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng **18.700**




**WEV68040SW**  
Mặt dùng cho 4 thiết bị  
2 gang - 4 devices plate  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng **35.500**




**WEV68060SW**  
Mặt dùng cho 6 thiết bị  
2 gang - 6 devices plate  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng **35.500**




**WEV138307SW**  
Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A, Bất vít  
Triple universal WIDE receptacle with safety shutter  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 50 cái/thùng **130.000**




**WEV1091SW/ WEG10919**  
Ổ cắm đơn không màn che, 250VAC - 16A  
Universal receptacle  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng **32.000**




**WEV7001SW**  
Mặt dùng cho CB 1 tếp  
1 gang plate for MCB 1 pole  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng **18.700**



**WEV680290SW**  
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu  
1 gang plate for universal receptacle  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng **18.700**



**WEV7061SW**  
Mặt dùng cho HB  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 200 cái/thùng **18.700**




**WEV68910SW**  
Mặt kín đơn  
Single cover plate  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng **18.700**




**WEV68920SW**  
Mặt kín đôi  
Double cover plate  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng **35.500**


**MẶT CÓ NẮP CHE**



**WEG7901K-VN** - Màu beige  
**WEG7901SWK-VN** - Màu trắng  
**WEG7901HK-VN** - Màu xám  
Mặt 1 thiết bị - Có nắp che mưa  
Weatherproof plate, 1 gang - 1 device IP55  
Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng **249.000**



**WEG79029K-VN** - Màu beige  
**WEG79029SWK-VN** - Màu trắng  
**WEG79029HK-VN** - Màu xám  
Mặt dùng cho ổ đơn 3 chấu có nắp che  
Weatherproof plate, 1 gang-Center 2-Devices IP55  
Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng **249.000**



**WEG7902K-VN** - Màu beige  
**WEG7902SWK-VN** - Màu trắng  
**WEG7902HK-VN** - Màu xám  
Mặt 2 thiết bị - Có nắp che mưa  
Weatherproof plate, 1 gang - 2 devices IP55  
Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng **249.000**



**WEG8973SW-VN**  
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị  
Weatherproof plate with soft cover window,  
1 gang -3 Device  
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng **348.000**



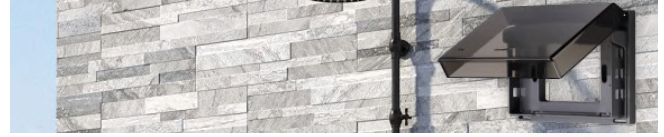
**WEG7903K-VN** - Màu beige  
**WEG7903SWK-VN** - Màu trắng  
**WEG7903HK-VN** - Màu xám  
Mặt 3 thiết bị - có nắp che mưa  
Weatherproof plate, 1 gang - 3 devices IP55  
Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng **249.000**




**WEG8973LH-VN**  
Hộp có nắp che mưa lắp nổi IP55 cho 3 thiết bị  
Weatherproof plate with soft cover window,  
1 gang -3 Device  
Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng **364.000**




**WEG8981K-VN**  
Mặt có nắp che mưa  
Cần lắp cùng mặt nạ  
Weatherproof plate - IP55  
Đóng gói: 5 cái/ hộp, 20 cái/ thùng **239.000**




**MẶT KIM LOẠI BẰNG NHÔM CAO CẤP**




**WEG6501-1**  
Dùng cho 1 thiết bị  
1 device metal plate  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng **83.000**



**WEG6502-1**  
Dùng cho 2 thiết bị  
2 devices metal plate  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng **83.000**



**WEG6503-1**  
Dùng cho 3 thiết bị  
3 devices metal plate  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng **83.000**



**WEG65029-1**  
Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu  
1 gang plate for universal receptacle  
Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng **83.000**

\*Giá bán đã bao gồm VAT



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG ÁNH KIM (MW)		MÀU ĐEN ÁNH KIM (MB)		MÀU XÁM ÁNH KIM (MH)	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68010MW	31.000	WEV68010MB	31.000	WEV68010MH	31.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68020MW	31.000	WEV68020MB	31.000	WEV68020MH	31.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68030MW	31.000	WEV68030MB	31.000	WEV68030MH	31.000
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gangs - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68040MW	52.000	WEV68040MB	52.000	WEV68040MH	52.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gangs - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68060MW	52.000	WEV68060MB	52.000	WEV68060MH	52.000
	Mặt dùng cho HB Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV7061MW	31.000	WEV7061MB	31.000	WEV7061MH	31.000
	Mặt dùng cho CB 1 tếp 1 gang plate for MCB 1 pole Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV7001MW	31.000	WEV7001MB	31.000	WEV7001MH	31.000
	Mặt dùng riêng cho ổ cắm đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV680290MW	31.000	WEV680290MB	31.000	WEV680290MH	31.000
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV68910MW	31.000	WEV68910MB	31.000	WEV68910MH	31.000

## Refina MÀU

	<b>WEG55317MB</b> Công tắc B, 1 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		<b>WEG55327MB</b> Công tắc C, 2 chiều, màu đen ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	<b>WEG55317MW</b> Công tắc B, 1 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		<b>WEG55327MW</b> Công tắc C, 2 chiều, màu trắng ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000
	<b>WEG55317MH</b> Công tắc B, 1 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	47.000		<b>WEG55327MH</b> Công tắc C, 2 chiều, màu xám ánh kim 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	83.000

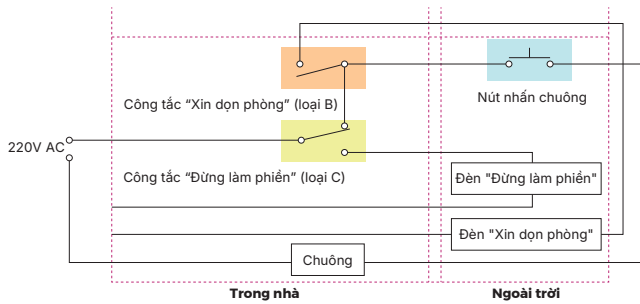
## Refina TRẮNG

	<b>WEV5531SW/ WEV5531-7SW</b> (Cảm nhanh/ Bất vít) Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	37.500		<b>WEV5532SW/ WEV5532-7SW</b> (Cảm nhanh/ Bất vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	69.000
	<b>WEV5521SW/ WEV5521-7SW</b> (Cảm nhanh/ Bất vít) Công tắc B, 1 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	37.500		<b>WEV5522SW/ WEV5522-7SW</b> (Cảm nhanh/ Bất vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	69.000
	<b>WEV5511SW/ WEV5511-7SW</b> (Cảm nhanh/ Bất vít) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	37.500		<b>WEV5512SW/ WEV5512-7SW</b> (Cảm nhanh/ Bất vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn, 250VAC - 16A, Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	69.000
	<b>WEC5542-7SW</b> Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung 250VAC - 10A, Switch C - 3 ways Dùng với mặt 3 hoặc 6 thiết bị Đóng gói: 5 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	155.000		<b>WEV5533-7SW</b> (Bất vít) Công tắc D có đèn báo, 2 tiếp điểm, 250VAC - 20A, Glow Switch D (2 poles) Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	300.000



**CHUYÊN DỤNG CHO KHÁCH SẠN - HOTEL WIRING DEVICES**

**Sơ đồ mạch điện dành cho đèn báo "Xin dọn phòng" - "Đừng làm phiền"**



- |  |  |                  |
|--|--|------------------|
|  | <b>WEG5001K-031</b><br>Công tắc có đèn báo "Xin dọn phòng", 250VAC - 16A<br>Switch B "Make Up Room"<br>Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng   | <b>32.000</b>    |
|  | <b>WEG5002K-021</b><br>Công tắc có đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A<br>Switch C "Do not disturb"<br>Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng  | <b>56.000</b>    |
|  | <b>WSBC9120SW-VN/WSBC9120W</b><br>Ổ cắm chuyên dùng cho máy cạo râu<br>Shaver socket build switch<br>In: 220VAC Out: 110VAC or 240VAC<br>Đóng gói: 1 cái/ hộp, 10 cái/ thùng             | <b>1.550.000</b> |
|  | <b>WNB5428690FK</b><br>Bộ công tắc D 2 cực có đèn báo chuẩn BS, 250VAC - 45A<br>Dùng cho bếp điện tử, máy nước nóng<br>BS Glow switch D double pole<br>Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng | <b>492.000</b>   |
|  | <b>WEB1119SW-VN</b><br>Bộ ổ cắm tiêu chuẩn BS, 250VAC - 13A<br>Receptacle - BS standard<br>Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng   | <b>126.000</b>   |
|  | <b>WEB7811SW</b><br>Mặt vuông dành cho 1 thiết bị<br>BS type - 1 device plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng   | <b>23.500</b>    |
|  | <b>WEB7812SW</b><br>Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu<br>BS type - 2 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng   | <b>23.500</b>    |
|  | <b>WEB7813SW</b><br>Mặt vuông dành cho 3 thiết bị<br>BS type - 3 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng  | <b>23.500</b>    |
|  | <b>WEB7811MW</b><br>Mặt vuông dành cho 1 thiết bị<br>BS type - 1 device plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng   | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEB7812MW</b><br>Mặt vuông dành cho 2 thiết bị<br>BS type - 2 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng  | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEB7813MW</b><br>Mặt vuông dành cho 3 thiết bị<br>BS type - 3 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng  | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEG3032G-031</b><br>Đèn báo "Xin dọn phòng", 220VAC - 10A<br>"Make Up Room" pilot lamp<br>Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng   | <b>175.000</b>   |
|  | <b>WEG3032R-021</b><br>Đèn báo "Đừng làm phiền", 220VAC - 10A<br>"Do not disturb" pilot lamp<br>Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng  | <b>175.000</b>   |
|  | <b>WBC8981SW</b><br>Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS<br>dùng cho công tắc, ổ cắm<br>Cần lắp cùng mặt nạ<br>Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng                                     | <b>223.000</b>   |
|  | <b>WBC8991W</b><br>Mặt vuông có nắp che mưa IP43 chuẩn BS<br>dùng cho công tắc ổ cắm<br>Cần lắp cùng mặt nạ<br>Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng  | <b>240.000</b>   |
|  | <b>WBG8981 - P</b><br>Mặt vuông có nắp che mưa chuẩn BS<br>Weatherproof plate (BS type plate), IP55<br>Cần lắp cùng mặt nạ<br>Đóng gói: 5 cái/hộp, 20 cái/thùng                          | <b>235.000</b>   |
|  | <b>WEBP1041B-MH</b><br>Bộ ổ cắm đa năng chuẩn BS, 250 VAC - 13A<br>1 gang multiple socket (BS type plate)<br>Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng   | <b>262.000</b>   |
|  | <b>WEB7811MH</b><br>Mặt vuông dành cho 1 thiết bị<br>BS type - 1 device plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng   | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEB7812MH</b><br>Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu<br>BS type - 2 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng   | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEB7813MH</b><br>Mặt vuông dành cho 3 thiết bị<br>BS type - 3 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng  | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEB7811MB</b><br>Mặt vuông dành cho 1 thiết bị<br>BS type - 1 device plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng   | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEB7812MB</b><br>Mặt vuông dành cho 2 thiết bị/ổ đơn 3 chấu<br>BS type - 2 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng   | <b>43.000</b>    |
|  | <b>WEB7813MB</b><br>Mặt vuông dành cho 3 thiết bị<br>BS type - 3 devices plate<br>Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng  | <b>43.000</b>    |

\*Giá bán đã bao gồm VAT























HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Đóng gói: (Cắm nhanh - bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511K WEVH5511-7K	25.000	WEVH5511MYZK WEVH5511-7MYZK	40.600	WEVH5511MYHK WEVH5511-7MYHK	40.600
	(Cắm nhanh - bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521K WEVH5521-7K	25.000	WEVH5521MYZK WEVH5521-7MYZK	40.600	WEVH5521MYHK WEVH5521-7MYHK	40.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) - Có chỉ dấu On/Off Công tắc B, 1 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5531K WEVH5531-7K	25.000	WEVH5531MYZK WEVH5531-7MYZK	40.600	WEVH5531MYHK WEVH5531-7MYHK	40.600
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5151-51 WEVH5151-7	132.000	WEVH5151-51MYZ WEVH5151-7MYZ	177.000	WEVH5151-51MYH WEVH5151-7MYH	177.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5152-51 WEVH5152-7	155.000	WEVH5152-51MYZ WEVH5152-7MYZ	218.000	WEVH5152-51MYH WEVH5152-7MYH	218.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5512 WEVH5512-7	51.000	WEVH5512MYZ WEVH5512-7MYZ	73.000	WEVH5512MYH WEVH5512-7MYH	73.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5522 WEVH5522-7	51.000	WEVH5522MYZ WEVH5522-7MYZ	73.000	WEVH5522MYH WEVH5522-7MYH	73.000
	(Cắm nhanh/Bắt vít) Công tắc C, 2 chiều, loại nhỏ 250VAC - 16A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5532 WEVH5532-7	51.000	WEVH5532MYZ WEVH5532-7MYZ	73.000	WEVH5532MYH WEVH5532-7MYH	73.000
	Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, cỡ trung, bắt vít 250VAC - 16A Twin Switch B - 1 way - Medium size - Pillar Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH554127	100.000	WEVH554127MYZ	150.000	WEVH554127MYH	150.000
	Công tắc C, 2 chiều, loại đôi, cỡ trung Dùng với mặt dành cho 3 thiết bị hoặc 6 thiết bị 250VAC - 10A - Switch C - 2 ways Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5542-7	165.000	WEVH5542-7MYZ	250.000	WEVH5542-7MYH	250.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm, có đèn báo 250VAC - 20A - Glow Switch - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5033-7	280.000	WEVH5033-7MYZ	385.000	WEVH5033-7MYH	385.000
	Nút nhấn chuông 250VAC - 10A - Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5401-011	77.000	WEVH5401-011MYZ	130.000	WEVH5401-011MYH	130.000
	Công tắc D, 2 tiếp điểm 250VAC - 16A - Switch D - 2 poles Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH5003	172.000				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại trung 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5521	19.500				
	(Cắm nhanh) Công tắc B, 1 chiều, loại lớn 250VAC - 16A - Switch B - 1 way Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEVH5511	19.500				
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6801CW-VN	229.000	WEGH6801CYZ-VN	255.000	WEGH6801CYH-VN	255.000
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6802CW-VN	229.000	WEGH6802CYZ-VN	255.000	WEGH6802CYH-VN	255.000
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 device plate Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH6803CW-VN	229.000	WEGH6803CYZ-VN	255.000	WEGH6803CYH-VN	255.000
	Mặt dùng riêng cho ổ đôn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEGH68029CW-VN	229.000	WEGH68029CYZ-VN	255.000	WEGH68029CYH-VN	255.000



\*Để lắp 2 mặt acrylic gắn nhau, khoảng cách cạnh trên 2 để âm đơn là 1cm

\*Giá bán đã bao gồm VAT



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Mặt dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68010	21.000	WEVH68010MYZ	40.600	WEVH68010MYH	40.600
	Mặt dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68020	21.000	WEVH68020MYZ	40.600	WEVH68020MYH	40.600
	Mặt dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68030	21.000	WEVH68030MYZ	40.600	WEVH68030MYH	40.600
	Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68040	37.500	WEVH68040MYZ	81.000	WEVH68040MYH	81.000
	Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH68060	37.500	WEVH68060MYZ	81.000	WEVH68060MYH	81.000
	Mặt dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEVH8061	21.000	WEVH8061MYZ	40.600	WEVH8061MYH	40.600
	Mặt kín đơn Single cover plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH68910	21.000	WEVH68910MYZ	40.600	WEVH68910MYH	40.600
	Mặt dùng riêng cho ổ đơn 3 chấu 1 gang plate for universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEVH680290	21.000	WEVH680290MYZ	40.600	WEVH680290MYH	40.600
	Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC-16A Universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	WEV1081SW WEV1081-7SW	42.600	WEV1081MYZ WEV1081-7MYZ	75.000	WEV1081MYH WEV1081-7MYH	75.000
	Ổ cắm đơn có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV1181SW WEV1181-7SW	71.000	WEV1181MYZ WEV1181-7MYZ	130.000	WEV1181MYH WEV1181-7MYH	130.000
	Ổ cắm đôi có màn che và dây nối đất 250VAC-16A, Grounding duplex universal receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	WEV1582SW WEV1582-7SW	103.000	WEV1582MYZ WEV1582-7MYZ	182.000	WEV1582MYH WEV1582-7MYH	182.000
	Ổ cắm đa năng có màn che, 250VAC - 16A Multiple receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/ thùng	WEV1171SW-VN <small>Ấn Độ</small> WEV117107SW <small>VN</small>	115.000 115.000	WEV1171MYZ WEV117107MYZ <small>VN</small>	210.000 210.000	WEV1171MYH WEV117107MYH <small>VN</small>	210.000 210.000
	Ổ cắm đôi đa năng có màn che, bắt vít, 250VAC - 16A Duplex Multiple Receptacle, Safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEV157207SW <small>NEW</small>	150.000	WEV157207MYZ <small>NEW</small>	260.000	WEV157207MYH <small>NEW</small>	260.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng, bắt vít 1-port USB Fast Charger, Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	WEF108107-VN	620.000	WEF108107MYZ-VN	880.000	WEF108107MYH-VN	880.000
	Ổ cắm sạc USB 1 cổng chuẩn C, PD-18W, bắt vít 1-port USB Charger (USB-C Power Delivery), Vertical, Pillar Terminal Đóng gói: 5 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF412417W-VN	900.000	WEF412417MYZ-VN	1.300.000	WEF412417MYH-VN	1.300.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng, cắm nhanh 2-port USB Fast Charger, Vertical, Quick Connect Terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF11821W	735.000	WEF11821MYZ-VN	1.020.000	WEF11821MYH-VN	1.020.000
	Ổ cắm sạc USB 2 cổng chuẩn A - C, cắm nhanh 2-port USB A - C Type Fast Charger, Quick Connect Terminal Đóng gói 5: cái/hộp, 50 cái/ thùng	WEF14821W-VN	1.040.000	WEF14821MYZ-VN	1.500.000	WEF14821MYH-VN	1.500.000
	Ổ cắm anten TiVi, 75 Ohm Television terminal Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2501SW	89.000	WEV2501MYZ	140.000	WEV2501MYH	140.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	WEV2364SW	89.000	WEV2364MYZ	140.000	WEV2364MYH	140.000
	Ổ cắm data Data modular Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	WEV2488SW - CAT5E WEV24886SW - CAT6	194.000 232.000	WEV2488MYZ - CAT5E WEV24886MYZ - CAT6	291.000 426.000	WEV2488MYH - CAT5E WEV24886MYH - CAT6	291.000 426.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

<https://kimquang.vn>Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



	<b>WNV5001-7W</b> Công tắc B, 1 chiều, 250VAC - 16A Switch B(1 - way) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>14.000</b>		<b>WNV1081-7W</b> Ổ cắm đơn có màn che, 250VAC - 16A Universal receptacle with safety Shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>32.000</b>
	<b>WNG5051W-751</b> Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>118.000</b>		<b>WNV1091-7W</b> Ổ cắm đơn, 250VAC - 10A Universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>28.000</b>
	<b>WNS241W-801</b> Công tắc B, 1 chiều, có đèn báo khi ON, 300VAC - 4A Appellation glow switch B Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>460.000</b>		<b>WNV10907KW</b> Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm tròn) 250VAC - 10A, round pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>36.000</b>
	<b>WNG5021W-7</b> Công tắc B, 1 chiều, loại đôi, 250VAC - 10A Twin Switch B, single pole Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>142.000</b>		<b>WNV1001-7KW</b> Ổ cắm đơn (dùng cho phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, flat pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>33.000</b>
	<b>WNV5002-7W</b> Công tắc C, 2 chiều, 250VAC - 16A Switch C(2 - ways) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>37.500</b>		<b>WNV11017W</b> Ổ cắm đơn có dây nối đất (phích cắm dẹp) 250VAC - 10A, grounding flat pin receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>62.000</b>
	<b>WNG5052W-751</b> Công tắc C, 2 chiều, có đèn báo khi OFF, 250VAC - 16A Illuminated appellation switch C Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>134.000</b>		<b>WNV138307W</b> Bộ 3 ổ cắm 2 chấu có màn che, 250VAC - 16A Triple universal FULL receptacle with safety shutter Đóng gói: 10 cái/hộp, 50 cái/thùng	<b>70.000</b>
	<b>WNG5343W-761</b> Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng (có chữ) Đóng gói: 5 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>197.000</b>		<b>WNG159237W</b> Ổ cắm có dây nối đất, không màn che, 250VAC - 16A Grounding duplex universal receptacle Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>85.000</b>
	<b>WBG5414699W</b> Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy lạnh (có chữ) Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	<b>197.000</b>		<b>WKG1092250</b> Ổ cắm đôi loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting duplex universal receptacle Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	<b>58.000</b>
	<b>WBG5414699W-SP</b> Công tắc D có đèn báo, 250VAC - 20A Dùng cho máy nước nóng, máy lạnh (không chữ) Đóng gói: 5 cái/ hộp, 50 cái/ thùng	<b>197.000</b>		<b>WZV1201W</b> Ổ cắm TV - Television terminal 75 Ohm Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/thùng	<b>68.000</b>
	<b>WNG5401W-7K</b> Nút nhấn chuông, 300VAC - 10A Bell push button Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>62.000</b>		<b>WNTG15649W</b> Ổ cắm điện thoại 4 cực Telephone modular jack 6P4C Đóng gói: 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	<b>96.000</b>
	<b>WNG5004W-7</b> Công tắc E, đảo chiều, 250VAC - 10A Switch E(4 - ways) Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>210.000</b>		<b>NRV3160W</b> Ổ cắm data tiêu chuẩn RJ45 - CAT5 Data modular jack RJ45 - CAT5 Đóng gói 10 cái/ hộp, 100 cái/ thùng	<b>182.000</b>
	<b>WSG3001</b> Công tắc B, 1 chiều, loại nổi, 250VAC - 10A Surface mounting switch B, single pole Đóng gói: 10 cái/ hộp, 200 cái/ thùng	<b>46.000</b>		<b>WN3020W</b> Nút trống Blank chip Đóng gói: 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	<b>11.000</b>
	<b>WN3023W</b> Lỗ ra dây điện thoại Telephone wire chip Đóng gói: 20 cái/ hộp, 200 cái/thùng	<b>11.000</b>		<b>WN7601-8</b> Mặt 1 kim loại <b>WN7602-8</b> Mặt 2 kim loại <b>WN7603-8</b> Mặt 3 kim loại Stainless steel plate	<b>98.000</b>
	<b>WZV7841W</b> Mặt góc vuông dùng cho 1 thiết bị 1 gang - 1 device plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>17.200</b>		<b>WZV7061W</b> Mặt góc vuông dùng cho HB 1 gang plate for HB breaker Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>17.200</b>
	<b>WZV7842W</b> Mặt góc vuông dùng cho 2 thiết bị 1 gang - 2 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>17.200</b>		<b>WZV7844W</b> Mặt dùng cho 4 thiết bị 2 gang - 4 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>34.300</b>
	<b>WZV7843W</b> Mặt góc vuông dùng cho 3 thiết bị 1 gang - 3 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng	<b>17.200</b>		<b>WZV7846W</b> Mặt dùng cho 6 thiết bị 2 gang - 6 devices plate Đóng gói: 10 cái/hộp, 100 cái/thùng	<b>34.300</b>
























# Moderva
















HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF501-VN	80.000	WMF501MYZ-VN	113.000	WMF501MYH-VN	113.000
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMF511-1VN	88.000	WMF511MYZ-1VN	122.000	WMF511MYH-1VN	122.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF502-VN	105.000	WMF502MYZ-VN	147.000	WMF502MYH-VN	147.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMF512-1VN	113.000	WMF512MYZ-1VN	157.000	WMF512MYH-1VN	157.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V - 20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMFV503307	190.000	WMFV503307MYZ	268.000	WMFV503307MYH	268.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMF594-VN	245.000	WMF594MYZ-VN	345.000	WMF594MYH-VN	345.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF503-VN	116.000	WMF503MYZ-VN	163.000	WMF503MYH-VN	163.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMF513-1VN	127.000	WMF513MYZ-1VN	177.000	WMF513MYH-1VN	177.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF504-VN	138.000	WMF504MYZ-VN	190.000	WMF504MYH-VN	190.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMF514-1VN	149.000	WMF514MYZ-1VN	207.000	WMF514MYH-1VN	207.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMF596-VN	387.000	WMF596MYZ-VN	539.000	WMF596MYH-VN	539.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF505-VN	157.000	WMF505MYZ-VN	222.000	WMF505MYH-VN	222.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMF515-1VN	172.000	WMF515MYZ-1VN	237.000	WMF515MYH-1VN	237.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF506-VN	177.000	WMF506MYZ-VN	245.000	WMF506MYH-VN	245.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMF516-1VN	188.000	WMF516MYZ-1VN	265.000	WMF516MYH-1VN	265.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF507-VN	232.000	WMF507MYZ-VN	323.000	WMF507MYH-VN	323.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMF517-1VN	249.000	WMF517MYZ-1VN	348.000	WMF517MYH-1VN	348.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF508-VN	260.000	WMF508MYZ-VN	362.000	WMF508MYH-VN	362.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít, có chỉ báo dạ quang 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Indicator Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMF518-1VN	279.000	WMF518MYZ-1VN	392.000	WMF518MYH-1VN	392.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMFV7811	50.000	WMFV7811MYZ	69.000	WMFV7811MYH	69.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMFV7812	50.000	WMFV7812MYZ	69.000	WMFV7812MYH	69.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMFV7813	50.000	WMFV7813MYZ	69.000	WMFV7813MYH	69.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type cover plate	WMF6891-VN	50.000	WMF6891MYZ-VN	69.000	WMF6891MYH-VN	69.000
	Công tắc thẻ - Không có đèn báo (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WMF535-VN	799.000	WMF535MYZ-VN	851.000	WMF535MYH-VN	851.000
	Công tắc có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF984-VN	245.000	WMF984MYZ-VN	342.000	WMF984MYH-VN	342.000
	Nút nhấn chuông có đèn báo "Không làm phiền", "Dọn phòng", "Vui lòng đợi" (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Hotel use switch with Indication for Don't disturb - Make up room - Please wait	WMF936-VN	1.149.000	WMF936MYZ-VN	1.194.000	WMF936MYH-VN	1.194.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Bell push button	WMF223-VN	110.000	WMF223MYZ-VN	155.000	WMF223MYH-VN	155.000
	Nút nhấn mở cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Unlock push button	WMF224-VN	110.000	WMF224MYZ-VN	155.000	WMF224MYH-VN	155.000
	Nút nhấn rèm cửa (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Curtain switch	WMF533-VN	144.000	WMF533MYZ-VN	199.000	WMF533MYH-VN	199.000
	Ổ cắm máy cạo râu (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Shaver socket	WMF132-VN	1.254.000	WMF132MYZ-VN	1.315.000	WMF132MYH-VN	1.315.000
	Ổ cắm TV (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Television terminal	WMF301-VN	140.000	WMF301MYZ-VN	199.000	WMF301MYH-VN	199.000
	Ổ cắm CATV (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) High-shield television terminal	WMF311-VN	163.000	WMF311MYZ-VN	227.000	WMF311MYH-VN	227.000
	Ổ cắm điện thoại 4 cực (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Telephone modular jack (6P4C)	WMF403-VN	149.000	WMF403MYZ-VN	193.000	WMF403MYH-VN	193.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMF421-VN	285.000	WMF421MYZ-VN	400.000	WMF421MYH-VN	400.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMF422-VN	450.000	WMF422MYZ-VN	627.000	WMF422MYH-VN	627.000



HÌNH ẢNH	DIỄN GIẢI	MÀU TRẮNG		MÀU VÀNG ÁNH KIM		MÀU XÁM ÁNH KIM	
		Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ	Mã sản phẩm	Giá lẻ
	Bộ 1 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 1 device with plate	WMT501-VN	114.000	WMT501MYZ-VN	126.000	WMT501MYH-VN	126.000
	Bộ 1 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 1 device with plate	WMT502-VN	140.000	WMT502MYZ-VN	152.000	WMT502MYH-VN	152.000
	Bộ 1 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 1 device with plate	WMT594-VN	400.000	WMT594MYZ-VN	432.000	WMT594MYH-VN	432.000
	Bộ 2 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 2 devices with plate	WMT503-VN	182.000	WMT503MYZ-VN	191.000	WMT503MYH-VN	191.000
	Bộ 2 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 2 devices with plate	WMT504-VN	217.000	WMT504MYZ-VN	228.000	WMT504MYH-VN	228.000
	Bộ 2 công tắc E, đảo chiều, cắm nhanh 250V - 10A (5 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch E, 4-ways, 2 devices with plate	WMT596-VN	763.000	WMT596MYZ-VN	829.000	WMT596MYH-VN	829.000
	Bộ 3 công tắc B, 1 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch B, 1-way, 3 devices with plate	WMT505-VN	244.000	WMT505MYZ-VN	267.000	WMT505MYH-VN	267.000
	Bộ 3 công tắc C, 2 chiều, cắm nhanh 250V - 16A (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 3 devices with plate	WMT506-VN	260.000	WMT506MYZ-VN	283.000	WMT506MYH-VN	283.000
	Bộ 4 công tắc B, 1 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch B, 1-way, 4 devices with plate	WMT507-VN	400.000	WMT507MYZ-VN	432.000	WMT507MYH-VN	432.000
	Bộ 4 công tắc C, 2 chiều, bắt vít 250V - 10A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Switch C, 2-ways, 4 devices with plate	WMT508-VN	478.000	WMT508MYZ-VN	512.000	WMT508MYH-VN	512.000
	Mặt vuông dùng cho 1 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 1 device	WMT7811-VN	71.000	WMT7811MYZ-VN	93.000	WMT7811MYH-VN	93.000
	Mặt vuông dùng cho 2 thiết bị/ ổ đơn 3 chấu (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 2 devices	WMT7812-VN	71.000	WMT7812MYZ-VN	93.000	WMT7812MYH-VN	93.000
	Mặt vuông dùng cho 3 thiết bị (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) BS type plate for 3 devices	WMT7813-VN	71.000	WMT7813MYZ-VN	93.000	WMT7813MYH-VN	93.000
	Mặt kín đơn (20 cái/hộp, 100 cái/thùng) Cover plate	WMT6891-VN	71.000	WMT6891MYZ-VN	93.000	WMT6891MYH-VN	93.000
	Đèn gắn tường soi lối đi có cảm biến hồng ngoại và ánh sáng (1 cái/hộp, 5 cái/thùng) Foot Light with Passive Infrared Sensor and Illuminance Sensor	WMT707-VN WMT707K-VN	2.735.000	WMT707MYZ-VN WMT707MYZK-VN	2.954.000	WMT707MYH-VN WMT707MYHK-VN	2.954.000
	Nút nhấn chuông (10 cái/hộp, 100 cái/thùng) Push button - 220VAC - 10A	WMT540108-VN	175.000	WMT540108MYZ-VN	217.000	WMT540108MYH-VN	217.000
	Bộ công tắc thẻ (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Card switch - 220VAC - 16A Thích hợp mọi loại thẻ nhựa Không bao gồm thẻ	WEC5781W-VN	1.893.000	WEC5781MYZ-VN	1.997.000	WEC5781MYH-VN	1.997.000
	Bộ 1 công tắc D, bắt vít, có đèn báo 250V-20A (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) Glow Switch D, 1 device with plate	WMTV503307	458.000	WMTV503307MYZ	510.000	WMTV503307MYH	510.000
	Ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E modular jack	WMT421-VN	300.000	WMT421MYZ-VN	430.000	WMT421MYH-VN	430.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT5E (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT5E 2 devices modular jack	WMT422-VN	550.000	WMT422MYZ-VN	680.000	WMT422MYH-VN	680.000
	Ổ Cắm Data Cat6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 modular jack	WMT431-VN	410.000	WMT431MYZ-VN	440.000	WMT431MYH-VN	440.000
	Bộ 2 ổ cắm data CAT6 (10 cái/hộp, 50 cái/thùng) CAT6 2 devices modular jack	WMT432-VN	630.000	WMT432MYZ-VN	760.000	WMT432MYH-VN	760.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

<https://kimquang.vn>
 Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub





## BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN A



**WTEGP51552S-1-G**  
Bộ 1 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch C - 2 ways  
1 - device with plate

840.000



**WTEGP52562S-1-G**  
Bộ 2 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch C - 2 ways  
2 - devices with plate

1.440.000



**WTEGP53572S-1-G**  
Bộ 3 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch C - 2 ways  
3 - devices with plate

2.150.000



**WTEGP54562S-1-G**  
Bộ 4 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch C - 2 ways  
4 - devices with plate

2.890.000



**WTEGP55582S-1-G**  
Bộ 5 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch C - 2 ways  
5 - device with plate

3.570.000



**WTEGP56572S-1-G**  
Bộ 6 công tắc có đèn báo  
Illuminated switch C - 2 ways  
6 - devices with plate

4.300.000

\*Bộ 4-5-6 công tắc lắp với đế âm NA102

## BỘ CÔNG TẮC - CÓ ĐÈN BÁO - CHUẨN BS



**WTFBP51552S-1-G**  
Bộ 1 công tắc có đèn báo  
BS type - Illuminated switch C  
2 ways, 1 device with plate

705.000



**WTFBP52562S-1-G**  
Bộ 2 công tắc có đèn báo  
BS type - Illuminated switch C  
2 ways, 2 devices with plate

1.230.000



**WTFBP53572S-1-G**  
Bộ 3 công tắc có đèn báo  
BS type - Illuminated switch C  
2 ways, 3 devices with plate

1.840.000

1.890.000

## MẶT ĐẶT



**WTFBP55137S-1**  
Bộ công tắc D có đèn báo  
Illuminated switch D  
2 ways, 2 devices with plate

830.000



**WTEG6503S-1-G**  
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn A  
1 - gang, 3 - devices

515.000



**WTFB6503S-1-G**  
Mặt đứng 3 thiết bị chuẩn BS  
1 gang, 3 devices plate

440.000

## PHỤ KIỆN CHO DÒNG GEN-X



**WEV2501B**  
Ổ cắm TV  
DIN type television terminal

139.000



**WEV2364B**  
Ổ cắm điện thoại 4 cực  
Telephone modular jack (6P4C)

139.000



**WEV2488B**  
Ổ cắm data CAT5 - Modular jack

275.000

**WEG24886B-G**  
Ổ cắm data CAT6 - Modular jack

305.000



**WEG57816B-1-G**  
Bộ điều chỉnh sáng tối  
500W, 220V  
Dimmer switch 220VAC, 500W

660.000



**WEG15829B-G**  
Ổ cắm đôi có màn che và dây nối dây 16A - 250V  
Grounding duplex universal receptacle  
With safety shutter 16A - 250V

144.000



**WEG3020B-G**  
Nút trống  
Blank chip

18.000



Ổ CẮM CÓ DÂY



**WCHG2836**  
Ổ cắm có dây, 6 ổ cắm, 3m  
Extension cord 6 sockets, 3m  
250VAC - 3500W  
Đóng gói 5 cái/thùng

915.000



**WCHG28334**  
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3 công tắc phụ, 3m  
Extension cord 3 sockets, 3m  
250VAC - 3500W  
Đóng gói 5 cái/thùng

1.205.000



**WCHG28352**  
Ổ cắm có dây, 5 ổ cắm, 1 công tắc, 3m  
Extension cord 5 sockets, 3m  
250VAC - 3500W  
Đóng gói 5 cái/thùng

995.000

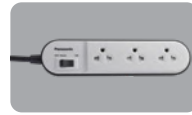


**Ổ CẮM NỐI DÂY**  
RÚT CẮM NHẸ NHÀNG,  
AN TOÀN CHẮC CHẮN



**WCHG243322W-VN**  
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm - 2 USB - 2,1A, 3m  
Extension cord 3 sockets - 2 USB, 3m  
250VAC - 2300W  
Đóng gói 10 cái/thùng

892.000



**WCHG24332W**  
Ổ cắm có dây, 3 ổ cắm, 3m  
Extension cord 3 sockets, 3m  
250VAC - 2300W  
Đóng gói 10 cái/thùng

505.000

Ổ CẮM ÂM SÀN - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



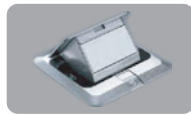
**DUF1200LTK-1**  
Chất liệu: Kim loại  
Bộ ổ âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)  
Bao gồm đế âm (54 x 119 x 119mm)  
Floor outlet, blank for triple device with outlet box

1.186.000



**DUF1200LTH-1**  
Chất liệu: Kim loại  
Tự động đóng khi không sử dụng  
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)  
Bao gồm đế âm (46x102x102mm)  
Floor outlet shallow type, blank for triple device with cover unit.

1.446.000



**DU5900VTK** (Kết hợp được với ổ đa năng WE11171)  
Chất liệu: Kim loại  
Ổ cắm âm sàn dạng POP-UP  
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)  
Bao gồm đế âm (69x119x119mm)  
Floor outlet POP-UP type, blank for triple device with cover unit.

1.310.000

Loại lắp 6 thiết bị



**DUMF3200LT-1**  
Chất liệu: Kim loại  
Bộ ổ cắm âm sàn loại 6 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)  
Bao gồm đế âm (54 x120 x120mm)  
Multi floor outlet, blank for six devices with outlet box

1.955.000

Ổ CẮM ÂM SÀN CÓ NẮP ĐẬY - CÓ ĐẾ ÂM

Loại lắp 3 thiết bị



**DU81931HTK-1/ DU81931HT9-1**  
Chất liệu: Nhựa tổng hợp  
Bộ ổ cắm âm sàn 2 ổ cắm có dây nối đất  
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)  
Grounding duplex universal receptacle

939.000



**DU8199HTK-1/ DU8199HT9-1**  
Chất liệu: Nhựa tổng hợp  
Ổ cắm âm sàn 3 thiết bị (chưa bao gồm thiết bị)  
Bao gồm đế âm (54x119x119mm)  
Floor outlet, blank for triple device with cover unit

868.000

(\* Lưu ý: Không lau chùi sản phẩm bằng hóa chất hoặc các chất tẩy rửa

THIẾT BỊ CẢM ỨNG GẮN TRẦN/ BẢO CHÁY



**WTKF24816-VN**  
Sensor chính - Loại âm trần  
8A - 220V  
8A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 6 sensor phụ  
Độ cao trần 3.5m - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút  
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W  
Vận hành lên đến 120.000 lần

Xuất xứ Đài Loan

1.914.000



**WTKG2411-P**  
Sensor chính - Loại âm trần  
3A 220V - 240V, có thể nối tối đa với 4 sensor phụ  
Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút  
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W  
Điều chỉnh độ nhạy sáng: 5 - 1.000lux  
Độ cao trần 3.0m

Xuất xứ Thái Lan

1.643.000



**WTKG2311/WTKF23113-VN**  
Tự động bật sáng khi có người và trời tối  
220 - 240VAC 3A  
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 30 phút  
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W  
Độ cao trần 3,5m

Xuất xứ Đài Loan

2.777.000



**WTKF2911-VN**  
Sensor phụ - Loại âm trần  
Kết nối với WTKG2411-P/WTKF24816-VN  
Không kết nối với đèn  
Độ cao trần 3,0m

Xuất xứ Đài Loan

983.000



**WTKF339107-VN**  
Cảm biến gắn trần cao - chiều cao lắp đặt lên đến 12.7m  
8A 220V-240V  
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W  
Loại gắn nổi - Chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút

Xuất xứ Đài Loan

3.140.000



**WTKG2310-P**  
Tự động bật sáng khi có người  
220 - 240VAC 3A  
Đèn sợi đốt 660W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 330W  
Loại âm trần, độ cao trần 3.0m  
Chế độ hẹn giờ tắt 1 phút

Xuất xứ Thái Lan

1.290.000



**WTKF337107-VN**  
Cảm biến góc rộng, gấp đôi vùng cảm biến (lên tới 13.3m)  
8A 220V - 240V  
Đèn sợi đốt 1760W - Đèn LED/ Huỳnh quang/ Quạt 880W  
Loại gắn nổi, độ cao trần 4.2m  
chế độ hẹn giờ tắt 10 giây - 10 phút

Xuất xứ Đài Loan

3.224.000



**SH2845591**  
Đầu báo cháy sử dụng pin (Loại phát hiện khói)  
Âm lượng báo động 84dB hoặc hơn với khoảng cách 1m so với thiết bị  
Tuổi thọ pin 10 năm, có chế độ báo pin yếu hoặc sự cố do lỗi kỹ thuật  
Loại gắn nổi

Xuất xứ Nhật Bản

1.030.000

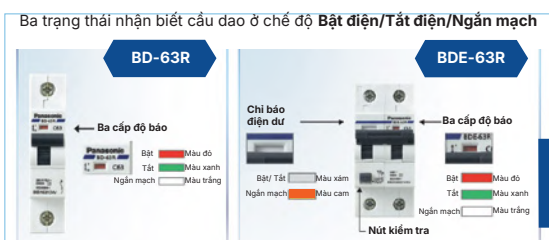
\*Giá bán đã bao gồm VAT



### MCB Cầu Dao Tự Động Din Bảo Vệ Quá Tải & Ngắn Mạch

Mã sản phẩm Mode	I <sub>n</sub> (A)	I <sub>cu</sub> (kA)	Giá lẻ (Cái)	Mã sản phẩm Mode	I <sub>n</sub> (A)	I <sub>cu</sub> (kA)	Giá lẻ (Cái)
<b>MCB 1P-1E C Curve 06kA</b> 	BBD1061CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA		BBD1061CHHV	06	240VAC/ 415VAC 10kA
	BBD1101CNV	10			BBD1101CHHV	10	
	BBD1161CNV	16			BBD1161CHHV	16	
	BBD1201CNV	20			BBD1201CHHV	20	
	BBD1251CNV	25			BBD1251CHHV	25	
	BBD1321CNV	32			BBD1321CHHV	32	
	BBD1401CNV	40			BBD1401CHHV	40	
	BBD1501CNV	50			BBD1501CHHV	50	
BBD1631CNV	63	BBD1631CHHV	63				
Đóng gói 12 cái/hộp 48 cái/thùng				Đóng gói 12 cái/hộp 120 cái/thùng			
<b>MCB 2P-2E C Curve 06kA</b> 	BBD2062CNV	06	240VAC/ 415VAC 06kA		BBD2062CHHV	06	415VAC 10kA
	BBD2102CNV	10			BBD2102CHHV	10	
	BBD2162CNV	16			BBD2162CHHV	16	
	BBD2202CNV	20			BBD2202CHHV	20	
	BBD2252CNV	25			BBD2252CHHV	25	
	BBD2322CNV	32			BBD2322CHHV	32	
	BBD2402CNV	40			BBD2402CHHV	40	
	BBD2502CNV	50			BBD2502CHHV	50	
BBD2632CNV	63	BBD2632CHHV	63				
Đóng gói 6 cái/hộp 24 cái/thùng				Đóng gói 6 cái/hộp 60 cái/thùng			
<b>MCB 3P-3E C Curve 06kA</b> 	BBD3063CNV	06	415VAC 06kA		BBD3063CHHV	06	415VAC 10kA
	BBD3103CNV	10			BBD3103CHHV	10	
	BBD3163CNV	16			BBD3163CHHV	16	
	BBD3203CNV	20			BBD3203CHHV	20	
	BBD3253CNV	25			BBD3253CHHV	25	
	BBD3323CNV	32			BBD3323CHHV	32	
	BBD3403CNV	40			BBD3403CHHV	40	
	BBD3503CNV	50			BBD3503CHHV	50	
BBD3633CNV	63	BBD3633CHHV	63				
Đóng gói 4 cái/hộp 16 cái/thùng				Đóng gói 4 cái/hộp 40 cái/thùng			
<b>MCB 4P-4E C Curve 06kA</b> 	BBD4164CNV	16	415VAC 06kA		BBD4064CHHV	06	415VAC 10kA
	BBD4204CNV	20			BBD4104CHHV	10	
	BBD4254CNV	25			BBD4164CHHV	16	
	BBD4324CNV	32			BBD4204CHHV	20	
	BBD4404CNV	40			BBD4254CHHV	25	
	BBD4504CNV	50			BBD4324CHHV	32	
	BBD4634CNV	63			BBD4404CHHV	40	
	BBD4634CNV	63			BBD4504CHHV	50	
BBD4634CNV	63	BBD4634CHHV	63				
Đóng gói 3 cái/hộp 12 cái/thùng				Đóng gói 3 cái/hộp 30 cái/thùng			
					BBD40804CHV	80	400VAC 10kA
					BBD41004CHV	100	
					Đóng gói 2 cái/hộp		
					Đóng gói 2 cái/hộp		

### NHẬN BIẾT TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA MCB/RCBO




Các chỉ số tình trạng Bật điện, Tắt điện và ngắn mạch được hiển thị thành màu sắc giúp nhanh chóng và dễ dàng nhận diện mạch điện đã được ngắt.



RCBO CẦU DAO BẢO VỆ QUÁ TẢI, NGẮN MẠCH & CHỐNG RÒ

**RCBO Compact 2P1E**

**NEW**



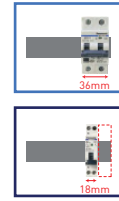
12 cái/ hộp  
48 cái/ thùng

Mã sản phẩm	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA)	Giá lẻ (cái)
BBPE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	720.000
BBPE21631CNV	16			
BBPE22031CNV	20			
BBPE22531CNV	25	30	240VAC 06kA	770.000
BBPE23231CNV	32			




**Gọn hơn  
Tối ưu hơn**

\* Hai cấp độ bảo vệ:  
Bật: màu đỏ (cấp điện)  
Tắt: màu xanh (ngắt điện)




**RCBO 2P1E**



6 cái/hộp  
24 cái/thùng

Mã sản phẩm	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE20631CNV	06	30	240VAC 06kA	628.000
BBDE21631CNV	16			
BBDE22031CNV	20			
BBDE22531CNV	25	30	240VAC 06kA	673.000
BBDE23231CNV	32			
BBDE24031CNV	40	30	240VAC 06kA	954.000
BBDE25031CNV	50			
BBDE26331CNV	63			

**RCBO 4P4E**




4 cái/thùng

Mã sản phẩm	$I_n$ (A)	$I_{\Delta n}$ (mA)	$I_{cu}$ (kA)	Giá lẻ (cái)
BBDE42534CNV	25	30	415VAC 06kA	1.581.000
BBDE43234CNV	32			
BBDE44034CNV	40			
BBDE45034CNV	50	30	415VAC 06kA	2.079.000
BBDE46334CNV	63			

RCCB CẦU DAO CHỐNG RÒ


**RCCB 2P**



5 cái/hộp  
30 cái/thùng

Mã sản phẩm	$I_n$ (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR22530HV	25	30mA-2P	1.091.000
BBDR23230HV	32		
BBDR24030HV	40		
BBDR26330HV	63		

**RCCB 4P**




4 cái/hộp  
16 cái/thùng

Mã sản phẩm	$I_n$ (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR42530HV	25	30mA-4P	1.747.000
BBDR43230HV	32		
BBDR44030HV	40		
BBDR46330HV	63		

**RCCB 2P**

**NEW**

XUẤT XU VN




5 cái/hộp  
30 cái/thùng

Mã sản phẩm	$I_n$ (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR22530V	25	30mA-2P	CẬP NHẬT
BBDR23230V	32		
BBDR24030V	40		
BBDR26330V	63		

**RCCB 4P**

**NEW**

XUẤT XU VN



4 cái/hộp  
16 cái/thùng

Mã sản phẩm	$I_n$ (A)	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Giá lẻ (cái)
BBDR42530V	25	30mA-4P	CẬP NHẬT
BBDR43230V	32		
BBDR44030V	40		
BBDR46330V	63		

\* Dự kiến có hàng 10/2026

\* Hình ảnh minh họa

\* Dự kiến có hàng 10/2026

\* Hình ảnh minh họa

BỘ CẦU DAO AN TOÀN HB 2P1E - SAFETY BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications		Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức $I_n$ (A)	Dòng cắt danh định $I_{cu}$ (kA) 240VAC	
	BS1106TV	6	1	89.000
	BS110TV	10	1,5	
	BS111TV	15	1,5	
	BS112TV	20	1,5	
	BS113TV	30	1,5	
	BS114TV	40	1,5	

1 cái/ hộp  
50 cái/ thùng

CẦU DAO TỰ ĐỘNG DIN - EARTH LEAKAGE BREAKER

Thiết bị chỉ chống dòng rò, không bảo vệ quá tải

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức $I_n$ (A)	Dòng cắt danh định $I_{cu}$ (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	BJS3220NA2K	32	2,5	15	370.000
	BJS3230NA2K			30	
	BJS302NA2	30	1,5	15	383.000
	BJS3030NA2			30	
	BJJ23030-8	30	2,5	30	827.000

BỘ CẦU DAO AN TOÀN 2P2E

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức $I_n$ (A)	Dòng cắt danh định $I_{cu}$ (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	BJS1532S1V	15	1,5	30	536.000
	BJS2032S1V	20			
	BJS3032S1V	30			
	BJJ23022-8	30	1,5	15	972.000
	BJJ23032-8				

Xuất xứ Thái Lan

Xuất xứ Nhật Bản

ELCB-EARTH LEAKAGE CIRCUIT BREAKER

Thiết bị bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Thông số kĩ thuật - Specifications			Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức $I_n$ (A)	Dòng cắt danh định $I_{cu}$ (kA) 240VAC	Dòng ngắt rò $I_{\Delta n}$ (mA)	
	BKW2503Y	50	2,5		1.695.000
	BKW2603SKY	60	10	30	2.496.000
	BKW21003KY	100	25		3.494.000

Xuất xứ Nhật Bản

\*Giá bán đã bao gồm VAT



### MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC 60947-2 Standard

SF Series		Thông số kĩ thuật - Specifications				
Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Mode	Dòng định mức I <sub>n</sub> (A)	Khung dòng điện	Dòng cắt danh định I <sub>cu</sub> (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBSF2210CTCV	10	100AF	240 VAC 20kA	2P-2E	950.000
	BBSF2216CTCV	16				
	BBSF2220CTCV	20				
	BBSF2225CTCV	25				
	BBSF2232CTCV	32				
	BBSF2240CTCV	40				
	BBSF2250CTCV	50				
	BBSF2263CTCV	63				
	BBSF2280CTCV	80				
	BBSF22100CTCV	100				
	BBSF3310CFCV	10	160AF	35kA	3P-3E	1.620.000
	BBSF3316CFCV	16				
	BBSF3320CFCV	20				
	BBSF3325CFCV	25				
	BBSF3332CFCV	32				
	BBSF3340CFCV	40				
	BBSF3350CFCV	50				
	BBSF3363CFCV	63				
	BBSF33100CFCV	100				
	BBSF33160CFCV	160				
	BBSF34200CFCV	200	250AF	50kA	4P-4E	3.500.000
	BBSF34250CFCV	250				
	BBSF35315CMCV	315				
	BBSF35350CMCV	350				
	BBSF35400CMCV	400				
	BBSF36500CMCV	500				
	BBSF36630CMCV	630				
	BBSF37700CMCV	700				
	BBSF37800CMCV	800				
	BBSF45315CMCV	315				
	BBSF45350CMCV	350	400AF	50kA	4P-4E	13.860.000
	BBSF45400CMCV	400				
	BBSF46500CMCV	500				
	BBSF46630CMCV	630				
	BBSF47700CMCV	700				
	BBSF47800CMCV	800				

Phụ kiện cho dòng SF Series			
Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Mode	Diễn giải	Giá lẻ (cái)
	BBS250Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 160A, 200A, 250A	470.000
	BBS800Q10A8V	Cuộn cắt AC240V cho thiết bị có dòng định mức 315A, 350A, 400A, 500A, 630A, 700A, 800A	970.000
	BBS800Q20LV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q20RV	Tiếp điểm phụ báo trạng thái, bên phải, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q08LV	Tiếp điểm phụ báo tín hiệu, bên trái, cho MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	540.000
	BBS800Q10A7V	Cuộn cắt AC110V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D7V	Cuộn cắt DC110V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q10D8V	Cuộn cắt DC220V của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	970.000
	BBS800Q30A2V	Cuộn cắt thấp áp AC240V/50Hz của MCCB SF dòng định mức từ 315A đến 800A	1.490.000
	BBS630QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 315A đến 630A	3.010.000
	BBS800QB1V	Tay nắm xoay kéo dài của MCCB SF dòng định mức 700A và 800A	3.370.000
	BBS630QA1V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 3P3E từ 315A đến 630A	740.000
	BBS630QA2V	Tấm che đầu cực của Cầu dao điện tự động MCCB SF 4P4E từ 315A đến 630A	960.000

Model	SF-160	SF-250	
Breaking type	F type	F type	
SHT			
Trạng thái cầu dao	UVT	SHT/AX/AL	UVT+SHT/AX/AL
SF-160	Trạng thái đang ngắt mạch	Bật	Điều chỉnh về trạng thái "BẬT" (ON) trước, sau đó lắp đặt các phụ kiện SHT/AX/AL, sau đó đưa về trạng thái đang ngắt mạch và tiến hành lắp đặt phụ kiện UVT.
SF-250	Trạng thái đang ngắt mạch		

### MCCB - MOLDED CASE CIRCUIT BREAKER

Tiêu chuẩn Nhật Bản - JIS Standard - Xuất xứ Nhật Bản

Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Mode	Thông số kĩ thuật (Specifications)			Số cực	Giá lẻ (cái)
		Dòng định mức I <sub>n</sub> (A)	Dòng cắt danh định I <sub>cu</sub> (kA)			
			220 VAC	415 VAC		
	BBW240SKY	40	10	2,5	2P	925.000
	BBW250SKY	50				
	BBW260Y	60				
	BBW310Y	10	2,5	1,5	3P	725.000
	BBW315Y	15				
	BBW320Y	20				
	BBW330Y	30				

VH/ MH Series		Thông số kĩ thuật - Specifications			
Hình ảnh Images	Mã sản phẩm Mode	Dòng định mức I <sub>n</sub> (A)	Dòng cắt danh định I <sub>cu</sub> (kA) 415VAC	Số cực	Giá lẻ (cái)
	BBC3601YHV	63	10kA	3P	1.785.000
	BBC31502YHVS	150			
	BBC32001YHVS	200			
	BBC3250YHVS	250			
	BBC3600YHV	600	36kA	3P	24.100.000
	BBC3630YHV	630			
	BBC3800YHV	800			
	BBC35300CMHV	300			
	BBC35350CMHV	350	50kA	3P	12.770.000
	BBC35400CMHV	400			
	BBC36500GMHV	500			
	BBC36630GMHV	630			
	BBC37700GMHV	700			
	BBC37800GMHV	800			



THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

NEW KHỞI ĐỘNG TỬ DẠNG DIN, ĐIỆN ÁP ĐIỀU KHIỂN U<sub>c</sub> = AC 240V

Tiêu chuẩn quốc tế - IEC61095, IEC60947-4-1

Thông số kỹ thuật (Specifications)	BBDT2321BV
Điện áp định mức (Un)	230V
Điện áp làm việc lớn nhất (U <sub>c</sub> )	320V (50/60Hz)
Dòng xả xung sét (8/20μs) (In)	20 kA
Dòng xả xung sét cực đại (8/20μs) (I <sub>max</sub> )	40 kA
Cấp bảo vệ điện áp (Up)	≤ 1,5 kV
Thời gian phản hồi (tA)	≤ 25 ns
Dạng lắp đặt	35mm DIN Rail
<b>3.140.000</b>	

Đóng gói 50 cái/thùng

\* Thay thế SPD khi phản hiện thị màu xanh chuyển sang đỏ

Mã sản phẩm Mode	Loại	I <sub>n</sub> (A)	Kích thước (mm)	Giá lẻ (cái)
BMD2020204ACV	2NO (2 tiếp điểm thường mở)	20	17,8 x 82 x 60	<b>980.000</b>
BMD2025204ACV		25		<b>980.000</b>
BMD2040204ACV		40		<b>1.400.000</b>
BMD2063204ACV	4NO (4 tiếp điểm thường mở)	63	35,4 x 82 x 60	<b>2.530.000</b>
BMD4025404ACV		25		<b>1.030.000</b>
BMD4040404ACV		40		<b>1.860.000</b>
BMD4063404ACV		63		<b>2.940.000</b>

\* I<sub>n</sub> (A) Tham chiếu cho thiết bị tài AC-7a






TỦ ĐIỆN ÂM TƯỜNG - DISTRIBUTION BOX

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Màu	Chất liệu	Số đường/ Phụ kiện kèm theo	Kích thước âm tường RxCxS (mm)	Thông số ống PVC (mm)					Giá lẻ (cái)
						Ø16	Ø20	Ø25	Ø32	Ø40	
	BQDF08W31AV	Trắng	- Để sắt - Mặt che nhựa	8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	<b>760.000</b>
	BQDF08MG31AV	Vàng ánh kim									<b>1.020.000</b>
	BQDF08MH31AV	Xám ánh kim									<b>1.020.000</b>
	BQDF12W31AV	Trắng		12 đường Thanh lược + Nhân dán	302 x 220 x 95	-	6	5	2	2	<b>960.000</b>
	BQDF12MG31AV	Vàng ánh kim									<b>1.290.000</b>
	BQDF12MH31AV	Xám ánh kim									<b>1.290.000</b>
	BQDF16W31AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	<b>1.120.000</b>
	BQDF16MG31AV	Vàng ánh kim									<b>1.490.000</b>
	BQDF16MH31AV	Xám ánh kim									<b>1.490.000</b>
	BQDF24W11AV	Trắng		24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	302 x 380 x 95	-	6	5	2	2	<b>1.960.000</b>
	BQDF24MG11AV	Vàng ánh kim									<b>2.630.000</b>
	BQDF24MH11AV	Xám ánh kim									<b>2.630.000</b>
	BQDX08T11AV	Trắng	- Để sắt - Mặt che nhựa - màu trắng - Mặt che nhựa phủ kim loại - màu vàng	8 đường Thanh lược + Nhân dán	230 x 220 x 95	1	4	2	2	2	<b>1.290.000</b>
	BQDX08G11AV	Vàng ánh kim									<b>2.860.000</b>
	BQDX12T11AV	Trắng									12 đường Thanh lược + Nhân dán
	BQDX12G11AV	Vàng ánh kim		<b>3.080.000</b>							
	BQDX16T11AV	Trắng		16 đường Thanh lược + Nhân dán	374 x 220 x 95	-	7	6	2	2	
	BQDX16G11AV	Vàng ánh kim									<b>3.410.000</b>
	BQDX24T11AV	Trắng									24 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán
	BQDX24G11AV	Vàng ánh kim		<b>5.230.000</b>							
	BQDX32T11AV	Trắng		32 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán	374 x 380 x 95	-	8	7	2	2	
	BQDX32G11AV	Vàng ánh kim									<b>6.330.000</b>
	BQDX40T21AV	Trắng									40 đường (2 tầng) Thanh lược + Nhân dán
	BQDX40G21AV	Vàng ánh kim		<b>7.530.000</b>							

\*Giá bán đã bao gồm VAT



## CÔNG TẮC ĐỒNG HỒ

	TB178	TB118	TB35809NE5	TB38809NE7	TB4728KE7V
<b>Tự động quản lý</b> Thời gian và điện năng hiệu quả hơn					
<b>Giá lẻ (cái)</b>	<b>650.000</b>	<b>1.050.000</b>	<b>785.000</b>	<b>1.210.000</b>	<b>1.840.000</b>
<b>Loại/ Type</b>	SPST - 24h	SPST - 24h	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	SPST - 24h Gắn thanh ray DIN	Điện tử - 24h/ Các ngày trong tuần
<b>Hẹn giờ/ Functions</b>	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off	On-Off/Chu kỳ/Xung
<b>Chương trình Operation</b>	6	6	96	96	210; chọn các ngày nghỉ bất kỳ trong tuần
<b>Công suất Consumption</b>	220 - 240VAC 15A	220 - 240VAC, 15A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 20A	220 - 240VAC 15A
<b>Pin dự trữ Battery</b>	-	300 giờ <b>TB380N2457</b> Giá lẻ: <b>209.000</b>	-	300 giờ <b>TB380N2457</b> Giá lẻ: <b>209.000</b>	5 năm
<b>Độ chia nhỏ nhất Min setting (mins)</b>	30 phút	30 phút	15 phút	15 phút	1 phút

## PHÍCH CẮM VÀ Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP

	<b>WK2315K</b> 125V - 15A - 2P + Ground <b>WK2320K</b> 250V - 20A - 3P <b>WK2330</b> 250V - 30A - 2P + Ground Ổ cắm locking loại nổi, màu đen Locking surface mounting receptacle black	<b>277.000</b> <b>292.000</b> <b>810.000</b>		<b>WK1330</b> Ổ cắm chuyên dùng Surface mounting receptacle 250V - 30A - 3P	<b>730.000</b>
	<b>WK2420K</b> 250V - 20A - 3P + Ground <b>WK22430</b> 250V - 30A - 3P + Ground Ổ cắm locking loại nổi, màu đen Locking surface mounting receptacle black	<b>441.000</b> <b>892.000</b>		<b>WF4330</b> Phích cắm kín nước - Rubber plug 250V - 30A - 3P	<b>977.000</b>
	<b>WF6315</b> 125V - 15A - 2P + Ground <b>WF6320</b> 250V - 20A - 3P <b>WF6330</b> 250V - 30A - 2P + Ground Phích cắm locking/ Locking Plug	<b>176.000</b> <b>242.000</b> <b>618.000</b>		<b>WN9513/ WN9514</b> Mặt nhôm lỗ tròn - Đường kính 35,5/ 45,5mm 1 gang - 1 device aluminum plate 35,5 dia/ 45,5 dia	<b>124.000</b>
	<b>WF6420</b> 250V - 20A - 3P <b>WF6430</b> 250V - 30A - 3P + Ground Phích cắm locking/ Locking Plug	<b>279.000</b> <b>785.000</b>		<b>WN3040K-8</b> Trạm nối đất - Grounding - terminal	<b>105.000</b>
	<b>WF2315WK (Trắng)</b> 125V - 15A - 2P + Ground <b>WF2320WK (Trắng)</b> 250V - 20A - 3P <b>WF2330B (Đen)</b> 250V - 30A - 2P + Ground Lắp với WN9513	<b>267.000</b> <b>251.000</b> <b>671.000</b>		<b>WNH5611-801</b> Công tắc thẻ (3 tiếp điểm) - Tablet switch (3 circuits) Sử dụng với mặt WZV7843W 250V - 10A	<b>1.810.000</b>
	<b>WF2420BK (Đen)</b> 125V - 15A - 2P + Ground <b>WF2430B (Đen)</b> 250V - 20A - 3P <b>WF2420WK (Trắng)</b> 250V - 30A - 2P + Ground Lắp với WN9514	<b>438.000</b> <b>829.000</b> <b>438.000</b>		<b>WN1518R</b> Ổ cắm đôi có dây nối đất Grounding flat pin receptacle 125V - 15A	<b>370.000</b>
	<b>WN37008</b> Đại kim loại - Metal-Frame	<b>36.000</b>		<b>ME2592W</b> Phích cắm 3 chấu - Grounding plug 125V - 15A Đóng gói 10 cái/hộp	<b>150.000</b>

## CHUÔNG ĐIỆN

	<b>EGG331</b> Nút chuông kín nước, 220VAC - 1A Bell push button Đóng gói 20 cái/ thùng Kết nối được 02 chuông EBG888	<b>136.000</b>		<b>EBG888</b> Chuông điện, 220V - 9,5W, 50Hz, 82dB Door chime Đóng gói 10 cái/ thùng	<b>233.000</b>
---	--	----------------	---	---	----------------



**ProClub**

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

<https://kimquang.vn>

\*Giá bán đã bao gồm VAT

DIMMER



**NDF603F/ NDL603F-Full** ..... 63.500  
**NDF603W/ NDL603W-Wide** .....  
 - Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt/độ sáng đèn  
 - Dimmer for fan/lamp 220VAC - 700W  
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

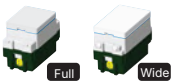


**NDL903F-Full/ NDL903W-Wide** ..... 70.000  
 - Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn - 220VAC - 1000W  
 - Dimmer for incandescent lamp  
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 100 cái/thùng

CẦU CHÌ



**NF101F-Full/ NF101W - Wide** ..... 16.800  
**FF102F-Nano-Full/ FF102W-Nano-Wide** .....  
 - Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A  
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng



**NF102F -Full** ..... 18.500  
**NF102W -Wide** .....  
 - Cầu chì - Fuse - 220VAC - 10A  
 - Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

\* Đạt tiêu chuẩn TCVN6188-1:2007



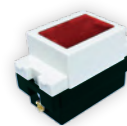
**NP10250D** ..... 7.500  
 - Phích cắm đơn 10A - 250V  
 - Chân cắm bằng đồng Ø 4,0mm  
 - Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập  
 - Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện  
 - Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 100 cái/hộp; 200 cái/ thùng



**N302WF-Nanoco-Full** ..... 18.000  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)  
**N302WW-Nanoco-Wide** .....  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)  
**FXF302WW-Nano-Full** .....  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)  
 - Đèn báo màu trắng  
 - Pilot lamp, white 220VAC



**N302GF-Nanoco-Full** ..... 18.000  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)  
**N302GW-Nanoco-Wide** .....  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)  
**FXF302GW-Nano-Full** .....  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 180 cái/thùng)  
 - Đèn báo màu xanh  
 - Pilot lamp, green 220VAC



**N302RF-Nanoco-Full** ..... 18.000  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)  
**N302RW-Nanoco-Wide** .....  
 (Đóng gói 10 cái/hộp, 200 cái/thùng)  
 - Đèn báo LED màu đỏ  
 - Pilot lamp, red 220VAC

Ổ CẮM - PHÍCH CẮM ĐƠN



**NS10250A** ..... 13.000  
 - Ổ cắm đơn 10A - 250V  
 - Tiếp điểm bằng đồng  
 - Vỏ nhựa ABS chống cháy, chịu va đập  
 - Kẹp giữ dây giúp định vị và tránh tuột dây điện  
 - Đóng gói: 10 cái/dây hoặc 100 cái/hộp; 200 cái/ thùng

An toàn và tiện lợi Đạt tiêu chuẩn: IEC 60884-1:2002

Ổ CẮM CÓ DÂY



**NES5215-3** - Dây 3m ..... 185.000  
**NES5215-5** - Dây 5m ..... 222.000  
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W  
 - Loại 5 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc  
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



**NES332U-3** - Dây 3m ..... 285.000  
**NES332U-5** - Dây 5m ..... 340.000  
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W, USB 2.1A  
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 2 USB + 2 công tắc  
 - Đèn báo chuyển sang màu xanh khi sạc đầy  
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



**NES3332-3** - Dây 3m ..... 235.000  
**NES3332-5** - Dây 5m ..... 280.000  
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W  
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc  
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



**NES3320-5** - Dây 5m ..... 248.000  
 - Công suất 20A - 250V ~ 5000W  
 - Nhựa chịu nhiệt cao  
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 1 công tắc  
 - Dùng cho nồi lẩu, bếp điện  
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



**NES43415-3** - Dây 3m ..... 252.000  
**NES43415-5** - Dây 5m ..... 300.000  
 - Công suất 15A - 250V ~ 3750W  
 - Loại 4 ổ cắm đa năng + 4 công tắc  
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



**NES3332-3S1** - Dây 3m ..... 145.000  
**NES3332-5S1** - Dây 5m ..... 175.000  
 - Công suất 10A - 250V ~ 2500W  
 - Loại 3 ổ cắm đa năng + 3 ổ cắm 2 chấu + 1 công tắc  
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



**NES4213-3S1** - Dây 3m ..... 115.000  
**NES4213-5S1** - Dây 5m ..... 140.000  
 - Công suất 10A - 250V ~ 2500W  
 - Loại 4 ổ 2 chấu + 1 ổ cắm đa năng + 1 công tắc  
 - Đóng gói: 10 cái/ thùng



NHỰA CHỐNG CHÁY



Tiếp điểm HỢP KIM ĐÓNG



CÔNG TẮC ĐÈN LED



MÀN CHE AN TOÀN



CHỊU LỰC CHỐNG VA ĐẬP



ROLE BẢO VỆ QUÁ NHIỆT



Dây điện DÀI 3-5M



ĐIỀU KHIỂN

ĐUI ĐÈN E27



**NAE2790WM1** - Màu trắng, kèm vít ..... 11.000  
**NAE2790W** - Màu trắng ..... 10.000  
**NAE2790BK** - Màu đen ..... 10.000  
 - Đui đèn E27 loại 90°  
 - Nhựa chống va đập  
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



**NAE2745WM1** - Màu trắng, kèm vít ..... 11.000  
**NAE2745W** - Màu trắng ..... 10.000  
**NAE2745BK** - Màu đen ..... 10.000  
 - Đui đèn E27 loại nghiêng 45°  
 - Nhựa chống va đập  
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



**NAE2727W** - Màu trắng ..... 10.000  
**NAE2727BK** - Màu đen ..... 10.000  
 - Đui đèn E27 loại di động  
 - Nhựa chống va đập  
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



**NAE4590WM1** - Màu trắng, kèm vít ..... 13.500  
**NAE4590W** - Màu trắng ..... 11.500  
 - Đui đèn E27 xoay đa năng  
 - Nhựa chống va đập  
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 40 cái/thùng



**NAE2720W** - Màu trắng ..... 12.500  
**NAE2720BK** - Màu đen ..... 12.500  
 - Đui đèn E27 loại di động có dây dài 20cm  
 - Nhựa chống va đập  
 - Đóng gói: 10 cái/dây; 100 cái/thùng



ĐUI ĐÈN E27

\*Giá bán đã bao gồm VAT



**TỦ ĐIỆN - Đạt tiêu chuẩn IEC60439-1:2004**

\* Thanh lược đồng cho tủ điện đạt tiêu chuẩn IEC60439-2:2005

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Chất liệu	Số đường (Modules)	Kích thước âm tường CxRxS (mm)	Đóng gói	Giá lẻ (Cái)
	<b>NDP104P</b>	Mặt - đế nhựa	2 - 4	200x125x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	<b>99.000</b>
	<b>NDP104</b>	Mặt nhựa, đế kim loại	2 - 4	200x125x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	<b>115.000</b>
	<b>NDP108P</b>	Mặt - đế nhựa	4 - 8	200x200x65	1 cái/hộp, 5 cái/cây	<b>155.000</b>
	<b>NDP108</b>	Mặt nhựa, đế kim loại	4 - 8	200x200x58	1 cái/hộp, 5 cái/cây	<b>176.000</b>
	<b>NDP110</b>	Mặt - đế kim loại	5 - 10	200x265x58	1 cái/hộp	<b>270.000</b>
	<b>NDP114</b>	Mặt - đế kim loại	10 - 14	200x337x58	1 cái/hộp	<b>330.000</b>
	<b>NDP120</b>	Mặt - đế kim loại	12 - 20	380x283x58	1 cái/hộp	<b>550.000</b>
	<b>NDP126</b>	Mặt - đế kim loại	18 - 26	380x320x58	1 cái/hộp	<b>790.000</b>
	<b>NDP128</b>	Mặt - đế kim loại	20 - 28	380x340x58	1 cái/hộp	<b>895.000</b>

**BÚT THỬ ĐIỆN**

An toàn, tiện lợi

**NEP1501**

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng



**19.500**

**NEP1502**

- Kiểm tra điện áp nhanh, từ AC 100 - 500V
- Nhựa ABS bền bỉ
- Tích hợp 2 dạng đầu thử
- Thiết kế nhỏ gọn, dễ bỏ túi, có cài vạt túi tiện lợi
- Tay cầm chống trượt
- Đóng gói: 1 cái/ hanger; 24 cái/hộp; 600 cái/thùng



**19.500**

**NEP1201 - Bút thử điện đa năng**

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Đèn chỉ thị, Đèn LED chiếu sáng, Pin AG3-1.5V
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp



**51.000**

**NEP1202 - Bút thử điện đa năng**

- Điện áp kiểm tra: 12V-220V
- Màn hình hiển thị LCD
- Thân bút bằng nhựa ABS độ bền cao
- Đo điện cảm ứng, đo điện áp, đo thông mạch và đứt mạch
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 20 cái/hộp



**24.000**

**NEP7250 - Bút thử điện đa năng**

- Dễ dàng thấy đèn báo ngay cả trong ánh sáng tự nhiên
- Công nghệ 2 đèn báo LED 2 màu thông minh
- Nhựa chống rơi, kín nước IP66
- Kiểm tra điện cảm ứng khoảng cách 30 - 60 mm
- Đầu bút hợp kim titan bền bỉ
- Điện áp kiểm tra 70V - 250V (AC-DC)
- Đóng gói: 1 cái/Blister, 10 cái/hộp



**33.000**

**CÔNG TẮC THẺ**

**NCS7001**

- Công tắc thẻ (Có bao gồm thẻ)
- Card Switch -20A - 250V
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 10 cái/thùng



**840.000**

**CHUÔNG BÁO CẢM BIẾN KHÔNG DÂY**

**NJX378**

- Chuông báo cảm biến không dây
- DC 4,5V/ Max 0,5W
- Bảo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Bảo trợ: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- Vùng cảm biến: 4 - 8m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA; Có thể kết nối thêm với chuông ND156/ND157
- Đóng gói: 1 bộ/vi treo; 10 bộ/ thùng



**330.000**

**NJX379-156**

- Chuông báo cảm biến không dây kèm chuông điện báo xa đến 150m
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- Bảo khách: 6 ngôn ngữ chào "Hello, welcome" và 22 kiểu chuông
- Bảo trợ: 3 kiểu âm báo động
- 4 mức (lớn nhất - lớn - vừa - nhỏ), 70 dB - 110 dB
- 3 mức cảm biến: OFF, LOW ≤ 4m, HIGH ≤ 10m; Góc cảm biến: 120°
- Có sẵn 3 pin AAA
- Đóng gói: 1 cái/vi treo, 10 bộ/thùng



**550.000**

**CHUÔNG ĐIỆN KHÔNG DÂY**

**ND156 - Đóng gói hộp ND1561 - Đóng gói vi treo**



**ND157 - Đóng gói hộp ND1571 - Đóng gói vi treo**

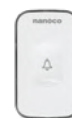


- Bộ chuông điện không dây
- 110V - 220V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn - vừa - nhỏ - im lặng), 0 dB - 110 dB
- Hoạt động lên đến 300m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông cảm ứng NDT15
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vi treo; 10 bộ/thùng

**340.000**

**NDT15**

- Nút chuông cảm ứng
- Dùng cho chuông ND156/ ND157
- Pin CR2032 3V
- IP44, cảm ứng 1 lần chạm
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND156/157
- Đóng gói: 1 cái/hộp; 100 cái/thùng



**140.000**

**ND153W**



**ND153BK**



- Bộ chuông điện không dây không dùng pin
- 110V - 240V/ Max 0,5W
- 36 kiểu chuông
- 4 mức âm lượng (lớn-vừa-nhỏ-im lặng), 0 dB - 110 dB
- Hoạt động lên đến 150m (không vật cản)
- Có thể kết nối thêm đến 8 nút chuông NDT153W/BK
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông
- Đóng gói: 1 bộ/vi treo, 10 bộ/ thùng

**370.000**

**NDT153W NDT153BK**

- Nút chuông không dùng pin
- Dùng cho ND153BK/ND153W
- Có thể lắp ngoài trời
- Độ bền đến 100,000 lần nhấn
- 1 nút kết nối được với nhiều chuông ND153W/BK
- Đóng gói: 1 cái/hộp, 100 cái/thùng



**170.000**



## ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG TRÒN

Công nghệ châu Âu TCVN7417-1:2010  
IEC61386\_1:2008  
Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BSEN61386-21:2004 + A11:2010



### Ống luồn dây điện dạng tròn



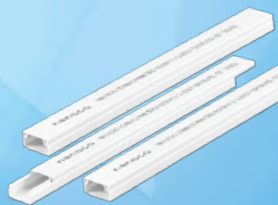
Mã sản phẩm	Đường kính (mm)	Độ dày (mm)	Lực nén (N)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ ống (cây)	
					Trắng	Màu
FPC16L	Ø16	1,25 ± 0,1	320	50	22.000	
FPC20L	Ø20	1,3 ± 0,1	320	50	29.000	
FPC25L	Ø25	1,4 ± 0,1	320	25	42.000	
FPC32L	Ø32	1,75 ± 0,1	320	20	67.000	
FPC16H	Ø16	1,55 ± 0,1	1.250	50	31.000	
FPC20H	Ø20	1,7 ± 0,1	1.250	50	41.000	
FPC25H	Ø25	2,0 ± 0,1	1.250	25	59.000	
FPC32H	Ø32	2,1 ± 0,1	1.250	20	111.000	
FPC40H	Ø40	2,3 ± 0,1	1.250	10	146.000	
FPC50H	Ø50	2,65 ± 0,1	1.250	10	193.000	
FPC16	Ø16	1,35 ± 0,1	750	50	25.000	28.000
FPC20	Ø20	1,4 ± 0,1	750	50	33.000	36.000
FPC25	Ø25	1,45 ± 0,1	750	25	48.000	53.000
FPC32	Ø32	1,85 ± 0,1	750	20	74.000	81.000

Ghi chú: Chiều dài 2.92m/cây.

### Nẹp luồn dây điện dạng vuông

## NẸP LUỒN DÂY ĐIỆN DẠNG VUÔNG

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn  
IEC61084-2-1:2017



Mã sản phẩm	Kích thước (mm)	Độ dày (mm)	Chiều dài (m/cây)	Đóng gói (Cây/bó)	Giá lẻ (Cây)
NNV1715	15x9	0,7 ± 0,1	1,7	50	9.000
NNV1720	20x10	0,7 ± 0,1	1,7	50	11.400
NNV1725	25x14	0,9 ± 0,1	1,7	50	17.400
NNV1730	30x16	1,0 ± 0,1	1,7	50	21.000
NNV1740	40x18	1,2 ± 0,1	1,7	25	32.600
NNV1750	50x35	1,4 ± 0,1	1,7	10	70.000
NNV1760	60x40	1,5 ± 0,1	1,7	6	88.000
NNV1780	80x60	1,7 ± 0,1	1,7	6	143.000
NNV17100	100x60	1,8 ± 0,1	1,7	6	209.000
NNV2015	15x9	0,7 ± 0,1	2,0	50	10.500
NNV2020	20x10	0,7 ± 0,1	2,0	50	13.500
NNV2025	25x14	0,9 ± 0,1	2,0	50	20.800
NNV2030	30x16	1,0 ± 0,1	2,0	50	24.800
NNV2040	40x18	1,2 ± 0,1	2,0	25	38.000
NNV2050	50x35	1,4 ± 0,1	2,0	10	83.000
NNV2060	60x40	1,5 ± 0,1	2,0	6	104.000
NNV2080	80x60	1,7 ± 0,1	2,0	6	165.000
NNV20100	100x60	1,8 ± 0,1	2,0	6	248.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

### Ống luồn dây điện dạng xoắn

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn BS EN 61386-22:2004 + A11:2010

PVC	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Giá
		FRG16W	16mm (50m/cuộn)
	FRG20W	20mm (50m/cuộn)	245.000
	FRG25WS	25mm (40m/cuộn)	255.000
	FRG32WH	32mm (25m/cuộn)	299.000
	FRG16G	16mm (50m/cuộn)	199.000
	FRG20G	20mm (50m/cuộn)	285.000
	FRG25GS	25mm (40m/cuộn)	305.000
	FRG32GH	32mm (25m/cuộn)	310.000

Ống xoắn HDPE	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Giá
		FRG16PE	16mm (50m/cuộn)
	FRG20PE	20mm (50m/cuộn)	220.000
	FRG25PE	25mm (40m/cuộn)	229.000
	FRG32PE	32mm (25m/cuộn)	269.000

Khớp nối trơn	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Giá
		NPA0116	Khớp nối trơn Ø16 Đóng gói 100 cái/thùng
	NPA0120	Khớp nối trơn Ø20 Đóng gói 200 cái/thùng	1.200
	NPA0125	Khớp nối trơn Ø25 Đóng gói 100 cái/thùng	1.900
	NPA0132	Khớp nối trơn Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	3.500
	Nano FPA0140	Khớp nối trơn Ø40 Đóng gói 30 cái/bao	9.500
	Nano FPA0150	Khớp nối trơn Ø50 Đóng gói 20 cái/bao	13.000

Đầu và khớp nối ren	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Giá
		NPA02162	Đầu và khớp nối ren Ø16 Đóng gói 100 cái/bao, 1.200 cái/thùng
	NPA02202	Đầu và khớp nối ren Ø20 Đóng gói 100 cái/bao, 1.000 cái/thùng	3.500
	NPA02252	Đầu và khớp nối ren Ø25 Đóng gói 50 cái/bao, 500 cái/thùng	4.000
	NPA02322	Đầu và khớp nối ren Ø32 Đóng gói 25 cái/bao, 250 cái/thùng	5.300

Kẹp đỡ ống	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Giá
		NPA1616	Kẹp đỡ ống Ø16, Đóng gói 100 cái/bao 3.000 cái/thùng
	NPA1620	Kẹp đỡ ống Ø20, Đóng gói 100 cái/bao 3.000 cái/thùng	1.200
	NPA1625	Kẹp đỡ ống Ø25, Đóng gói 100 cái/bao 2.000 cái/thùng	2.000
	NPA1632	Kẹp đỡ ống Ø32, Đóng gói 100 cái/bao; 1.000 cái/thùng	3.000
	Nano FPA1640	Kẹp đỡ ống Ø40 Đóng gói 50 cái/bao	5.000

### Nắp đậy hộp nối tròn

Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	Giá
	NPA2620	Nắp đậy hộp nối tròn, vít Đóng gói 60 cái/bao, 1.500 cái/thùng
NPA2720F	Nắp đậy hộp nối tròn dùng chung với ống mềm PVC, Ø20 Đóng gói 20 cái/bao, 400 cái/thùng	3.500



T nối	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA0416	T nối cho ống Ø16. Đóng gói: 100 cái/bao; 1.000 cái/thùng	2.000
	NPA0420	T nối cho ống Ø20. Đóng gói: 50 cái/bao; 400 cái/thùng	3.900
	NPA0425	T nối cho ống Ø25. Đóng gói: 25 cái/bao; 250 cái/thùng	5.800
	NPA0432	T nối cho ống Ø32. Đóng gói: 15 cái/bao; 150 cái/thùng	8.100
	Nano <sup>®</sup> FPA0440	T nối cho ống Ø40 Đóng gói 10 cái/bao	14.500
Nano <sup>®</sup> FPA0450	T nối cho ống Ø50 Đóng gói 10 cái/bao	17.000	

Co nối	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA0316	Co cho ống Ø16 Đóng gói 100 cái/bao - 1.500 cái/thùng	1.500
	NPA0320	Co cho ống Ø20 Đóng gói 50 cái/bao - 700 cái/thùng	2.300
	NPA0325	Co cho ống Ø25 Đóng gói 40 cái/bao - 400 cái/thùng	3.500
	NPA0332	Co cho ống Ø32 Đóng gói 20 cái/bao - 200 cái/thùng	5.800
	Nano <sup>®</sup> FPA0340	Co cho ống Ø40 Đóng gói 20 cái/bao	13.000
Nano <sup>®</sup> FPA0350	Co cho ống Ø50 Đóng gói 15 cái/bao	17.800	

T nối có nắp Nano <sup>®</sup>	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FPA0420C	T nối có nắp Ø20 Đóng gói 25 cái/bao	9.500
	FPA0425C	T nối có nắp Ø25 Đóng gói 10 cái/bao	15.000
	FPA0432C	T nối có nắp Ø32 Đóng gói 10 cái/bao	18.000

Co nối có nắp Nano <sup>®</sup>	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FPA0320C	Co nối có nắp Ø20 Đóng gói 50 cái/bao	6.000
	FPA0325C	Co nối có nắp Ø25 Đóng gói 40 cái/bao	10.500
	FPA0332C	Co nối có nắp Ø32 Đóng gói 20 cái/bao	16.000

Hộp nối 1 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA65161	Hộp nối tròn 1 ngã Ø16	7.000
	NPA65201	Hộp nối tròn 1 ngã Ø20	7.600
	NPA65251	Hộp nối tròn 1 ngã Ø25	8.100
	NPA65321	Hộp nối tròn 1 ngã Ø32	10.500

Đầu nối ống mềm PVC Nano <sup>®</sup>	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FRGA116	Đầu nối ống mềm PVC Ø16 Đóng gói 100 cái/bao	13.000
	FRGA120	Đầu nối ống mềm PVC Ø20 Đóng gói 100 cái/bao	17.000
	FRGA125	Đầu nối ống mềm PVC Ø25 Đóng gói 50 cái/bao	25.000
	FRGA132	Đầu nối ống mềm PVC Ø32 Đóng gói 50 cái/bao	39.000

Hộp nối 2 ngã thẳng	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA66161	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø16	7.000
	NPA66201	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø20	7.600
	NPA66251	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø25	8.100
	NPA66321	Hộp nối tròn 2 ngã thẳng Ø32	10.500

Đầu giảm Nano <sup>®</sup>	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FPA2016	Đầu giảm 20 - 16 Đóng gói 100 cái/bao	1.700
	FPA2520	Đầu giảm 25 - 20 Đóng gói 100 cái/bao	2.600
	FPA3225	Đầu giảm 32 - 25 Đóng gói 50 cái/bao	4.100
	FPA4032	Đầu giảm 40 - 32 Đóng gói 40 cái/bao	8.100
	FPA5040	Đầu giảm 50 - 40 Đóng gói 30 cái/bao	10.200

Hộp nối 2 ngã vuông	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA69161	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø16	7.000
	NPA69201	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø20	7.600
	NPA69251	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø25	8.100
	NPA69321	Hộp nối tròn 2 ngã vuông Ø32	10.500

Lò xo uốn ống	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	FLXUO16M2	Lò xo uốn ống Ø16	53.000
	FLXUO16L	Lò xo uốn ống Ø16	
	FLXUO20M2	Lò xo uốn ống Ø20	79.000
	FLXUO25M2	Lò xo uốn ống Ø25	92.000
	FLXUO25L	Lò xo uốn ống Ø25	
	FLXUO32M2	Lò xo uốn ống Ø32	137.000
	FLXUO32L	Lò xo uốn ống Ø32	

Hộp nối 3 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA67161	Hộp nối tròn 3 ngã Ø16	7.000
	NPA67201	Hộp nối tròn 3 ngã Ø20	7.600
	NPA67251	Hộp nối tròn 3 ngã Ø25	8.100
	NPA67321	Hộp nối tròn 3 ngã Ø32	10.500

Hộp nối 4 ngã	Mã sản phẩm	Đường kính Ø (mm)	
	NPA68161	Hộp nối tròn 4 ngã Ø16	7.000
	NPA68201	Hộp nối tròn 4 ngã Ø20	7.600
	NPA68251	Hộp nối tròn 4 ngã Ø25	8.100
	NPA68321	Hộp nối tròn 4 ngã Ø32	10.500



\*Chỉ sử dụng cho ống 320N và ống 750N



PHỤ KIỆN DÙNG CHO HB

HỘP ÂM VÀ HỘP NỔI



**NS80**  
Đai sắt dùng cho HB  
(Dùng cho WEVH8061, WEV7061SW, WZV7061W)  
Frame for HB  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 200 cái/thùng

9.000



**NN81**  
Đai nhựa dùng cho HB  
(Dùng cho WEVH68030 và WEV68030SW)  
Frame for HB  
Đóng gói: 100 cái/thùng

4.000



**NHB9801**  
Hộp nổi dùng cho HB  
Mounting surface plate for HB  
Đóng gói: 100 cái/thùng

8.000



**NBD9802**  
Hộp nổi dùng cho CB 2 tếp  
Mounting surface plate for MCB 2P  
Kích thước: 121x54x69,47mm  
Đóng gói: 30 cái/thùng

18.000

HỘP NỔI DÂY



**NPA10050V**  
Hộp nổi dây 100x100x50mm  
Wiring box  
Đóng gói: 30 cái/thùng

22.000



**NPA12050V**  
Hộp nổi dây 120x120x50mm  
Wiring box  
Đóng gói: 30 cái/thùng

27.000



**NPA15055V**  
Hộp nổi dây 150x150x55mm  
Wiring box  
Đóng gói: 20 cái/thùng

39.000



**NPA20065V**  
Hộp nổi dây 200x200x65mm  
Wiring box  
Đóng gói: 10 cái/thùng

68.000



**NPA103V**  
Hộp nổi dây tròn 90x90x40mm  
Round junction box  
Đóng gói: 60 cái/thùng

12.000

MẶT THIẾT BỊ



**NB9601**  
Nắp kín đơn  
Wiring box lid - 1 gang  
Đóng gói: 20 cái/hộp, 500 cái/thùng

6.000



**NB9602**  
Nắp kín đôi  
Wiring box lid - 2 gangs  
Đóng gói: 10 cái/hộp, 400 cái/thùng

8.000



**NA105-N**  
Nắp hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS  
Wiring box lid - BS Standard  
Đóng gói: 50 cái/bao, 700 cái/thùng

3.000



**NBD200**  
Hộp âm cho CB tếp  
Wiring box for MCB  
Kích thước: 115x66x58mm  
Đóng gói: 20 cái/thùng

9.000



**NA101TM1**  
Hộp âm nhựa trắng, đơn, bắt vít  
Wiring box - 1 gang  
Kích thước: 106x64x43mm  
Đóng gói: 100 cái/thùng

6.600



**NA101**  
Hộp âm nhựa trắng, đơn, kèm vít  
Wiring box - 1 gang  
Kích thước: 106x64x43mm  
Đóng gói: 100 cái/thùng

6.200



**NA102**  
Hộp âm đôi  
Wiring box - 2 gang  
Kích thước: 109x103x44mm  
Đóng gói: 60 cái/thùng

10.500



**NA105**  
Hộp âm đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS  
Wiring box - BS Standard  
Kích thước: 80x80x42,5mm  
Đóng gói: 100 cái/thùng

6.200



**NEW NA1051**  
Hộp âm đơn vuông ghép nổi chống cháy chuẩn BS  
Wiring box - BS Standard  
Kích thước: 85x85x50mm  
Đóng gói: 100 cái/thùng

8.500



**NA106**  
Hộp âm dùng cho ổ cắm máy cạo râu  
(Dùng cho WEB1051W)  
Wiring Box (Compatible with Shaver Socket)  
Kích thước: 135x75,6x58mm  
Đóng gói: 40 cái/thùng

18.000



**NPCA104**  
Hộp âm đôi dùng 2 mặt đơn  
Wiring box - 2 gang  
Kích thước: 131x106x42,5mm  
Đóng gói: 50 cái/thùng

10.500



**NN101F/ NN101W-Wide**  
Hộp nổi đơn  
Surface box  
Kích thước: 120x70x35mm  
Đóng gói: 100 cái/thùng

10.500



**NN102F-Full/ NN102W-Wide**  
Hộp nổi đôi  
Duplex surface box  
Kích thước: 120x115x35mm  
Đóng gói: 60 cái/thùng

16.000



**NEW NN105**  
Hộp nổi đơn dùng cho mặt vuông chuẩn BS  
Surface box - BS Standard  
Kích thước: 86x86x35,2mm  
Đóng gói: 100 cái/thùng

9.000

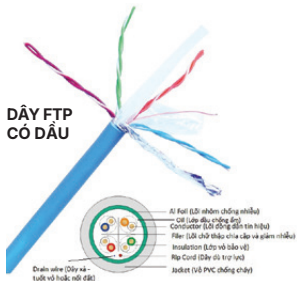
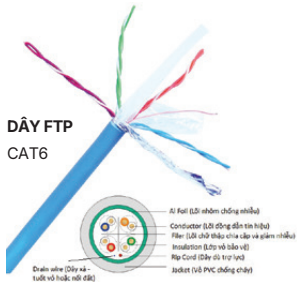
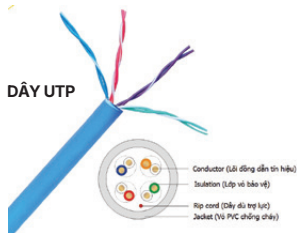
Tất cả các sản phẩm hộp âm và hộp nổi, hộp nổi dây đều có kèm vít

**HỘP ÂM ĐÔI DÙNG 2 MẶT ĐƠN**

SỬ DỤNG CHO CÁC LOẠI MẶT DÒNG WIDE SERIES, HALUMIE - FULL COLOR

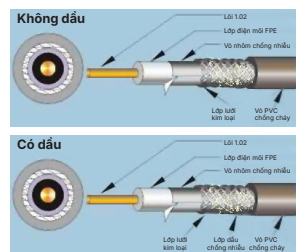


**DÂY CÁP MẠNG**



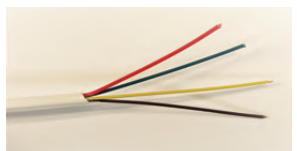
Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Dây đủ trợ lực	Vỏ PVC chịu nhiệt (mm)	Giá lẻ (cuộn)
NC5E-U10	Cat5e UTP 0.50mm 4 Pairs <b>10% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu trắng</b>	0,50 CCA	PE 0,91	Có	PVC 5,1	<b>880.000</b>
NC5E-F10	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu <b>10% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu xanh/trắng</b>	0,51 CCA	PE 1,00	Có	PVC 5,1	<b>1.100.000</b>
NC5E-F100	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu <b>100% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305 m/cuộn - <b>Màu xanh/trắng</b>	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	<b>4.050.000</b>
NC5E-F1000	Cat5e FTP 0.51mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>có dây, 100% Cu 24 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu xanh /trắng</b>	0,51 BC	PE 1,00	Có	PVC 5,1	<b>4.190.000</b>
NC6-U10	CAT6 UTP 0.57 mm 4 Pairs <b>10% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu trắng</b>	0,57 CCA ±0,01 mm	PE 1,02	Có	PVC 6	<b>1.200.000</b>
NC6-F10	CAT6 FTP 0.57 mm 4 Pairs chống nhiễu <b>10% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu xanh/trắng</b>	0,57 CCA ±0,01 mm	PE 1,00	Có	PVC 6,6	<b>1.530.000</b>
NC6-F100	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>100% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu xanh/trắng</b>	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	<b>5.240.000</b>
NC6-F1000	CAT6 FTP 0.56mm 4 Pairs chống nhiễu, <b>Có dây - 100% Cu 23 AWG</b> Chiều dài: 305m/cuộn - <b>Màu xanh /trắng</b>	0,56 BC	PE 1,00	Có	PVC 6,6	<b>5.500.000</b>

**DÂY CÁP ĐỒNG TRỰC**



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Đường kính lớp vỏ bảo vệ (mm)	Chống nhiễu, chịu nhiệt	Khoảng cách hoạt động	Giá lẻ (cuộn)
NRG6-80	RG6 - lõi CCS 80 sợi Chiều dài: 200m/cuộn <b>Màu trắng/đen</b>	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 80x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	<b>750.000</b>
NRG6-96	RG6 - lõi CCS 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn <b>Màu trắng/đen</b>	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	<b>860.000</b>
NRG6-96 O	RG6 - lõi CCS 96 sợi - <b>có dây</b> Chiều dài: 200m/cuộn <b>Màu trắng/đen</b>	1,02 CCS	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	10-15m	<b>1.050.000</b>
NRG6-961	RG6 - lõi Cu 96 sợi Chiều dài: 200m/cuộn <b>Màu trắng/đen</b>	1,02 100% Đồng	Foamed PE 4,57	1. Lá nhôm 2. Braiding: 96x0,12mm Al-Mag 3. Vỏ PVC 6,9mm	~100m	<b>1.420.000</b>

**DÂY ĐIỆN THOẠI VÀ BẢO CHÁY**



Mã sản phẩm	Diễn giải	Đường kính lõi (mm)	Lớp vỏ bảo vệ	Vỏ PVC	Giá lẻ (cuộn)
NTV405	Dây điện thoại nhiều sợi 4 core 0.5mm Chiều dài: 200m/cuộn <b>Màu trắng/đen</b>	0,5 CCA	HDPE	PVC	<b>550.000</b>

**BĂNG KEO CÁCH ĐIỆN**

- Độ bám dính >0,35 Kg/25mm

- Điện áp đánh thủng >5kV



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPT10	10YDS	<b>94.000/cây</b>
FKPT20	20YDS	<b>164.000/cây</b>

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng



Băng keo cách điện PVC - PVC insulating tape

FKPC10	10YDS	<b>66.000/cây</b>
FKPC20	20YDS	<b>120.000/cây</b>

Đóng gói 10 cuộn/cây, 200 cuộn/thùng

Xuất xứ Đài Loan

**BK W Y R G B**

Xuất xứ PRC



**ProClub**

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

# INDUSTRIAL PLUGS AND SOCKETS

- Sử dụng tốt trong điều kiện nhiệt độ -25°C đến 80°C  
 - Sử dụng liên tục trong 1 giờ ở nhiệt độ 100°C  
 - Sản xuất bằng vật liệu POLYAMIDE 6: Chống cháy, chống mài mòn, chịu áp lực cao, chống phản ứng với nhiều loại hóa chất

Connection  
to the future



Dãy điện áp hoạt động	Mã màu sản phẩm
20 - 25V	Tím
40 - 50V	Trắng
100 - 130V	Vàng
200 - 250V	Xanh dương
380 - 480V	Đỏ
500 - 1000V	Đen
>50V (100 - 500Hz)	Xanh lá
Không thuộc những dãy điện áp trên	Xám

## Phích cắm cao su di động không kín nước Plug (Splashproof)



**F0511-SR**  
 - Rubber plug (Splashproof)  
 phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',  
 16A, 250V, IP54

96.000



**F0512-SR**  
 - Solid rubber plug (Splashproof)  
 phích cắm bằng nhựa 2P + 'E',  
 16A, 250V, IP54, chịu va đập

133.000



**F2510-SR**  
 - Rubber connector (Splashproof)  
 ổ cắm nối bằng nhựa 2P + 'E',  
 16A, 250V, IP20

97.000



**F1050-0B**  
 - Socket outlet (Splashproof IP54)  
 - Ổ cắm âm có nắp 2P + 'E', 16A, 250V, IP54



**F105-0B**  
 - Socket outlet ( Splashproof IP54)  
 - Ổ cắm âm có nắp 2P+'E', 16A, 250V, IP54

81.000



**F106-0**  
 - Mounting box (Splashproof IP44)  
 - Để nối cho ổ cắm âm không kín nước

104.000

## Ổ cắm chia 3 ngã Multiple-socket outlet



**F9432007**  
 16A - 3P - 230V - 6H - IP67

2.470.000



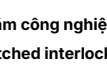
**F9432006**  
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.588.000



**F9432000**  
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

1.379.000



**F9430401**  
 Ổ cắm chia 3 ngã  
 16A - 3P - 230V - IP44

1.180.000

## Ổ cắm công nghiệp kèm công tắc loại kín nước (IP67) Switched interlocked sockets (Watertight IP67)



**F61132-6**  
 16A - 3P - 230V - 6H - IP67

1.886.000



**F61252-6**  
 32A - 5P - 400V - 6H - IP67

2.117.000



**F75252-6**  
 32A - 5P - 400V - 6H - IP67

3.616.000

## Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) Plug (Splashproof IP44)



**F013-6ECO**  
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

81.000

**F014-6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

118.000

**F015-6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

132.000

**F023-6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

148.000

**F024-6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

155.000

**F025-6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000

## Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) Connector (Splashproof IP44)



**F213-6ECO**  
 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

115.000

**F214-6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

148.000

**F215-6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

183.000

**F223-6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

180.000

**F224-6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

206.000

**F225-6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

263.000

## Ổ cắm gắn nối loại không kín nước (IP44) Wall socket (Splashproof IP44)



**F113-6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

159.000

**F114-6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

195.000

**F115-6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

206.000

**F123-6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

221.000

**F124-6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

233.000

**F125-6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

249.000

## Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44) Flanged socket straight (Splashproof IP44)



**F313-6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

166.000

**F314-6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

184.000

**F315-6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

195.000

**F323-6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

206.000

**F324-6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

213.000

**F325-6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44

244.000

## Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44) Flanged socket sloping (Splashproof IP44)



**F413-6** 16A - 3P - 230V - 6H - IP44

185.000

**F414-6** 16A - 4P - 400V - 6H - IP44

218.000

**F415-6** 16A - 5P - 400V - 6H - IP44

243.000

**F423-6** 32A - 3P - 230V - 6H - IP44

289.000

**F424-6** 32A - 4P - 400V - 6H - IP44

318.000


**F425-6** 32A - 5P - 400V - 6H - IP44


349.000


\*Giá bán đã bao gồm VAT




**Phích cắm di động loại kín nước (IP67)**
**Plug (Watertight IP67)**


	F0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	313.000
	F0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	331.000
	F0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	353.000
	F0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	406.000
	F0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	432.000


	F033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	874.000
	F034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	897.000
	F035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	926.000
	F043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.676.000
	F044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.974.000
	F045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	2.249.000

	F0822-10V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP67	331.000
---	-----------	--------------------------------	---------


**Ổ cắm nối loại kín nước (IP67)**
**Connector (Watertight IP67)**


	F2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	331.000
	F2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	366.000
	F2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	460.000
	F2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	471.000
	F2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	485.000
	F2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	525.000


	F233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.048.000
	F234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.070.000
	F235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.097.000
	F243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.305.000
	F244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	2.426.000
	F245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.602.000

	F3822-10F9V	16A - 2P - 24/42V - 10H - IP66/67	417.000
---	-------------	-----------------------------------	---------


**Ổ cắm gắn nối loại kín nước (IP67)**
**Wall socket (Watertight IP67)**


	F1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	480.000
	F1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	554.000
	F1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	607.000
	F1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	649.000
	F1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	696.000
	F1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	737.000

	F133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.158.000
	F134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.279.000
	F135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	1.389.000


	F143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	2.834.000
	F144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	3.010.000
	F145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	3.187.000


**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)**
**Flanged socket straight (Watertight IP67)**

	F3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	383.000
	F3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	441.000
	F3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	471.000
	F3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	507.000
	F3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000

	F333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	696.000
	F334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000
	F343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.852.000
	F344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.985.000
	F345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.095.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)**
**Flanged socket sloping (Watertight IP67)**


	F4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	277.000
	F4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	313.000
	F4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	324.000
	F4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	484.000
	F4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	531.000


	F433-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	731.000
	F434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	785.000
	F435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	838.000
	F443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP66/67	1.798.000
	F444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP66/67	1.974.000
	F445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP66/67	2.195.000

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước**
**Container - Plug and Socket**
**(Watertight IP67)**

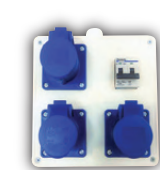
	F0242-3V	Phích cắm - Plug 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	336.000
---	----------	---	---------


	F1242-3V	Ổ cắm nối - Wall socket 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	983.000
---	----------	--	---------

	F2242-3V	Ổ cắm nối - Connector 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	482.000
--	----------	--	---------

	F3242-3V	Ổ cắm gắn âm, dạng thẳng Flanged socket straight 32A - 4P - 440V - 3H - IP67	568.000
---	----------	--	---------

**Bộ tụ điện phân phối**

	NDB313-232	Tụ điện phân phối IP44 1 MCB 2P 32A Panasonic kết hợp 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm <i>Có ráp bộ theo yêu cầu của khách hàng</i>	935.000
---	------------	--	---------


	NDB313	Tụ điện phân phối IP44 3 ổ cắm 3P 16A PCE Kích thước: 200x200x65mm	630.000
---	--------	--	---------

Có thể sử dụng **HỘ NỐI DÂY** làm để **TỤ ĐIỆN PHÂN PHỐI**




NPA20065V  
(\* Tham khảo thêm các loại **HỘ NỐI DÂY** trang 26

**nanoco**
**Cầu dao cách ly (Loại kín nước IP66)**

	NIS220	2P - 20A - 250V - IP66	380.000
	NIS235	2P - 35A - 250V - IP66	400.000
	NIS245	2P - 45A - 250V - IP66	500.000
	NIS263	2P - 63A - 250V - IP66	520.000
	NIS320	3P - 20A - 440V - IP66	480.000
	NIS335	3P - 35A - 440V - IP66	500.000
	NIS345	3P - 45A - 440V - IP66	620.000
	NIS363	3P - 63A - 440V - IP66	640.000
	NIS420	4P - 20A - 440V - IP66	550.000
	NIS435	4P - 35A - 440V - IP66	580.000
	NIS445	4P - 45A - 440V - IP66	700.000
	NIS463	4P - 63A - 440V - IP66	750.000



**Ổ cắm âm có nắp (IP54) - Outlet socket (IP54)**



NIS105-0B  
16A - 2P - 230V - IP54

60.000

**Ổ cắm chia 3 ngã**



NIS9432000  
16A - 3P - 230V - 6H - IP44

400.000

**Ổ cắm gắn nổi loại không kín nước (IP44) - Wall socket (IP44)**



NIS113-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS114-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS115-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIS123-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	120.000
NIS124-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	135.000
NIS125-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

**Ổ cắm gắn âm loại không kín nước dạng thẳng (IP44)  
Flanged socket straight (IP44)**



NIS313-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	90.000
NIS314-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS315-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	110.000
NIS323-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	130.000
NIS324-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	140.000
NIS325-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000

**Phích cắm di động loại kín nước (IP67) - Plug (Watertight IP67)**



NIP0132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIP0142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	175.000
NIP0152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	205.000
NIP0232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	235.000
NIP0242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	265.000
NIP0252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	295.000



NIP033-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	495.000
NIP034-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	550.000
NIP035-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIP043-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	990.000
NIP044-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.380.000
NIP045-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

**Ổ cắm nối loại kín nước (IP67) - Connector (Watertight IP67)**



NIS2132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	210.000
NIS2142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS2152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS2232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	300.000
NIS2242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	330.000
NIS2252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	370.000



NIS233-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	600.000
NIS234-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	660.000
NIS235-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	740.000



NIS243-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.200.000
NIS244-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.320.000
NIS245-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.500.000

**Ổ cắm gắn nổi loại kín nước (IP67) - Wall socket (Watertight IP67)**



NIS1132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	250.000
NIS1142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	270.000
NIS1152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	300.000
NIS1232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS1242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	350.000
NIS1252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	390.000



NIS133-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	540.000
NIS134-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	600.000
NIS135-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	660.000



NIS143-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	1.250.000
NIS144-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.450.000
NIS145-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.580.000

**Phích cắm di động loại không kín nước (IP44) - Plug (IP44)**



NIP013-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	70.000
NIP014-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	85.000
NIP015-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	100.000
NIP023-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	110.000
NIP024-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	120.000
NIP025-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	140.000

**Ổ cắm nối loại không kín nước (IP44) - Connector (IP44)**



NIS213-6ECO	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	95.000
NIS214-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	115.000
NIS215-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS223-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	145.000
NIS224-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	165.000
NIS225-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	185.000

**Ổ cắm âm loại không kín nước dạng nghiêng (IP44)  
Flanged socket sloping (IP44)**



NIS413-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP44	100.000
NIS414-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP44	130.000
NIS415-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP44	150.000
NIS423-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP44	170.000
NIS424-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP44	180.000
NIS425-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP44	190.000

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng nghiêng (IP67)**



NIS4132-6F78	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	150.000
NIS4142-6F78	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	185.000
NIS4152-6F78	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	200.000
NIS4232-6F78	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	280.000
NIS4242-6F78	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	290.000
NIS4252-6F78	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS433-6FC	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	410.000
NIS434-6FC	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	470.000
NIS435-6FC	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	510.000



NIS443-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	980.000
NIS444-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.150.000
NIS445-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.250.000

**Phích cắm, ổ cắm cho Container loại kín nước (IP67)  
Container - Plug and Socket (Watertight IP67)**



NIP0242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	215.000
------------	-------------------------------	---------



NIS1242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	490.000
------------	-------------------------------	---------



NIS2242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	260.000
------------	-------------------------------	---------



NIS3242-3V	- 32A - 4P - 400V - 3H - IP67	320.000
------------	-------------------------------	---------

**Ổ cắm gắn âm loại kín nước dạng thẳng (IP67)  
Flanged socket straight (Watertight IP67)**



NIS3132-6	16A - 3P - 230V - 6H - IP67	230.000
NIS3142-6	16A - 4P - 400V - 6H - IP67	250.000
NIS3152-6	16A - 5P - 400V - 6H - IP67	280.000
NIS3232-6	32A - 3P - 230V - 6H - IP67	320.000
NIS3242-6	32A - 4P - 400V - 6H - IP67	340.000
NIS3252-6	32A - 5P - 400V - 6H - IP67	360.000
NIS333-6	63A - 3P - 230V - 6H - IP67	380.000
NIS334-6	63A - 4P - 400V - 6H - IP67	490.000
NIS335-6	63A - 5P - 400V - 6H - IP67	550.000
NIS343-6	125A - 3P - 230V - 6H - IP67	900.000
NIS344-6	125A - 4P - 400V - 6H - IP67	1.180.000
NIS345-6	125A - 5P - 400V - 6H - IP67	1.320.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



## LỰA CHỌN QUẠT HÚT

### 4 BƯỚC

CHO KHÔNG GIAN KHÔNG ĐIỀU HÒA

**1** Tính thể tích phòng cần lắp quạt hút

Thể tích phòng (m<sup>3</sup>) = Chiều dài (m) x Chiều rộng (m) x Chiều cao (m)

**2** Bội số (Số lần) Trao đổi không khí

LOẠI	BỘI SỐ (SỐ LẦN) TRAO ĐỔI KHÔNG KHÍ (LẦN/H)
Phòng khách	2-3
Phòng ngủ	2-3
Phòng bếp	2-3
Phòng tắm	10
Phòng vệ sinh	10

Các thông số trong bảng trên áp dụng cho các phòng trong nhà ở dân dụng.

**3** Tính toán lưu lượng không khí cần thiết

Lưu lượng không khí cần thiết (m<sup>3</sup>/h)

II

Bội số (số lần) trao đổi không khí (lần/h)

X

Thể tích phòng (m<sup>3</sup>)

**4** Lựa chọn loại quạt hút có lưu lượng không khí phù hợp

Lưu lượng không khí quạt hút > lưu lượng không khí cần thiết của mỗi loại phòng

### 2 BƯỚC

CHO KHÔNG GIAN CÓ ĐIỀU HÒA

**1** Lượng không khí từ bên ngoài cấp vào phòng trong nhà ở (phòng khách/ phòng ngủ) là 35m<sup>3</sup>/h cho 1 người

= 35m<sup>3</sup>/h

**2** Nhân 35 với số người ở trong phòng → lượng không khí cần thiết (m<sup>3</sup>/h) → chọn quạt hút có lưu lượng không khí ≥ lưu lượng gió

Lưu lượng không khí cần thiết = 35 x Số người trong phòng

### QUẠT HÚT ÂM TRẦN - Không dùng ống dẫn

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	Giá
FV-25TGU5	26,5	612	39	31,5	1.050.000
FV-15TGU6	10	275	35	21,7	840.000
FV-20TGU6	18	520	40	27	950.000

### QUẠT HÚT SỬ DỤNG CHO NHÀ TẮM

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	Giá
FV-10EGS2	4,3	76	35	Φ13~14	Φ12~12,5	19	810.000
FV-15EGS2	5,7	155	36	Φ17,5~18,5	Φ16,5~17	23	980.000

### QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG DÂN DỤNG

Loại 1 chiều - Có màn che

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	Giá
FV-15AUL1	12,5	255	36	20	1.040.000
FV-20AL1	18	550	38	25	1.060.000
FV-25AL1	25	840	40,5	30	1.170.000
FV-30AL1	28	1000	39	35	2.330.000

Không có lá lật

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ trần (cm)	Kích thước lỗ tường (cm)	Chiều sâu khoét lỗ (cm)	Giá
FV-10EGD2	4,1	82	34	Φ13~14	Φ12~13	9	680.000
FV-15EGD2	5,7	170	37	Φ17,5~18,5	Φ16,5~17,5	9	750.000

Loại 2 chiều - Có màn che

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	Giá
FV-20RL1	17/12,5	550/430	38/45	25	1.685.000
FV-25RL1	25/16,5	840/600	40,5/43	30	2.060.000
FV-30RL1	27,5/18	1000/750	39/42	35	2.414.000

Thiết bị phát ion - Khử mùi nhanh, ức chế vi khuẩn bằng nanoe™ X

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ (cm)	Giá
FV-15CSD1	4	15	23,5	15	7.250.000

Loại 1 chiều - Không có màn che

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	Giá
FV-20AU1	18	590	36	25	850.000
FV-25AU1	25	950	38	30	960.000
FV-30AU1	28	1200	37	35	1.550.000

### QUẠT HÚT CÔNG NGHIỆP

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)	Giá
FV-25GS4	39	1.100	34	27,5	4.710.000
FV-30GS4	59	1.800	38	32,5	6.520.000
FV-35GS4	88	2.670	44	39,5	7.980.000
FV-40GS4	161	3.780	47	44,5	10.190.000

### QUẠT HÚT SƯỜI

Chức năng thông gió, sưởi ấm

**FV-30BZ1** 4.700.000

- Kích thước lắp đặt 280x260mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.380	130	45
Thông gió	23		41

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote

**FV-30BG3** 10.920.000

- Kích thước lắp đặt 300x 300mm
- Kích thước ống dẫn Ø100mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.500	170	46
Thông gió	28		39

Chức năng thông gió, sưởi ấm, sấy khô, gió mát có remote

**FV-30BY1** 6.690.000

- Kích thước lắp đặt 260 x 280mm
- Kích thước ống dẫn Ø110mm

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
Sưởi ấm	1.400	140	45
Thông gió	20		41

### CHỨC NĂNG QUẠT HÚT SƯỜI



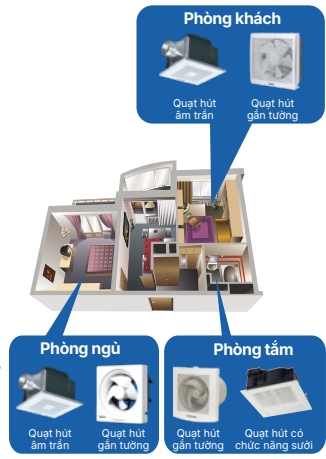
QUẠT CẤP GIÓ

Lợi ích của việc sử dụng quạt hút:

- Duy trì dưỡng khí trong lành
- Khử mùi (mùi vật nuôi, mùi khói thuốc, ...)
- Loại bỏ bụi bẩn, ẩm mốc và nguồn không khí ô nhiễm

Quạt hút Panasonic lựa chọn tối ưu vì:

- Vận hành êm ái, độ ồn thấp từ 23dB
- Thiết kế tinh tế dễ lắp đặt
- Động cơ bạc đạn, tuổi thọ lên đến 60.000h
- Thiết kế cánh quạt khí động học giúp giảm thiểu độ ồn
- Động cơ được trang bị cảm biến nhiệt - tự động tắt khi quạt quá nóng - đảm bảo an toàn cho thiết bị và người sử dụng



Quạt cấp gió Cabinet - Động cơ DC

Thiết bị cấp "gió tươi"



Loại bụi mịn PM 2.5



- Kích thước ống dẫn Ø100mm
- Siêu êm

13.125.000

	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)
<b>Cao</b>	10	133	26
<b>Thấp</b>	3	42	20



Loại bụi mịn PM 2.5



	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước lỗ tường (cm)
<b>Cao</b>	7,5	63	36	Ø164 - Ø168
<b>Thấp</b>	3,2	32	25	

3.890.000

NEW QUẠT CHẤN GIÓ



Mã sản phẩm	Hz	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3509U1	Cao	95	1.150	51	16.800.000
	Thấp	85	1.000	49	
FY-4009U1	Cao	110	1.340	54,5	17.150.000
	Thấp	94	1.190	51	

Mã sản phẩm	Hz	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	
FY-3512U1	Cao	114	1.550	49	18.334.000
	Thấp	100	1.300	46	
FY-4012U1	Cao	126	1.700	52,5	18.500.000
	Thấp	105	1.530	48,5	

Quạt êm, hiệu năng cao - QUẠT HÚT ÂM TRẦN

Sử dụng cho phòng ngủ, phòng khách, văn phòng

Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)
-------------	---------------	---------------------	------------	-------------------------------

Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

FV-17CU9	7,5	85	23	17,7	2.440.000
<b>NEW</b> FV-17CH9	9,5	100	27,5	17,7	2.600.000
FV-24CU9	10,5	140	25	24	3.010.000
FV-24CD9	13,5	170	28,5	24	3.100.000
FV-24CH9	16,5	200	32	24	3.280.000

Dùng với ống dẫn Ø150mm - 2 cấp tốc độ

FV-27CH9	23 (Low)	260 (Low)	30	27	4.850.000
	28 (Hi)	330 (Hi)	34		
FV-32CD9	32 (Low)	300 (Low)	28	32	6.490.000
	42 (Hi)	430 (Hi)	36		
FV-32CH9	45 (Low)	400 (Low)	34	32	7.050.000
	55 (Hi)	530 (Hi)	41		
FV-38CD8	66 (Low)	430 (Low)	35	38,5	8.790.000
	90 (Hi)	640 (Hi)	44		
FV-38CH8	89 (Low)	525 (Low)	40	38,5	9.590.000
	122 (Hi)	800 (Hi)	50		

Dòng quạt hút có sensor



Mã sản phẩm	Công suất (W)	Lưu lượng gió (CMH)	Độ ồn (dB)	Kích thước chứa lỗ vuông (cm)
-------------	---------------	---------------------	------------	-------------------------------

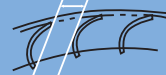
Dùng với ống dẫn Ø100mm - 1 cấp tốc độ

*Sensor chuyển động	FV-24CUR2	11	140	25	24	4.320.000
	FV-24CHR2	17	200	32	24	4.515.000
*Sensor chuyển động & độ ẩm	FV-24CURV2	11	140	25	24	5.720.000
	FV-24CHR2	17	200	32	24	5.920.000

Tạo luồng gió lớn

(Đổi điện với động cơ)

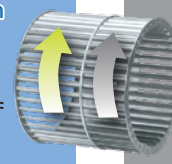
Đường dẫn lưu lượng lớn



Áp suất tĩnh cao

(Phía động cơ)

Kích thước cánh lớn



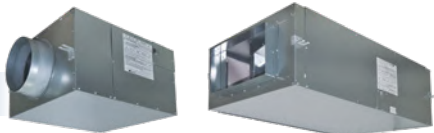
Mạnh mẽ với luồng gió kép

Thiết kế đặc biệt với luồng gió kép bên trong giúp tạo ra lượng không khí lớn và áp suất tĩnh cao.

Độ ồn thấp - QUẠT HÚT CABINET

Sử dụng cho văn phòng, phòng họp, căn hộ cao cấp

3 pha



Mã sản phẩm	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
FV-28NX3	600	2.600	44	Ø250	20.900.000
FV-25SW3	940	4.000	43	250 x 500	35.706.000
FV-25M3	1.180	5.200	45	250 x 700	43.050.000

**Thiết kế đặc trưng hình nón, xiên**  
Vận tốc gió thổi ra thay đổi theo hình dạng của vỏ quạt, với thiết kế mới giúp giảm thiểu sự lưu thông không đều của không khí bên trong quạt, trang bị thêm vật liệu hấp thụ âm thanh làm giảm tiếng ồn trong lúc vận hành.

**Nhỏ gọn, dễ lắp đặt và kiểm tra**  
Thiết kế nhỏ gọn thích hợp lắp đặt ở nơi có không gian trần hẹp. Hộp kết nối dây được trang bị vỏ bọc kim loại tăng độ bền và an toàn và giúp dễ dàng trong việc tháo lắp, kiểm tra sản phẩm.

Mã sản phẩm	Cấp độ	W	CMH	dB	Kích thước ống dẫn (mm)	
-------------	--------	---	-----	----	-------------------------	--

FV-12NS3	Hi	18	180	21	Ø100	3.255.000
	Low	17	145	17		
FV-15NS3	Hi	33	340	25	Ø150	4.312.000
	Low	29,5	275	22		
FV-18NS3	Hi	60	500	29	Ø150	5.148.000
	Low	55	405	27		
FV-18NF3	Hi	91	770	31	Ø200	6.292.000
	Low	80	620	29		
FV-20NS3	Hi	120	920	32	Ø200	7.777.000
	Low	113	720	29		
FV-23NL3	Hi	230	1.200	40	Ø200	9.449.000
	Low	170	900	34		
FV-25NS3	Hi	345	1.700	41	Ø250	12.496.000
	Low	265	1.380	38		
FV-25NF3	Hi	390	1.900	43	Ø250	14.280.000
	Low	325	1.600	40		



\*Giá bán đã bao gồm VAT



### QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



#### KẾT NỐI QUẠT TRẦN BẰNG WIRELESS



#### ĐIỀU KHIỂN BẰNG ỨNG DỤNG DI ĐỘNG

Để điều khiển quạt trần bằng điện thoại, người dùng chỉ cần kết nối ứng dụng với bộ định tuyến.  
\* Thiết bị di động cần có: iOS 12,2 và Android 7 trở lên.

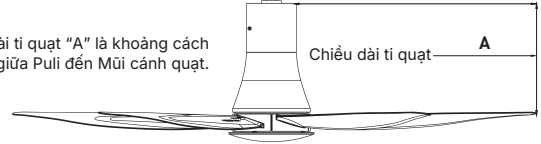
CHÚ Ý:

\* Một tài khoản có thể kết nối tối đa 8 quạt trần  
\* Một quạt trần kết nối được 4 tài khoản

#### Cách xác định chiều dài ti quạt

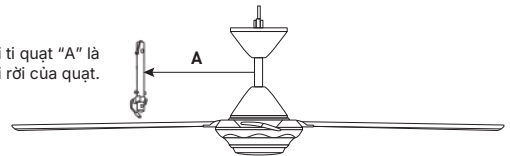
##### Quạt trần có Ti quạt cố định với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.



##### Quạt trần có Ti quạt rời (không cố định) với Motor

Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.



Đường kính cánh 150 cm  
Chiều dài ti 37,3 cm

#### F-60DGN

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 73W (quạt 54W, đèn: 19W)
- Động cơ DC thể hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m<sup>3</sup>/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

13.430.000



Đường kính cánh 150 cm  
Chiều dài ti 37,3 cm

#### F-60DHN

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 54W
- Động cơ DC thể hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 300 m<sup>3</sup>/phút
- Thiết kế cánh quạt để tạo ra luồng gió rộng, làm mát nhanh, phù hợp cho không gian lớn
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

10.380.000



#### F-60FEN

- Tích hợp công nghệ nanoEco™ X giúp ức chế đến 99,9% vi khuẩn, vi rút, khử 90% mùi khó chịu trong vòng 15-30 phút, giữ ẩm cho da và tóc
- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ ECONAVI - điều chỉnh lượng gió theo nhiệt độ môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể, giúp tiết kiệm điện đến 52%
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235m<sup>3</sup>/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD



Đường kính cánh 150 cm  
Chiều dài ti 28,8 cm

11.500.000



Đường kính cánh 120 cm  
Chiều dài ti 27,8 cm

#### F-48DGL

- Điều khiển từ xa bằng ứng dụng Panasonic và kết nối Wireless 2,4 GHz (Phù hợp cho cả hệ điều hành iOS và Android)
- Công suất 50W (quạt: 31W, đèn 19W)
- Động cơ DC thể hệ mới
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 10 cấp độ gió, lưu lượng gió 200 m<sup>3</sup>/phút
- Thiết kế cánh quạt cải tiến giúp lan tỏa gió nhẹ nhàng, êm dịu
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 chế độ màu và 3 mức ánh sáng
- 3 cấp độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Chế độ hẹn giờ Mở/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Tính năng đổi chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi dùng chung với máy lạnh

11.280.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

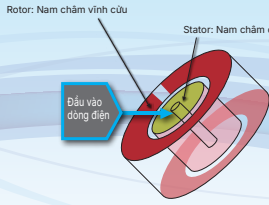




**Động cơ điện một chiều**

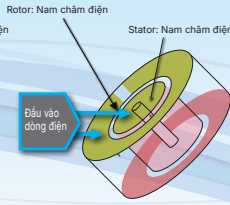
Động cơ điện một chiều (DC) là công nghệ mới, được Tập đoàn Panasonic ứng dụng vào việc sản xuất quạt trần. Với động cơ 1 chiều (DC) giúp mức tiêu thụ điện thấp hơn so với động cơ xoay chiều (AC). Động cơ 1 chiều cũng có trọng lượng nhẹ hơn so với động cơ xoay chiều (AC).

**Động cơ điện một chiều (DC)**



Chỉ cần đấu vào dòng điện cho Stator

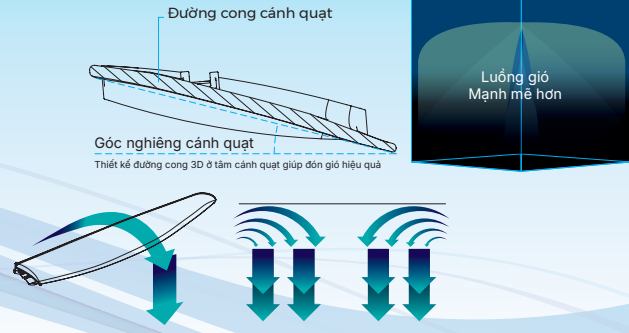
**Động cơ điện xoay chiều (AC)**



Cần đấu vào dòng điện cho cả Rotor và Stator

**Thiết kế cánh quạt 3D**

Thiết kế cánh quạt 3D độc đáo và duy nhất giúp mang lại luồng gió êm ái và mạnh mẽ, tuy vậy vẫn giảm thiểu tối đa tiếng ồn.



**Cảnh báo: Dùng Dimmer điều khiển quạt sẽ gây cháy mạch**



Đường kính cánh 150cm  
Chiều dài ty: 28,8cm  
Đèn led có 4 chế độ sáng

**F-60GFN**

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 58W (motor: 40W, đèn: 18W)
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Tích hợp đèn LED có thể thay đổi theo 4 cấp độ màu sắc ánh sáng
- 1 chế độ ánh sáng ban đêm (Night light)
- 1 chế độ ánh sáng tối đa (Full light)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, Lưu lượng gió 285 m<sup>3</sup>/phút
- Chế độ hẹn giờ Mờ/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

12.750.000



Đường kính cánh 150cm  
Chiều dài ty 28,8cm

**F-60HAN (Xám)**

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi – điều chỉnh lưu lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285m<sup>3</sup>/phút
- Có chế độ hẹn giờ mờ/tắt trong vòng 24h
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.600.000



Đường kính cánh 150cm  
Chiều dài ty 28,8cm

**F-60XDN (Đen)**  
**F-60XDN-W (Trắng)**

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m<sup>3</sup>/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

8.220.000



Đường kính cánh 150cm  
Chiều dài ty 28,8cm

**F-60TAN**

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 37W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng cảm biến nhiệt độ Econavi - điều chỉnh lưu lượng gió theo môi trường xung quanh nhằm tạo ra tốc độ gió thoải mái nhất cho cơ thể
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 235 m<sup>3</sup>/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

9.600.000



Đường kính cánh 150cm

**F-60GDS-W (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)**  
**F-60GDS-WS (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)**  
**F-60GDS-B (Nâu, chiều dài ty 28,8cm)**  
**F-60GDS-BS (Nâu, chiều dài ty 21,2cm)**  
**F-60GDS-BE (Beige, chiều dài ty 28,8cm)**  
**F-60GDS-BES (Beige, chiều dài ty 21,2cm)**

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m<sup>3</sup>/phút
- Chế độ hẹn giờ Mờ/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.160.000



Đường kính cánh 150cm

**F-60GDN (Trắng, chiều dài ty 28,8cm)**  
**F-60GDN-S (Trắng, chiều dài ty 21,2cm)**  
**F-60GDN-LG (Xám trắng, chiều dài ty 28,8cm)**  
**F-60GDN-LGS (Xám trắng, chiều dài ty 21,2cm)**

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 40W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu ABS-G cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 285 m<sup>3</sup>/phút
- Chế độ hẹn giờ Mờ/Tắt trong vòng 24 tiếng
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode) có thể tùy chỉnh linh hoạt
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD

7.160.000

Khuyến cáo: KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.

\*Giá bán đã bao gồm VAT

**BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ**  
<http://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ lắp  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

**ProClub**



### QUẠT TRẦN - Ceiling Fan



**F-70ZBP** (Chiều dài từ 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 51W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 310 m<sup>3</sup>/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

17.650.000



**F-80ZBR** (Chiều dài từ 40 cm)

- Động cơ DC tiết kiệm điện, công suất 57W
- 03 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
- Thiết kế cánh quạt 3D cho luồng gió mạnh mẽ và êm ái hơn, cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 9 cấp độ gió, lưu lượng gió 345 m<sup>3</sup>/phút
- Có 8 chế độ hẹn giờ (1h-8h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa với màn hình LCD
- Cảm biến chuyển động con người - điều chỉnh lưu lượng gió theo mức độ chuyển động của con người nhằm tiết kiệm điện năng tiêu thụ

19.330.000



**F-56XPG** (Đen)  
**F-56XPG-W** (Trắng)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 191 m<sup>3</sup>/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.720.000



**F-56MZG-GO** (Vàng ánh kim, chiều dài từ 40,6cm)  
**F-56MZG-GOS** (Vàng ánh kim, chiều dài từ 22,9cm)  
**F-56MZG-S** (Bạc, chiều dài từ 40,6cm)  
**F-56MZG-SS** (Bạc, chiều dài từ 22,9cm)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m<sup>3</sup>/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

3.350.000



**F-48CZL**

- Công suất 55W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Cánh quạt làm bằng vật liệu PPG cho độ bền cao
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 160 m<sup>3</sup>/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

4.640.000



**F-56MPG-GO** (Vàng ánh kim)  
**F-56MPG-S** (Bạc)

- Công suất 59W
- Dây an toàn, công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 3 cấp độ gió, lưu lượng gió 180 m<sup>3</sup>/phút
- Chế độ gió hẹn giờ (1h/3h/6h)
- Chế độ gió theo nhịp sinh học lúc ngủ (Sleep mode)
- Điều khiển từ xa

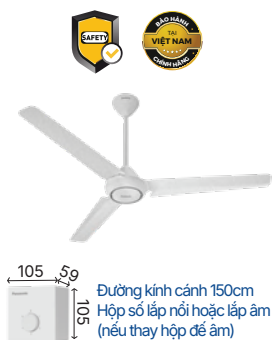
3.350.000



**F-56NCL** (Đồng cổ điển, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)  
**F-56NCL-S** (Đồng cổ điển, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)

- Công suất 70W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 220 m<sup>3</sup>/phút

2.210.000



**F-60FV2-MS** (Trắng, chiều dài từ 9inch - 22,8cm)  
**F-60FV2-S** (Trắng, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)  
**F-60FV2** (Trắng, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)  
**F-60FV2-L** (Trắng, chiều dài từ 22inch - 55,8cm)

- Công suất 74W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 270 m<sup>3</sup>/phút
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp để âm đơn mặt vuông:  
W:80mm x L:80mm x H: trên 50mm (Kích thước đề nghị)

1.920.000



**F-60M22-MS** (Trắng, chiều dài từ 9inch - 22,8cm)  
**F-60M22-S** (Trắng, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)  
**F-60M22** (Trắng, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)  
**F-60M22-L** (Trắng, chiều dài từ 22inch - 55,8cm)

**F-60M22-KMS** (Đen, chiều dài từ 9inch - 22,8cm)  
**F-60M22-KS** (Đen, chiều dài từ 12inch - 30,4cm)  
**F-60M22-K** (Đen, chiều dài từ 18inch - 45,7cm)  
**F-60M22-KL** (Đen, chiều dài từ 22inch - 55,8cm)

- Công suất 66W
- 3 cấp độ an toàn (khóa cánh an toàn, dây an toàn, công tắc an toàn)
- Công tắc an toàn giúp bảo vệ động cơ quạt
- 5 cấp độ gió, lưu lượng gió 215 m<sup>3</sup>/phút

1.570.000

⚠️ **Khuyến cáo:** - Hộp số của quạt nào nên dùng đúng của quạt đó.  
- KH lắp đặt sản phẩm theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (nên sử dụng công tắc 2 cực) và tiếp đất theo hướng dẫn sử dụng để đảm bảo an toàn khi có giông sét.



Wall fan - QUẠT TREO TƯỜNG



- F-409MB** (Xanh)  
**F-409MG** (Trắng ngà)
- Công suất 51W
  - Đường kính quạt 40 cm
  - Lưu lượng gió 77,5 m<sup>3</sup>/phút
  - 3 cấp độ gió
  - Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
  - Có remote

2.930.000



- F-409UB** (Xanh)  
**F-409UGO** (Vàng kim)
- Công suất 47,5W
  - Đường kính quạt 40 cm
  - Lưu lượng gió: 76 m<sup>3</sup>/phút
  - 3 cấp độ gió
  - Điều khiển quạt bằng công tắc gạt dây

2.370.000



- F-50YUZ** (Đen)
- Công suất 53 ~ 63W
  - Đường kính quạt 50 cm
  - Lưu lượng gió 100 m<sup>3</sup>/phút
  - 850 ~ 1230 vòng quay/phút
  - Điều khiển quạt bằng công tắc gạt dây

4.570.000

Orbit fan - QUẠT ĐÀO



- F-409QB** (Xanh)  
**F-409QGO** (Vàng)
- Công suất 45W
  - Đường kính quạt 40 cm
  - Lưu lượng gió: 79 m<sup>3</sup>/phút
  - Quạt đảo 360°
  - Sử dụng hộp số 5 cấp độ gió

3.340.000

Table fan - QUẠT BÀN



- F-400CB** (Xanh)  
**F-400CI** (Trắng ngà)
- Công suất 48W
  - Đường kính quạt 40 cm
  - Lưu lượng gió: 75 m<sup>3</sup>/phút
  - 3 cấp độ gió
  - Di chuyển dễ dàng

1.580.000

Standing fan - QUẠT ĐỨNG



- F-409KB** (Xanh)  
**F-409KBE** (Beige)  
**F-409KMR** (Đỏ)
- Công suất 51W
  - Đường kính quạt 40 cm
  - Chiều cao quạt 128 - 143 cm
  - Lưu lượng gió 77,5 m<sup>3</sup>/phút
  - 3 cấp độ gió
  - Chế độ gió theo nhịp (Rhythm Mode)
  - Hẹn giờ tắt 1-3-6 giờ
  - Có remote

4.130.000



- F-30JLVW** (Trắng)  
**F-30JLVG** (Xám)
- 7 cánh quạt
  - Động cơ: DC
  - Công suất: 20W
  - Đường kính quạt: 30cm
  - Chiều cao quạt: 58cm - 101,5cm
  - Lưu lượng gió: 35,3 m<sup>3</sup>/phút
  - 6 cấp độ gió
  - 3 chế độ gió: Thường - Tự nhiên - Ngủ
  - Hẹn giờ tắt 1 - 8 giờ
  - Có remote

2.930.000



- F-308NHB** (Xanh)  
**F-308NHP** (Hồng)
- Công suất 37W
  - Đường kính quạt 30 cm
  - Chiều cao quạt 91 - 105 cm
  - Lưu lượng gió: 40 m<sup>3</sup>/phút
  - 3 cấp độ gió
  - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
  - Động cơ được thiết kế mỏng và gọn nhẹ
  - Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
  - Có remote

4.060.000



- F-307KHB** (Xanh)  
**F-307KHS** (Bạc)
- Công suất 37W
  - Đường kính quạt 30 cm
  - Chiều cao quạt 66 - 85 cm
  - Lưu lượng gió: 50,7 m<sup>3</sup>/phút
  - 3 cấp độ gió
  - Chức năng tạo gió tự nhiên (1/f Yuragi)
  - Mạng lọc không khí chống bụi và kháng khuẩn
  - Hẹn giờ tắt 1-2-4 giờ
  - Có remote

2.840.000



- F-407WGO** (Vàng kim)
- Công suất 53.5W
  - Đường kính quạt 40 cm
  - Chiều cao quạt 134 - 157 cm
  - Lưu lượng gió: 76 m<sup>3</sup>/phút
  - 3 cấp độ gió
  - Có trang bị đèn ngủ

3.400.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

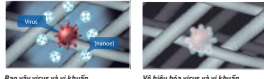


### CÔNG NGHỆ NANOETM



#### KHÁNG KHUẨN/ NGỪA VIRUS

- Diệt 99.9% virus (H1N1) (\*1) và (H5N1) (\*2)
- Diệt 99.9% vi khuẩn (E Coli O 157, MRSA.H)

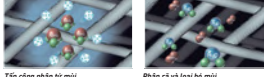


Bao vây virus và vi khuẩn / Vô hiệu hóa virus và vi khuẩn



#### KHỬ MÙI

- Diệt 90% mùi (mùi thuốc lá) chỉ sau 30 phút



Tấn công phần tử mùi / Phân rã và loại bỏ mùi



#### GIỮ ẨM DA

- Giúp cho làn da tươi mát và được giữ ẩm tốt



### CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA

ECONAVI

#### Kiểm tra các chất ô nhiễm

Thông qua cảm biến mùi và cảm biến bụi trong nhà khoảng 10 phút mỗi giờ ở tốc độ trung bình.



#### Tìm hiểu quy luật ô nhiễm

Ghi nhớ quy luật ô nhiễm trong nhà và tự động đưa ra mô hình hoạt động làm giảm thiểu tối đa sự ô nhiễm trước khi nó phát tán trong nhà.



Tiết kiệm điện **50%** (\*)  
So sánh với chế độ tự động

### TẮM LỌC KHÍ

#### Tấm lọc khí tích hợp



Chỉ vệ sinh khô tránh tiếp xúc với nước

Tấm lọc tích hợp bao gồm bộ tinh lọc Super Alleru-buster, tinh chất Catechin trong nhà xanh và Enzyme kháng khuẩn

#### Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano



Tấm lọc khử mùi công nghệ Super Nano giúp khử các mùi hôi như khói thuốc hay mùi thức ăn.



Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng



Tinh chất Catechin trong trà xanh



Enzyme kháng khuẩn

Vô hiệu hóa Vi khuẩn

## MÁY LỌC KHÔNG KHÍ VÀ KHỬ MÙI - Air Purifier & Deodorization



\*Sản phẩm thích hợp dùng cho xe hơi

- F-GPT01A-K (Đen)
- F-GPT01A-R (Đỏ)
- Lưu lượng gió: 0.07 m<sup>3</sup>/phút
- Phạm vi sử dụng: 3m<sup>3</sup>
- Độ ồn (MSK): 34dB
- Công suất: 3,5W
- Công nghệ lọc: nanoe™X
- Dây cáp sạc: USB - Chiều dài 1.5m
- Hiệu điện thế: DC 5V (Nguồn 1,5A hoặc hơn)
- Kích thước: Ø66 x Ø90 x H170 mm
- Khối lượng: 0,4 kg

4.270.000

**LƯU Ý**

- Không sử dụng trong môi trường ẩm ướt (VD: phòng tắm, ...).
- Điều kiện để phát nanoe™X:
  - Nhiệt độ phòng: khoảng 5-40°C (Nhiệt độ điểm sương khoảng 2°C hoặc hơn).
  - Độ ẩm: Khoảng 30-85% (Không thể sử dụng trong môi trường ẩm ướt hoặc những nơi đang có lửa).



**F-VXV70A**  
15.700.000



**F-PXU70A**  
13.970.000



**F-PXV55A**  
13.300.000



**F-PXV50A**  
10.500.000



**F-PXV35A**  
7.360.000



**F-PXJ30A**  
4.600.000



**F-P15EHA**  
3.720.000

	F-VXV70A	F-PXU70A	F-PXV55A	F-PXV50A	F-PXV35A	F-PXJ30A	F-P15EHA
- Lưu lượng gió (m <sup>3</sup> /min) - hi	6.7	7	5.3	5	3.5	2.8	1.6
- Điện tiêu thụ (W) - hi	66	36	49	29	24	30	29
- Độ ồn [db(A)] - hi	54	49	52	47	49	44	44
- Phạm vi hoạt động [(m <sup>2</sup> )]	52	52	41	36	26	20	13
- Công nghệ lọc	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™X	nanoe™	-
- Loại Mô-tơ	DC	DC	DC	DC	DC	AC	AC
- Loại lưới lọc	HEPA	HEPA (lọc được Formaldehyde)	HEPA	HEPA	HEPA	-	HEPA
- Hút gió 3 chiều	•	-	•	•	•	•	•
- Cảm biến sensor	Bụi và mùi - Độ ẩm Ánh sáng - Chuyển động	PM2.5/ Mùi /Ánh sáng	Bụi và mùi Ánh sáng	Bụi	Mùi	Mùi	-
- Đo mức độ ô nhiễm	•	•	•	•	•	•	-
- Đèn báo PM2.5	-	•	•	•	-	-	-
- Chế độ tự động	•	•	•	•	•	•	-
- Chế độ Turbo	-	-	-	-	•	•	-
- Chế độ ngủ [8 giờ]	•	-	•	-	•	•	•
- Chế độ bảo thay bộ lọc	•	•	•	•	•	•	•
- Chế độ khóa trẻ em	•	•	•	-	-	-	•
- Kích thước (C x R x S) (mm)	636x398x265	560x362x280	580x300x205	550x340x208	520x300x189	540x311x210	385x310x152
- Chế độ Econavi	•	-	•	-	-	-	-
- Điều khiển bằng remote	-	-	-	-	-	-	-
- Tuổi thọ bộ lọc [Hỗn hợp]	10 năm	2 năm	10 năm	4 năm	3 năm	2 năm	2 năm
- Giá bộ lọc [Khử mùi]	1.790.000	2.150.000	1.920.000	2.520.000	1.340.000	890.000	1.210.000
- Giá bộ lọc [Khử mùi]	840.000	1.220.000	840.000	Hỗn hợp + khử mùi	750.000	610.000	Hỗn hợp + khử mùi
- Giá bộ lọc [Tạo ẩm]	970.000						



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

<https://kimquang.vn>



BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

\*Giá bán đã bao gồm VAT

Air Purifier - MÁY LỌC KHÔNG KHÍ

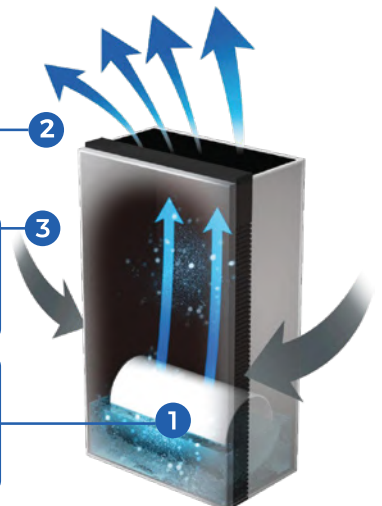
Thiết bị xử lý không khí Ziaino™			
F-JPU70A			
75.000.000			
Thông số kỹ thuật			
- Công nghệ lọc	Điện phân muối trong nước để tạo axit hipoclorơ (HOCL)		
- Diện tích sử dụng (m <sup>2</sup> )	92(**)		
- Chế độ không khí	Cao	Trung bình	Thấp
- Lưu lượng gió (m <sup>3</sup> /phút)	7,0	4,0	2,0
- Điện năng tiêu thụ (W)	72	31	20
- Độ ồn (dB)	49	37	20
- Thời gian vận hành liên tục khi bình chứa nước đầy (*)	9,6	14,0	22,6
- Dung tích bình chứa (L)	Khoảng 7,8 (Dung tích thực: 7,0)		
- Bộ lọc	Bộ lọc bụi bẩn (2 năm)/ Bộ lọc khử trùng (5 năm) / Cùm chống nấm mốc (5 năm)		
- Chi báo	Chi báo lỗi/ Chi báo cửa mở/ Chi báo thêm nước/ Chi báo xả nước/ Chi báo trạng thái/ Chi báo xác nhận nạp muối/ Chi báo thay điện cực/ Chi báo đến lúc cần vệ sinh máy		
- Chức năng khác	Tự động vệ sinh bên trong máy		
- Khóa trẻ em	Có		
- Kích thước sản phẩm (Cao x Rộng x Dài) (mm)	730 x 510 x 307		
- Trọng lượng sản phẩm (kg)	17		



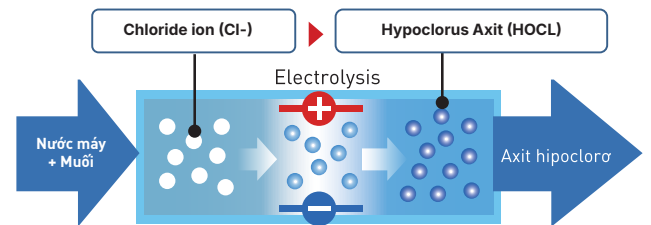
**Ức chế vi khuẩn bám dính**  
Axit hipoclorơ đã bay hơi có hiệu quả cao trong việc chống lại vi khuẩn và virus bám dính trong phòng

**Đặc tính khử mùi**  
**Hòa tan**  
Đẩy không khí đi qua bộ lọc để loại bỏ mùi  
**Phân hủy**  
Mùi hoa tan vào bộ lọc, phân hủy bởi axit hipoclorơ

**Ức chế vi khuẩn lơ lửng trong không khí**  
Không khí được đi qua bộ lọc khử trùng ngâm tẩm axit hipoclorơ, và không khí bản được khử trùng và khử mùi.



Axit hipoclorơ là một thành phần khử trùng an toàn và hiệu quả cao được sử dụng trong nhiều lĩnh vực, bao gồm khử trùng hồ bơi và bình sữa trẻ em, làm sạch nước máy và rửa rau, v.v.



Điện phân nước muối để tạo ra "Axit hipoclorơ" có tác dụng khử trùng mạnh và kiểm soát nồng độ thích hợp

(\*) Thời gian vận hành liên tục với đầy nước đạt được trong môi trường có nhiệt độ phòng là 20°C và độ ẩm tương đối là 30%  
(\*\*) Diện tích sử dụng được tính toán bởi bộ phận nghiên cứu của Panasonic.

Dehumidifier - MÁY HÚT ẨM

- \*Màng lọc 4 trong 1
- + Khử mùi: 90%
- + Vô hiệu hóa vi khuẩn: 99%
- + Vô hiệu hóa vi rút: 90%
- + Vô hiệu hóa tác nhân gây dị ứng: 80%



F-YCT10V  
8.050.000



F-YCT14V  
10.350.000



F-YCT17V  
11.300.000

Thông số kỹ thuật		F-YCT10V	F-YCT14V	F-YCT17V
- Phạm vi sử dụng	m <sup>2</sup>	25	35	42
- Khả năng hút ẩm (30°C/80%)	L/Ngày	10	14	17
- Công suất	W	220	230	285
- Loại máy		Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh	Sử dụng máy nén lạnh
- Bình chứa	L	2,5	2,5	4,8
- Hẹn giờ	H	-	2/4/8 (tắt)	2/4/8 (tắt)
- Bảo độ ẩm		-	●	●
- Báo đầy bình chứa		●	●	●
- Màng lọc		Màng lọc bụi thô	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1	Màng lọc bụi thô Màng lọc 4 trong 1
- Chế độ hoạt động	Sets	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt	Chế độ kiểm soát độ ẩm tự động Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt
- Kích thước (C x R x S)	mm	530 x 293 x 230	580 x 300 x 215	605 x 360 x 260
- Tuổi thọ màng lọc (4 trong 1)	năm	-	3	3
- Khối lượng	Kg	13,0	11,5	14,0

\*Giá bán đã bao gồm VAT



(\* Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn  
MADE IN MALAYSIA

MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - Instant water heater



### KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC

#### MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - U SERIES



##### DH-4US1VW

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



4.050.000



##### DH-4UP1VW

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu trắng trang nhã.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.000.000



##### DH-4US1VS

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



4.250.000



##### DH-4UP1VS

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu xám sang trọng.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 1 nút vặn xoay để điều chỉnh nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.200.000



##### DH-4UD1VZ

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích).
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



5.660.000



##### DH-4UDP1VZ

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế màu đen xanh hiện đại.
- Bơm trợ lực vận hành êm ái.
- **1 nút ấn để bật tắt và 2 nút ấn để tăng giảm nhiệt độ.**
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn với 3 chế độ phun.
- Công nghệ tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn được ứng dụng lên vòi sen, tay nắm, bảng điều khiển và núm điều khiển.
- Trang bị màn hình LCD hiển thị nhiệt độ, thời gian và các chế độ.
- Máy có chế độ U-mode (3 chế độ tắm: ấm, vừa, lạnh) và U-memory (ghi nhớ sở thích)
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Bảo hành bơm 5 năm
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



7.620.000



(\* Lưu ý: Dòng máy nước nóng trực tiếp chỉ phù hợp cho những vùng có môi trường nhiệt độ bên ngoài trên 20°C đối với loại 4,5kW và trên 25°C đối với loại 3,5kW. Với nhiệt độ bên ngoài dưới 20°C thì khuyến cáo sử dụng sang máy nước nóng gián tiếp.

Đạt tiêu chuẩn "TƯƠNG THÍCH ĐIỆN TỬ EMC" và 9 tính năng an toàn  
MADE IN MALAYSIA



Instant water heater - MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP

**KHÔNG CÓ BƠM TRỢ LỰC**

**MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - V SERIES**

**DH-3VS1VW**

- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag<sup>+</sup> với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



3.220.000

**CÓ BƠM TRỢ LỰC**

**MÁY NƯỚC NÓNG TRỰC TIẾP - V SERIES**

**DH-3VP1VW**

- Công suất: 3,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag<sup>+</sup> với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



5.210.000

**DH-4VS1VW**

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag<sup>+</sup> với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,1 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



3.520.000

**DH-4VP1VW**

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế nhỏ gọn, màu trắng ngà trang nhã
- Bơm trợ lực vận hành êm ái
- 1 nút vận xoay để bật tắt và điều chỉnh nhiệt độ
- Vòi sen thiết kế tiêu chuẩn, vật liệu kháng khuẩn Ag<sup>+</sup> với 3 chế độ phun
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch
- Bơm bảo hành 5 năm
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực nước thấp 0,05 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Đóng gói 4 cái 1 kiện



5.430.000



**Dòng tiêu chuẩn**

**DH-4MS1VW**

- Công suất: 4,5kW
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,1 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



3.710.000

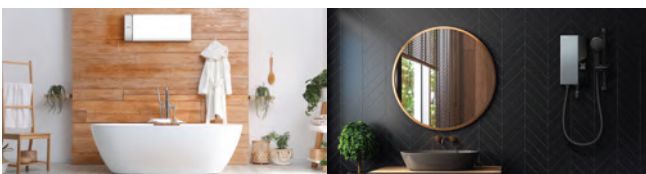
**Dòng tiêu chuẩn**

**DH-4MP1VW**

- Công suất: 4,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới tiết kiệm hơn 40% diện tích.
- Có khay đựng xà phòng
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Điều chỉnh nóng theo 3 cấp độ: thấp, trung bình, cao
- Hiệu suất tốt hơn cho áp lực thấp 0,05 (kgf/cm<sup>2</sup>)
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



5.670.000



**Dòng cao cấp điều chỉnh nhiệt độ vô cấp**

**DH-4NTP1VW**

- Công suất: 4,5kW
- Bơm trợ lực vận hành siêu êm.
- Thiết kế mới với vỏ cong thanh lịch, sang trọng.
- Ổn định nhiệt độ nước đầu ra vòi sen.
- Điều chỉnh nhiệt độ nước cấp và đạt tiêu chuẩn EMC.
- Vòi sen 3 kiểu phun với tinh thể Ag<sup>+</sup> kháng khuẩn.
- Van cấp nước với chức năng lọc sạch.
- Tắt mở bằng 1 nút nhấn.
- Bảo hành bơm 5 năm.
- Đóng gói 4 cái 1 kiện.



6.080.000

NƯỚC ẤM NHÀ ÊM  
*Lâu bền hạnh phúc*

Panasonic

\*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ <http://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



### MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP - Storage water heater

**JAPAN QUALITY**  
TRUSTED FOR OVER 100 YEARS

**MÁY NƯỚC NÓNG GIÁN TIẾP**  
**HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI**

**Hiệu suất vượt trội**  
Không có Thanh Magie

**Ruột bình làm từ thép không gỉ\***  
Vật liệu Sản xuất tại Nhật Bản

**AN TOÀN TUYỆT ĐỐI - TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG**

**HIỆU SUẤT VƯỢT TRỘI**

- Ruột bình được làm từ thép không gỉ sản xuất tại Nhật Bản
- Không có thanh magie

**AN TOÀN TUYỆT ĐỐI**

- Vỏ máy được làm từ vật liệu chống cháy
- Chống nước đạt tiêu chuẩn IPX4
- Tích hợp cấu tạo chống rò rỉ điện ELB
- Tự động ngắt điện khi nhiệt độ đạt 75°C

**TIẾT KIỆM ĐIỆN NĂNG**

- Giữ nhiệt tốt nhờ tấm xốp Styrofoam
- Tiết kiệm điện năng lên đến 10%
- Công nghệ đun nóng cao cấp

**THIẾT KẾ NHỎ GỌN**

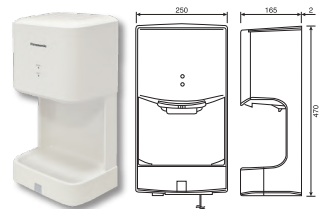
- Lắp đặt dễ dàng với cả không gian nhỏ và chật hẹp

Mã sản phẩm	NEW		NEW		NEW	
	DH-15HBMVW	DH-15HBMVWL	DH-20HBMVW	DH-20HBMVWL	DH-30HBMVW	DH-30HBMVWL
	4.420.000	4.570.000	4.620.000	4.760.000	5.140.000	5.280.000
<b>Thông số kỹ thuật</b>	15		20		30	
Dung tích (lít)	220		220		220	
Điện vào (V)	2,5		2,5		2,5	
Công suất (kW)	0,75		0,75		0,75	
Áp lực nước (Tối đa) (Mpa)	75		75		75	
Nhiệt độ cao nhất (°C)	30		40		60	
Thời gian đun sôi (xấp xỉ) (phút)	Trắng		Trắng		Trắng	
Màu	●		●		●	
Đèn LED báo đang đun nước	7		8		10	
Trọng lượng tịnh (kg)	323 x 437 x 310		323 x 526 x 310		323 x 704 x 310	
Kích thước (Cao x Rộng x Sâu) (mm)	Thép không gỉ từ Nhật		Thép không gỉ từ Nhật		Thép không gỉ từ Nhật	
Ruột bình	Đồng	Incoloy	Đồng	Incoloy	Đồng	Incoloy
Thanh đốt	Mút Styrofoam		Mút Styrofoam		Mút Styrofoam	
Chống nước	Đồng		Đồng		Đồng	
Vật liệu cách điện	●		●		●	
Đầu nước vào - đầu nước ra	●		●		●	
Tích hợp sẵn ELB chống giật	●		●		●	
Tự động ngắt nhiệt	●		●		●	
Ruột bình bằng thép không gỉ	●		●		●	
Vỏ thân máy chống tia nước phun	IPX4		IPX4		IPX4	
Cấu trúc cách điện	●		●		●	
Tuần thủ chất liệu không bắt lửa	●		●		●	
<b>Xuất xứ</b>	Malaysia		Malaysia		Malaysia	

\*Khuyến cáo lắp đặt: Không bật ON cho đến khi bình chứa được đổ đầy nước để tránh hư hại sản phẩm

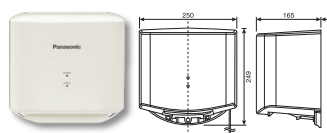
### MÁY SẤY TAY - Automatic hand dryer

## An Toàn - Tiết Kiệm Bảo Vệ Môi Trường



**FJ-T09A3** (Có khay nước)  
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W  
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB  
- Tốc độ gió 110 m/s  
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

7.400.000



**FJ-T09B3** (Không có khay nước)  
- Sấy khô tay trong vòng vài giây, công suất 1.020W  
- Có chế độ gió nóng và gió bình thường (Heater ON/OFF switch), độ ồn 62dB  
- Tốc độ gió 110 m/s  
- Có thể tắt chức năng sấy bằng nhiệt (Heater OFF) để tiết kiệm điện vào mùa hè

6.250.000



**MÁY BƠM ĐẨY CAO**



**GP-129JXK-SV5**  
(Dây điện 12.5cm) **1.730.000**

**GP-129JXK-NV5**  
(Dây điện 125cm + phích cắm) **1.750.000**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m
- Độ cao hút đẩy tối đa 30m



**GP-200JXK-SV5**  
(Dây điện 12.5 cm) **2.170.000**

**GP-200JXK-NV5**  
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **2.190.000**

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng



**GP-201JXK-SV5**  
(Dây điện 12.5 cm) **2.230.000**

**GP-201JXK-NV5**  
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **2.250.000**

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 30m
- Mô tơ dây đồng



**GP-250JXK-SV5**  
(Dây điện 20 cm) **3.420.000**

**GP-250JXK-NV5**  
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **3.450.000**

- Công suất 250W
- Lưu lượng nước 50 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Độ cao hút đẩy tối đa 38m
- Mô tơ dây đồng



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước bẩn có thể gây kẹt cánh bơm



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất và đất cát.



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm, gây kẹt cánh bơm.



**MÁY BƠM TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG**



**A-130JAK**  
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.430.000**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 32 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m



**A-200JAK**  
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.800.000**

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



**A-201JAK**  
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.880.000**

- Công suất 200W
- Lưu lượng nước 45 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



**A-130JACK**  
(Dây điện 125cm + phích cắm) **2.900.000**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 10m
- Mô tơ dây đồng



**A-130JTX**  
(Dây điện 125 cm + phích cắm) **4.150.000**

- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/ phút
- Chiều sâu hút 9m - Chiều cao đẩy 9m
- Mô tơ dây đồng



**GA-125FAK**  
(Dây điện 135cm + phích cắm) **3.210.000**

- Bơm tăng áp điện tử nước LẠNH
- Công suất 125W
- Lưu lượng nước 30 lít/phút
- \* Lưu ý lắp đặt bơm (áp dụng cho GA-125FAK và GA-200FAH)
- 1. Sản phẩm này không dùng cho hút giếng và đẩy cao, chỉ sử dụng tăng áp từ trên xuống.
- 2. Bơm cần đặt thấp hơn bồn chứa và vòi nước ra thấp hơn bồn chứa ít nhất 1m.



**GA-200FAH**  
(Dây điện 120cm + phích cắm) **4.100.000**

- Bơm tăng áp điện tử nước NÓNG/LẠNH
- Công suất: 200W
- Lưu lượng nước: 50 lít/ phút
- \* Lưu ý:
- Chịu được nước nóng 100°C
- Yêu cầu lắp đặt tương tự GA-125FAK

**MÁY BƠM ĐẨY CAO CÔNG SUẤT LỚN**



	Công suất		Lưu lượng nước tối đa (lít/phút)	Chiều hút sâu (m)	Độ cao hút đẩy tối đa (m)	Mô tơ dây đồng	Giá bán
	(W)	(HP)					
GP-10HCN1SVN	750	1	10-99	9	34-25	●	<b>6.000.000</b>
GP-15HCN1SVN	1.100	1,5	30-145	9	38,7-22	●	<b>8.050.000</b>
GP-20HCN1SVN	1.500	2	30-154	9	46,2-26	●	<b>9.330.000</b>

Panasonic

MÁY BƠM ĐẨY CAO & MÁY BƠM TĂNG ÁP PANASONIC

**SONG BƠM HỢP LỰC SỨC NƯỚC TỐI ĐA**

- Hiệu suất mạnh mẽ, tuổi thọ đến 10 năm
- Tiết kiệm điện năng
- Tự ngắt nguồn điện khi nhiệt độ bơm quá cao
- Giảm thiểu nguy cơ chập điện

CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN - VẬN HÀNH BỀN BỈ



\*Giá bán đã bao gồm VAT



# ĐÈN CHIẾU SÁNG

## ĐÈN LED PANEL ỚP TRẦN NRP3061R

### \*Thiết kế hiện đại

Kiểu dáng tròn thanh lịch, dễ dàng hòa hợp với mọi không gian – từ nhà ở, văn phòng đến showroom.

### \*Chiếu sáng góc rộng

Góc chiếu 120°, ánh sáng tán quang dịu nhẹ, không chói – lan tỏa đều khắp không gian, bảo vệ mắt tối ưu.

### \*Tuổi thọ vượt trội

Tiết kiệm điện năng, vận hành ổn định với tuổi thọ lên đến 25.000 giờ, giải pháp chiếu sáng bền vững và kinh tế.



- ĐÈN DOWNLIGHT
- ĐÈN SLIM PANEL
- ĐÈN DOWNLIGHT CHÌNH GÓC



- ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN
- ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM



- ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR
- ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



- ĐÈN ỚP TRẦN
- ĐÈN OFFICE PANEL



- ĐÈN T8 - MÁNG ĐÈN
- ĐÈN BÁN NGUYỆT



- ĐÈN BULB TRỤ
- ĐÈN BULB TRÒN
- ĐÈN BULB TRANG TRÍ - HOA CÚC



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN HERA SERIES



- \* Chất liệu thân đèn: Nhôm
- \* Thiết kế driver nguồn rời
- \* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí
- \* Sử dụng LED Bridgelux



Hình ảnh	Màu viền	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)	
	viền trắng	NSD076W90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	125.000	
		NSD074W90		550	Trung tính 4000K					
		NSD073W90		500	Vàng 3000K					
		NSD07CW90	7W/220V	500-550	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	145.000
		NSD096W110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	149.000	
		NSD094W110		700	Trung tính 4000K					
		NSD093W110		630	Vàng 3000K					
		NSD09CW110	9W/220V	630-700	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	175.000
		NSD126W135	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	180.000	
		NSD124W135		1.000	Trung tính 4000K					
		NSD123W135		900	Vàng 3000K					
NSD12CW135	12W/220V	900-1000	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	201.000		
	viền vàng	NSD076G90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000	
		NSD074G90		550	Trung tính 4000K					
		NSD073G90		500	Vàng 3000K					
		NSD07CG90	7W/220V	500-550	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096G110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	165.000	
		NSD094G110		700	Trung tính 4000K					
		NSD093G110		630	Vàng 3000K					
		NSD09CG110	9W/220V	630-700	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	185.000
		NSD126G135	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	191.000	
		NSD124G135		1.000	Trung tính 4000K					
		NSD123G135		900	Vàng 3000K					
NSD12CG135	12W/220V	900-1000	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	211.000		
	viền bạc	NSD076S90	7W/ 220V	550	Trắng 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	135.000	
		NSD074S90		550	Trung tính 4000K					
		NSD073S90		500	Vàng 3000K					
		NSD07CS90	7W/220V	500-550	500-550	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø105/H22	Ø90	40	155.000
		NSD096S110	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	165.000	
		NSD094S110		700	Trung tính 4000K					
		NSD093S110		630	Vàng 3000K					
		NSD09CS110	9W/220V	630-700	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø122/H22	Ø110	36	185.000
		NSD126S135	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	191.000	
		NSD124S135		1.000	Trung tính 4000K					
		NSD123S135		900	Vàng 3000K					
NSD12CS135	12W/220V	900-1000	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø146/H22	Ø135	30	211.000		

\*Giá bán đã bao gồm VAT

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ <http://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ lắp  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN MIRA SERIES

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Chất liệu: Nhôm nhựa  
\* Thiết kế driver nguồn rời



NPM09C



NPM126



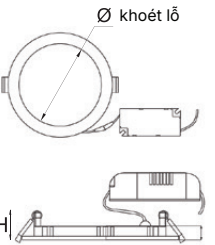
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPM096	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	135.000
NPM094		700	Trung tính 4000K				
NPM093		630	Vàng 3000K				
NPM09C	9W/220V	630-700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø132/H22	Ø110	40	154.000
NPM126	12W/ 220V	1.000	Trắng 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	160.000
NPM124		1.000	Trung tính 4000K				
NPM123		900	Vàng 3000K				
NPM12C	12W/220V	900-1.000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø151/H22	Ø135	40	181.000

ĐÈN SLIM PANEL ÂM TRẦN

Đèn Slim Panel âm trần



\* Chất liệu thân đèn: Nhôm  
\* Thiết kế driver nguồn rời  
\* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí

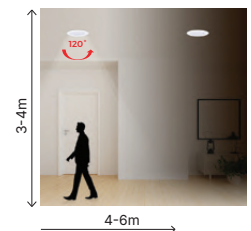
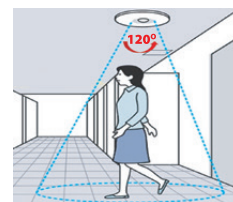


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSD0661	6W/ 220V	420	Trắng 6500K	Ø120/ H22	Ø110	36	130.000
NSD0641		400	Trung tính 4000K				
NSD0631		360	Vàng 3000K				
NSD06C1	6W/ 220V	420-462	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø120/ H22	Ø110	36	150.000
NSD0961	9W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø145/ H22	Ø135	40	165.000
NSD0941		620	Trung tính 4000K				
NSD0931		600	Vàng 3000K				
NSD09C1	9W/ 220V	630-693	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/ H22	Ø135	40	215.000
NSD1261	12W/ 220V	840	Trắng 6500K	Ø174/ H22	Ø160	40	191.000
NSD1241		820	Trung tính 4000K				
NSD1231		800	Vàng 3000K				
NSD12C1	12W/ 220V	824-840	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø174/ H22	Ø160	40	252.000
NSD1561	15W/ 220V	1.125	Trắng 6500K	Ø200/ H22	Ø185	40	252.000
NSD1541		1.125	Trung tính 4000K				
NSD1531		1.050	Vàng 3000K				

Đèn Slim Panel âm trần cảm biến



\* Chất liệu thân đèn: Nhôm  
\* Thiết kế driver nguồn rời  
\* Thiết kế siêu mỏng thích hợp cho công trình trần nhà thấp, tiết kiệm chi phí  
\* Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến  
\* Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động  
\* Đèn tự động bật khi có người chuyển động trong vùng phát hiện cảm biến bán kính 4-6m, độ cao trần 3-4m



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSD093S	9W/ 220V	600	Vàng 3000K	Ø145/ H22	Ø135	30	311.000
NSD123S	12W/ 220V	800	Vàng 3000K	Ø174/ H22	Ø160	24	340.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN DOWNLIGHT 3S SERIES



- \* Chất liệu thân đèn: Nhôm
- \* Thiết kế driver nguồn rời
- \* Thiết kế đa dạng mẫu với 3 màu viền đèn: trắng - vàng - bạc
- \* Sử dụng LED Seoul Semiconductor
- \* Độ sáng cao: 105lm/W



Mã sản phẩm			Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Viền trắng	Viền vàng	Viền bạc							
NDL096W90	NDL096G90	NDL096S90	9W/ 220V	945	Trắng 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	174.000
NDL094W90	NDL094G90	NDL094S90		945	Trung tính 4000K				
NDL093W90	NDL093G90	NDL093S90		900	Vàng 3000K				
NDL09CW90	NDL09CG90	NDL09CS90	9W/220V	900-945	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø112/H35	Ø90	40	205.000
NDL126W110	NDL126G110	NDL126S110	12W/ 220V	1.260	Trắng 6500K	Ø130/H35	Ø110	36	200.000
NDL124W110	NDL124G110	NDL124S110		1.260	Trung tính 4000K				
NDL123W110	NDL123G110	NDL123S110		1.200	Vàng 3000K				
NDL12CW110	NDL12CG110	NDL12CS110	12W/220V	1.200-1.260	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H35	Ø110	36	235.000

NEW ĐÈN DOWNLIGHT - ECO METAL SERIES



- \* Chất liệu: Thân đèn nhôm
- \* Thiết kế driver tích hợp
- \* Độ sáng cao: 100lm/W



Mã sản phẩm			Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Viền trắng	Viền vàng	Viền bạc							
NEMD106W90	NEMD106G90	NEMD106S90	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	Ø118/H36	Ø90	40	136.000
NEMD104W90	NEMD104G90	NEMD104S90			Trung tính 4000K				
NEMD103W90	NEMD103G90	NEMD103S90			Vàng 3000K				
NEMD10CW90	NEMD10CG90	NEMD10CS90	10W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø118/H36	Ø90	40	152.000
NEMD106W110	NEMD106G110	NEMD106S110	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	156.000
NEMD104W110	NEMD104G110	NEMD104S110			Trung tính 4000K				
NEMD103W110	NEMD103G110	NEMD103S110			Vàng 3000K				
NEMD10CW110	NEMD10CG110	NEMD10CS110	10W/220V	900-1000	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	172.000
NEMD126W110	NEMD126G110	NEMD126S110	12W/220V	1.200	Trắng 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	163.000
NEMD124W110	NEMD124G110	NEMD124S110			Trung tính 4000K				
NEMD123W110	NEMD123G110	NEMD123S110			Vàng 3000K				
NEMD12CW110	NEMD12CG110	NEMD12CS110	12W/220V	1080-1200	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø138/H36	Ø110	40	186.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN DOWNLIGHT ECO SERIES

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Chất liệu: thân đèn nhựa PP  
\* Thiết kế driver tích hợp  
\* Độ sáng cao: 90lm/W

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	NED076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	113.000
	NED074		630	Trung tính 4000K				
	NED073		595	Vàng 3000K				
	NED07C	7W/220V	595-630	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	133.000
	NED096	9W/ 220V	810	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	130.000
	NED094		810	Trung tính 4000K				
	NED093		765	Vàng 3000K				
	NED09C	9W/220V	765-810	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	146.000
	NED123	12W/220V	910	Vàng 3000K	Ø140/H45	Ø120	40	150.000
	NED12C	12W/220V	910-980	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø140/H45	Ø120	40	174.000
	NED1261	12W/ 220V	1.080	Trắng 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	150.000
	NED1241		1.080	Trung tính 4000K				
	NED1231		1.020	Vàng 3000K				
	NED12C1	12W/220V	1.020-1.080	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø130/H45	Ø110	40	174.000
	NED156	15W/ 220V	1.350	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	191.000
	NED154		1.350	Trung tính 4000K				
	NED153		1.275	Vàng 3000K				
	NED186	18W/ 220V	1.620	Trắng 6500K	Ø170/H45	Ø145	40	208.000
	NED184		1.620	Trung tính 4000K				
	NED183		1.530	Vàng 3000K				
NED246	24W/ 220V	2.160	Trắng 6500K	Ø220/H45	Ø195	40	281.000	
NED244		2.160	Trung tính 4000K					
NED243		2.040	Vàng 3000K					



\* Chất liệu: Thân đèn nhựa PP  
\* Thiết kế driver, cảm biến được tích hợp bên trong đèn  
\* Đèn tự động bật khi có người chuyển động trong vùng phát hiện cảm biến bán kính 5m, độ cao trần 3m  
\* Đèn tự động tắt sau 60 giây khi kết thúc chuyển động  
\* Khoảng cách lắp đặt giữa các đèn cảm biến nên cách nhau 2,5m  
\* Cảm biến radar có thể phát hiện chuyển động sau tường, cửa

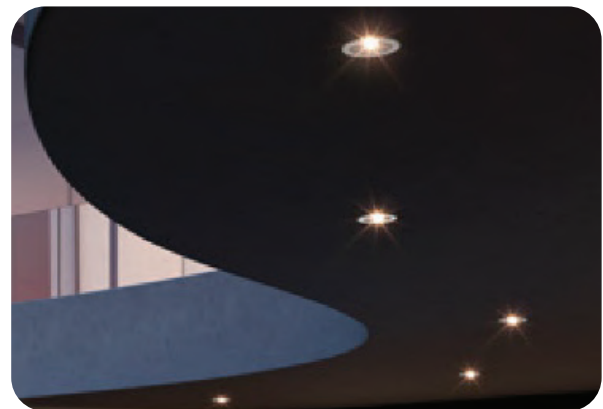


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NED096S	9W/ 220V	700	Trắng 6500K	Ø110/H45	Ø90	40	195.000
NED094S <b>NEW</b>		700	Trung tính 4000K				
NED093S	12W/ 220V	655	Vàng 3000K	Ø130/H45	Ø110	40	240.000
NED126S		1.000	Trắng 6500K				
NED124S <b>NEW</b>		1.000	Trung tính 4000K				
NED123S		936	Vàng 3000K				

ĐÈN DOWNLIGHT CHỈNH GÓC



\*Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa thấu kính nhựa PC trong suốt.  
\*Điều chỉnh được góc xoay tối đa 20 độ, tùy theo mục đích sử dụng trong nhà, thích hợp chiếu điểm trưng bày sản phẩm, tranh tường.



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NADL076	7W/ 220V	630	Trắng 6500K	Ø95/H46	Ø75-80	20	166.000
NADL074			Trung tính 4000K				
NADL073			Vàng 3000K				
NADL096	9W/ 220V	810	Trắng 6500K	Ø95/H46	Ø75-80	20	183.000
NADL094			Trung tính 4000K				
NADL093			Vàng 3000K				



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

<https://kimquang.vn>

BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

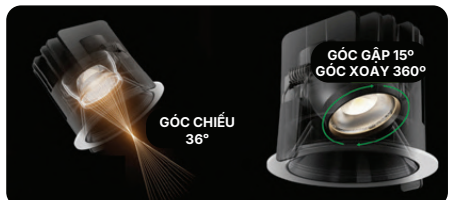
\*Giá bán đã bao gồm VAT

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

**NEW ĐÈN SPOTLIGHT ÂM TRẦN**



\* Chất liệu: Nhôm sơn tĩnh điện, thân đèn màu đen mờ, viên đèn màu trắng  
 \* Sử dụng Driver Lifud, chip LED Bridgelux  
 \* Có thể điều chỉnh hướng chiếu của đèn sau khi gắn trần



Mã sản phẩm			Góc chiếu	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Chóa chrome	Chóa trắng	Chóa đen								
NSP07WC246	NSP07WW246	NSP07WB246	24°	07W/220V	500	Trắng 6500K	Φ69/ L62	Ø55	10	538.000
NSP07WC244	NSP07WW244	NSP07WB244				Trung tính 4000K				
NSP07WC243	NSP07WW243	NSP07WB243				Vàng 3000K				
NSP12WC246	NSP12WW246	NSP12WB246				Trắng 6500K				
NSP12WC244	NSP12WW244	NSP12WB244				Trung tính 4000K				
NSP12WC243	NSP12WW243	NSP12WB243				Vàng 3000K				
NSP07WC366	NSP07WW366	NSP07WB366	36°	07W/220V	500	Trắng 6500K	Φ69/ L62	Ø55	10	538.000
NSP07WC364	NSP07WW364	NSP07WB364				Trung tính 4000K				
NSP07WC363	NSP07WW363	NSP07WB363				Vàng 3000K				
NSP12WC366	NSP12WW366	NSP12WB366				Trắng 6500K				
NSP12WC364	NSP12WW364	NSP12WB364				Trung tính 4000K				
NSP12WC363	NSP12WW363	NSP12WB363				Vàng 3000K				

**ĐÈN DOWNLIGHT**



\* Chất liệu: thân đèn nhựa PC \* Thiết kế driver nguồn tích hợp \* Độ sáng cao 95 lm/W

Mã sản phẩm	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NDL0569	5W/ 220V	460	Trắng 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	171.000
NDL0549		460	Trung tính 4000K				
NDL0539		430	Vàng 3000K				
NDL05C	5W/ 220V	430 - 460	Đôi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	179.000
NDL086	8W/ 220V	780	Trắng 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	224.000
NDL084		780	Trung tính 4000K				
NDL083		730	Vàng 3000K				
NDL08C	8W/ 220V	730 - 780	Đôi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø110/H58,6	Ø90	40	238.000
NDL126	12W/ 220V	1.200	Trắng 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	252.000
NDL124		1.200	Trung tính 4000K				
NDL123		1.120	Vàng 3000K				
NDL12C	12W/ 220V	1.120 - 1.200	Đôi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	333.000
NDL146	14W/ 220V	1.400	Trắng 6500K	Ø145/H65,8	Ø120	40	265.000
NDL144		1.400	Trung tính 4000K				
NDL143		1.300	Vàng 3000K				

**ĐÈN TRẦN CHỐNG ẨM**



\* Chất liệu: Đế hợp kim + chụp đèn nhựa kỹ thuật PMMA

Mã sản phẩm	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Diện tích chiếu sáng (m²)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NCL186MP1	18W/220V	1440	Trắng 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	371.000
NCL184MP1		1440	Trung tính 4000K				
NCL183MP1		1400	Vàng 3000K				
NCL18CMP1	18W/220V	1440	Đôi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ253/ H57	8-12	6	408.000
NCL246MP1	24W/220V	1920	Trắng 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	416.000
NCL244MP1		1920	Trung tính 4000K				
NCL243MP1		1870	Vàng 3000K				
NCL24CMP1	24W/220V	1920	Đôi màu 3000K - 4000K - 6500K	Φ330/ H58	10-15	6	478.000



\* Chất liệu: thân đèn nhựa PC, chụp đèn nhựa acrylic màu trắng sữa

Mã sản phẩm	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Diện tích chiếu sáng (m²)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NCL186MP	18W/220V	1440	Trắng 6500K	Φ285/ H60	8-12	6	371.000
NCL183MP		1400	Vàng 3000K				
NCL246MP		1920	Trắng 6500K				
NCL243MP	24W/220V	1870	Vàng 3000K	Φ335/ H60	10-15	6	416.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT

**BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ** <http://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ lắp  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub

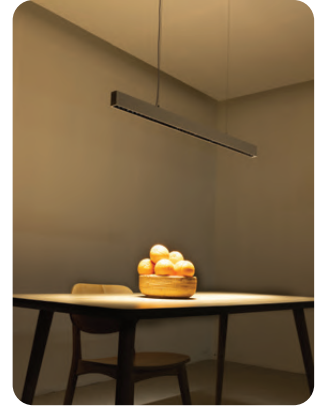


ĐÈN THẢ TRẦN - LINEAR

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- \* Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa
- \* Sử dụng LED Osram
- \* Chiều dài dây 1,2m
- \* Kèm bộ phụ kiện lắp thả trần



Mã sản phẩm	Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Góc chiếu	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (LxWxHmm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	Trắng	Đen							
CRI Ra80	NLNF405W	NLNF405B	40W/ 220V	120°	3600	Trắng 5700K	1.068x33x60	10	1.150.000
	NLNF404W	NLNF404B				Trung tính 4000K			
	NLNF403W	NLNF403B				Vàng 3000K			
CRI Ra90	NLNG365W	NLNG365B	36W/ 220V	24°	2160	Trắng 5700K	1.068x33x60	10	1.480.000
	NLNG364W	NLNG364B				Trung tính 4000K			
	NLNG363W	NLNG363B				Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn thả trần - Linear



NLN-S  
Phụ kiện lắp nổi đèn thả trần  
Kích thước 90x34mm  
Chiều dài dây 207mm  
Đóng gói: 1 bộ/túi, 200 bộ/thùng

47.000



ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



- \* Chất liệu: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa
- \* Sử dụng LED Bridgelux



Mã sản phẩm	Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Loại LED	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
	Trắng	Đen								
NSDLC105W	NSDLC105B	10W/220V	800	COB	Trắng 5000K	36°	Φ71/H75	30	420.000	
					Trung tính 4000K					
					Vàng 3000K					
NSDLC104W	NSDLC104B	15W/220V	1.200	SMD	Trắng 5000K	36°	Φ91/H90	30	500.000	
					Trung tính 4000K					
					Vàng 3000K					
NSDLC103W	NSDLC103B	10W/220V	800	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ71/ H75	30	410.000	
					Trung tính 4000K					
					Vàng 3000K					
NSDLC155W	NSDLC155B	15W/220V	1.200	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ91/H90	30	480.000	
					Trung tính 4000K					
					Vàng 3000K					
NSDLC154W	NSDLC154B	10W/220V	800	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ91/H90	30	480.000	
					Trung tính 4000K					
					Vàng 3000K					
NSDLC153W	NSDLC153B	15W/220V	1.200	SMD	Trắng 5000K	110°	Φ91/H90	30	480.000	
					Trung tính 4000K					
					Vàng 3000K					

Phụ kiện dùng cho đèn LED Downlight Trụ



NSDL-CB  
Để gắn thả trần đèn downlight trụ đen  
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1,5m, AC220-240V  
Kích thước: Φ60/H30mm, 30 cái/thùng

140.000



NSDL-CW  
Để gắn thả trần đèn downlight trụ trắng  
Chất liệu hợp kim, chiều dài dây 1,5m, AC220-240V  
Kích thước: Φ60/H30mm, 30 cái/thùng

140.000

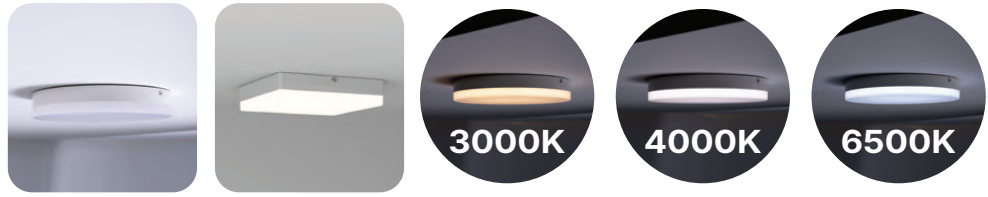


(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN ỒP NỔI TRẦN VIÊN - NANCY SERIES

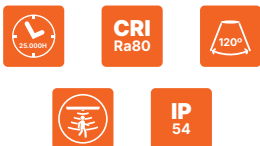


\* Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa

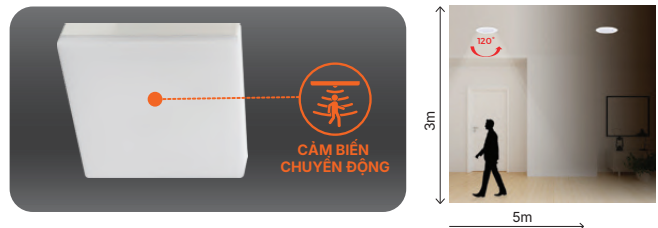


	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
TRÒN	NRP1561R	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	Ø170/H36	20	220.000
	NRP1541R			Trung tính 4000K			
	NRP1531R			Vàng 3000K			
	NRP15C1R	15W/220V	1.350	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø170/H36	20	250.000
	NRP2261R	22W/ 220V	1.980	Trắng 6500K	Ø220/H36	20	290.000
	NRP2241R			Trung tính 4000K			
	NRP2231R			Vàng 3000K			
	NRP22C1R	22W/ 220V	1.980	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø220/H36	20	324.000
	NRP3061R	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	Ø300/H36	10	405.000
	NRP3041R			Trung tính 4000K			
NRP3031R	Vàng 3000K						
NRP30C1R	30W/220V	2.700	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø300/H36	10	472.000	
VUÔNG	NRP1561S	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	170x170x38	20	230.000
	NRP1541S			Trung tính 4000K			
	NRP1531S			Vàng 3000K			
	NRP15C1S	15W/220V	1.350	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	170x170x38	20	260.000
	NRP2261S	22W/ 220V	1.980	Trắng 6500K	220x220x38	20	300.000
	NRP2241S			Trung tính 4000K			
	NRP2231S			Vàng 3000K			
	NRP22C1S	22W/ 220V	1.980	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	220x220x38	20	335.000
	NRP3061S	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	300x300x38	10	440.000
	NRP3041S			Trung tính 4000K			
NRP3031S	Vàng 3000K						
NRP30C1S	30W/220V	2.700	Đổi 3 màu 3000K - 4000K - 6500K	300x300x38	10	510.000	

NEW ĐÈN ỒP NỔI TRẦN VIÊN - NANCY SERIES CẢM BIẾN CHUYỂN ĐỘNG



\* Tích hợp cảm biến chuyển động bên trong đèn  
 \* Đèn tự động bật khi có người di chuyển vào vùng phát hiện của cảm biến  
 \* Tự động tắt sau 60 giây khi không còn chuyển động  
 \* Phù hợp lắp đặt: hành lang, ban công, WC, kho, cầu thang



	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
TRÒN	NRP1561RS	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	Ø170/ H36	20	330.000
	NRP2261RS	22W/220V	1.980	Trắng 6500K	Ø220/ H36	20	405.000
	NRP3061RS	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	Ø300/ H36	10	600.000
VUÔNG	NRP1561SS	15W/220V	1.350	Trắng 6500K	170 x 170 x H36	20	350.000
	NRP2261SS	22W/220V	1.980	Trắng 6500K	220 x 220 x H36	20	440.000
	NRP3061SS	30W/220V	2.700	Trắng 6500K	300 x 300 x H36	10	645.000

ĐÈN ỒP NỔI TRẦN VIÊN



\* Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa

	Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)	
TRÒN	NRP126R	12W/220V	1.020	Trắng 6500K	Ø123/ H42	40	198.000	
	NRP124R		1.020	Trung tính 4000K				
	NRP123R		960	Vàng 3000K				
	NRP186R	18W/220V	1.530	Trắng 6500K	Ø176/ H43	20	266.000	
	NRP184R			1.530				Trung tính 4000K
	NRP183R			1.440				Vàng 3000K
	NRP246R	24W/220V	2.040	Trắng 6500K	Ø228/ H43	20	367.000	
	NRP244R			2.040				Trung tính 4000K
	NRP243R			1.920				Vàng 3000K

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN ỒP TRẦN NỔI VIỀN MỎNG

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Chất liệu: thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSFP126R	12W/220V	1.020	Trắng 6500K	Ø120/ H39,5	40	240.000
NSFP123R		960	Vàng 3000K			
NSFP186R	18W/220V	1.530	Trắng 6500K	Ø174,5/ H39,5	20	346.000
NSFP184R		1.530	Trung tính 4000K			
NSFP183R		1.440	Vàng 3000K			
NSFP246R	24W/220V	2.040	Trắng 6500K	Ø224/ H39,5	20	526.000
NSFP244R		2.040	Trung tính 4000K			
NSFP243R		1.920	Vàng 3000K			

ĐÈN ỒP TRẦN NỔI



\* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa



Hình ảnh	Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
	Viên trắng	Viên đen						
	NPL066R	NPL066RB	6W/220V	420	Trắng 6500K	Ø118/H30	40	158.000
	NPL064R	NPL064RB		400	Trung tính 4000K			
	NPL063R	NPL063RB		360	Vàng 3000K			
	NPL06CRW	NPL06CRB	6W/220V	360-420	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø118/H30	40	174.000
	NPL126R	NPL126RB	12W/220V	840	Trắng 6500K	Ø164/H30	20	222.000
	NPL124R	NPL124RB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123R	NPL123RB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CRW	NPL12CRB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø164/H30	20	252.000
	NPL186R	NPL186RB	18W/220V	1.300	Trắng 6500K	Ø214/H30	20	275.000
	NPL184R	NPL184RB		1.250	Trung tính 4000K			
	NPL183R	NPL183RB		1.170	Vàng 3000K			
	NPL18CRW	NPL18CRB	18W/220V	1.170-1.300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø214/H30	20	324.000
NPL246R	NPL246RB	24W/220V	1.700	Trắng 6500K	Ø288/H32	10	407.000	
NPL244R	NPL244RB		1.550	Trung tính 4000K				
NPL243R	NPL243RB		1.500	Vàng 3000K				
NPL24CRW	NPL24CRB	24W/220V	1.500-1.700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	Ø288/H32	10	484.000	
	NPL126S	NPL126SB	12W/220V	840	Trắng 6500K	162x162x30	20	235.000
	NPL124S	NPL124SB		820	Trung tính 4000K			
	NPL123S	NPL123SB		800	Vàng 3000K			
	NPL12CSW	NPL12CSB	12W/220V	800-840	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	162x162x30	20	264.000
	NPL186S	NPL186SB	18W/220V	1.300	Trắng 6500K	213x213x30	20	305.000
	NPL184S	NPL184SB		1.250	Trung tính 4000K			
	NPL183S	NPL183SB		1.170	Vàng 3000K			
	NPL18CSW	NPL18CSB	18W/220V	1.170-1.300	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	213x213x30	20	341.000
	NPL246S	NPL246SB	24W/220V	1.700	Trắng 6500K	288x288x32	10	445.000
	NPL244S	NPL244SB		1.550	Trung tính 4000K			
	NPL243S	NPL243SB		1.500	Vàng 3000K			
	NPL24CSW	NPL24CSB	24W/220V	1.500-1.700	Đổi màu 3000K - 4000K - 6500K	288x288x32	10	514.000

ĐÈN ỒP TRẦN NỔI CẢM BIẾN



- \* Chất liệu: Khung kim loại, chóa đèn nhựa
- \* Thiết kế dạng lắp nổi tiện sử dụng, thích hợp cho khu vực không đồng trần thạch cao
- \* Đèn tự động bật khi có người chuyển động vào vùng phát hiện của cảm biến
- \* Đèn tự động tắt sau 30-45 giây kết thúc chuyển động



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL126RS	12W/220V	840	Trắng 6500K	Ø 171/ H38	20	419.000
NPL186RS	18W/220V	1.300		Ø 224/ H38	20	495.000
NPL246RS	24W/220V	1.700		Ø 300/ H38	10	662.000



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL126SS	12W/220V	840	Trắng 6500K	170x170x38	20	437.000
NPL186SS	18W/220V	1.300		225x225x38	20	515.000
NPL246SS	24W/220V	1.700		300x300x38	10	692.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL - MARIS SERIES



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPLB303061	18W/ 220V	1.800	Trắng 6500K	300x300x32	10	449.000
NPLB303041			Trung tính 4000K			
NPLB306061	24W/220V	2.400	Trắng 6500K	300x600x32	5	490.000
NPLB306041			Trung tính 4000K			
NPLB606061	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	600x600x32	5	700.000
NPLB606041			Trung tính 4000K			
NPLB606062	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	600x600x32	5	748.000
NPLB606042			Trung tính 4000K			
NPLB301261	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	300x1200x32	5	835.000
NPLB301241			Trung tính 4000K			
NPLB601261	60W/220V	6.000	Trắng 6500K	600x1200x32	5	1.460.000
NPLB601241			Trung tính 4000K			

\*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao  
 \* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, có hiệu suất chiếu sáng cao 100lm/W  
 \* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần  
 \* Sử dụng LED Bridgelux

Phụ kiện dùng cho Đèn Backlit Office Panel - Maris series

**NPLB1-R4**  
 Bộ 4 tai đèn gắn âm trần  
 41.000

**NPLB1-H4**  
 Bộ 2 dây đèn gắn treo trần  
 Chiều dài dây treo 1,5m  
 66.000

ĐÈN BACKLIT OFFICE PANEL



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPLB30304	18W/220V	1.700	Trung tính 4000K	295x295x30	10	530.000
NPLB60606	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	595x595x30	5	701.000
NPLB60604			Trung tính 4000K			
NPLB30126	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	295x1195x30	5	970.000
NPLB30124			Trung tính 4000K			

\*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao  
 \* LED được bố trí phía sau khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang và đi thẳng ra ngoài, có hiệu suất chiếu sáng cao 95lm/W  
 \* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần

Phụ kiện dùng cho Đèn Backlit Office Panel

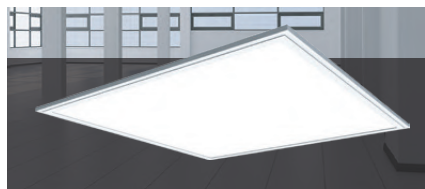
**NPLB-R4**  
 Bộ 4 tai đèn gắn âm trần  
 41.000

**NPLB-H4**  
 Bộ 4 dây đèn gắn treo trần  
 Chiều dài dây treo 1m  
 66.000

ĐÈN SIDELIT OFFICE PANEL



\*Chất liệu: Khung thân đèn kim loại, chịu nhiệt tốt, tuổi thọ cao  
 \* LED được bố trí theo viền khung đèn, phát sáng xuyên qua tấm tán quang, tấm phản quang, tấm tán quang. Do đó phân bố ánh sáng đều dịu nhẹ, không quá chói.  
 \* Thiết kế dạng tấm siêu mỏng, hiện đại thích hợp sử dụng lắp đặt cho văn phòng...  
 \* Với 3 cách lắp đặt: thả trần, âm trần và treo trần



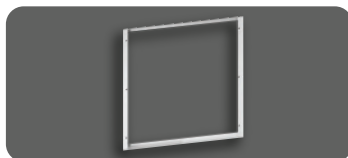
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NPL30306	18W/220V	1.600	Trắng 6500K	295x295x8,8	10	641.000
NPL30304		1.600	Trung tính 4000K			
NPL30303		1.520	Vàng 3000K			
NPL30606	24W/220V	2.100	Trắng 6500K	595x295x8,8	5	788.000
NPL30604		2.100	Trung tính 4000K			
NPL30603		1.995	Vàng 3000K			
NPL60606	40W/220V	3.600	Trắng 6500K	595x595x8,8	5	956.000
NPL60604		3.600	Trung tính 4000K			
NPL60603		3.420	Vàng 3000K			
NPL30126	40W/220V	3.600	Trắng 6500K	1195x295x9,4	5	1.110.000
NPL30124		3.600	Trung tính 4000K			
NPL30123		3.420	Vàng 3000K			
NPL60126	60W/220V	5.400	Trắng 6500K	1195x595x9,4	4	2.663.000
NPL60124		5.400	Trung tính 4000K			
NPL60123		5.130	Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Sidelit Office Panel

**NPL-R4**  
 Bộ 4 tai đèn gắn âm trần  
 41.000

**NPL-H4**  
 Bộ 4 dây đèn gắn treo trần  
 Chiều dài dây treo 1m  
 66.000

NEW KHUNG LẮP NỔI DÙNG CHO ĐÈN OFFICE PANEL BACKLIT VÀ SIDELIT



**NPLF6060**  
 Chất liệu nhôm sơn tĩnh điện màu trắng, độ dày 1,2mm  
 Kích thước: L606xW606xH50mm  
 Sử dụng với đèn Office Panel 600 x 600 (Chiều cao đèn & nguồn <50mm)  
 Đóng gói 20 cái/thùng  
 396.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN BULB TRỤ E27

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



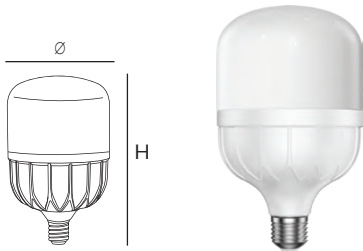
\* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhân năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)



ĐÈN BULB TRỤ E27 LITE SERIES - IP 20



\* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa  
\* Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu



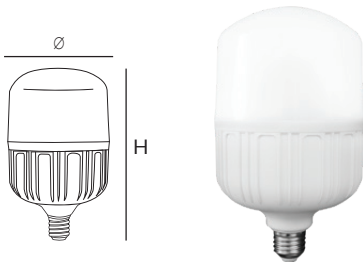
NEW

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBL206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ80/ H135	40	72.000
NLBL203	20W/220V	1.900	Vàng 3000K	Φ80/ H135	40	72.000
NLBL306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ100 /H160	20	108.000
NLBL303	30W/220V	2.850	Vàng 3000K	Φ100 /H160	20	108.000
NLBL406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Φ120/ H195	20	146.000
NLBL403	40W/220V	3.800	Vàng 3000K	Φ120/ H195	20	146.000
NLBL506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	Φ140/ H220	20	190.000
NLBL503	50W/220V	4.750	Vàng 3000K	Φ140/ H220	20	190.000

ĐÈN BULB TRỤ E27 TITAN SERIES - IP 20



\* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa  
\* Thiết kế kích thước lớn với phần chiếu sáng rộng, độ sáng cao 100lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu  
\* Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor

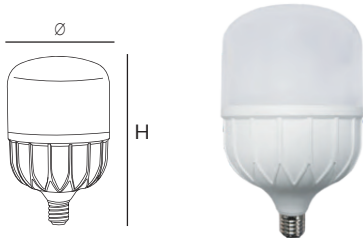


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBT206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ80/ H140	40	113.000
NLBT203	20W/220V	1.800	Vàng 3000K	Φ80/ H140	40	113.000
NLBT306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ100 /H172	12	155.000
NLBT303	30W/220V	2.700	Vàng 3000K	Φ100 /H172	12	155.000
NLBT406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Φ120/ H205	12	211.000
NLBT403	40W/220V	3.600	Vàng 3000K	Φ120/ H205	12	211.000
NLBT506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	Φ140/ H242	12	288.000
NLBT503	50W/220V	4.500	Vàng 3000K	Φ140/ H242	12	288.000

ĐÈN BULB TRỤ E27 LOTUS SERIES - IP 20



\* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa  
\* Độ sáng cao 80lm/W



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLB206	20W/220V	1.600	Trắng 6500K	Φ70/ H123	60	110.000
NLB306	30W/220V	2.400	Trắng 6500K	Φ80/ H141	40	148.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN BULB TRÒN E27



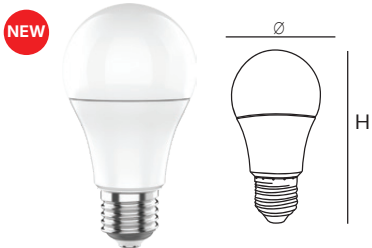
\* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhân năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 19/2019 (BKHCN)



\* Chất liệu: thân đèn nhôm nhựa, chóa đèn nhựa trắng sữa  
 \* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng dui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng  
 \* Độ sáng cao 100 lm/W cho hiệu quả chiếu sáng tối ưu



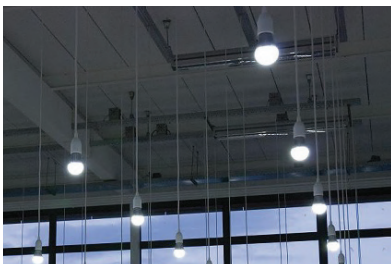
ĐÈN BULB TRÒN E27 LITE SERIES - IP 20



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBL036	3W/220V	300	Trắng 6500K	Φ50/ H85	60	34.000
NLBL033		285	Vàng 3000K			
NLBL056	5W/220V	500	Trắng 6500K	Φ55 / H100	60	38.000
NLBL053		475	Vàng 3000K			
NLBL076	7W/220V	700	Trắng 6500K	Φ60/ H106	60	40.000
NLBL073		665	Vàng 3000K			
NLBL096	9W/220V	900	Trắng 6500K	Φ60/ H118	60	45.000
NLBL093		855	Vàng 3000K			
NLBL126	12W/220V	1.200	Trắng 6500K	Φ70/ H135	60	58.000
NLBL123		1.140	Vàng 3000K			
NLBL156	15W/220V	1.500	Trắng 6500K	Φ80/ H155	30	70.000
NLBL153		1.425	Vàng 3000K			

\* Sử dụng chip LED Seoul Semiconductor

ĐÈN BULB TRÒN E27 - IP 20



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBA036	3W/220V	300	Trắng 6500K	Φ50/ H85	60	42.000
NLBA033		285	Vàng 3000K			
NLBA056	5W/220V	500	Trắng 6500K	Φ55/ H100	60	47.000
NLBA053		475	Vàng 3000K			
NLBA076	7W/220V	700	Trắng 6500K	Φ60/ H108	60	56.000
NLBA073		665	Vàng 3000K			
NLBA096	9W/220V	900	Trắng 6500K	Φ60/ H118	60	65.000
NLBA093		855	Vàng 3000K			
NLBA123	12W/220V	1.140	Vàng 3000K	Φ70/ H138	60	74.000
NLBA156	15W/220V	1.500	Trắng 6500K	Φ80/ H155	40	93.000
NLBA153		1.425	Vàng 3000K			
NLBA206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	Φ95/ H187	12	132.000
NLBA203		1.900	Vàng 3000K			
NLBA306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	Φ120/ H232	12	181.000
NLBA303		2.850	Vàng 3000K			

ĐÈN BULB NÔNG NGHIỆP HOA CÚC



\* Chất liệu thân đèn nhôm nhựa, chóa nhựa trong, dùng dui đèn E27  
 \* Sử dụng công nghệ chiếu sáng nhân tạo bằng đèn Led chuyên dụng giúp tiết kiệm điện và điều tiết sinh trưởng của hoa cúc

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLBC093	09W/220V	900	Vàng 3000K	Φ60/ H108	60	68.000

ĐÈN BULB TRANG TRÍ E27



\* Chất liệu: thân đèn nhựa, chóa đèn nhựa  
 \* Thiết kế dạng tròn nhỏ gọn tiện sử dụng, sử dụng dui đèn E27 phù hợp với các loại đèn thông dụng

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLB02W	1,5W/220V	Trắng	Φ45/ H68	100	22.000
NLB02Y		Vàng			
NLB02O		Cam			
NLB02R		Đỏ			
NLB02B		Xanh dương			
NLB02G		Xanh lục			
NLB02P		Hồng			
NLB02V		Tím			

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN TUÝP T8

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Đèn đạt Hiệu suất năng lượng, dán Nhân năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 19/2019 (BKHCN)

Đèn LED tuýp T8 Lite Series



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8G106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	70.000
NT8G103		1.200	Vàng 3000K			
NT8G206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	90.000
NT8G203		2.400	Vàng 3000K			
NT8G406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	108.000
NT8G403		4.000	Vàng 3000K			



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8P106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	81.000
NT8P103		1.200	Vàng 3000K			
NT8P226	22W/220V	2.640	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	125.000
NT8P223		2.640	Vàng 3000K			

Đèn LED tuýp T8



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8T106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	79.000
NT8T103		1.150	Vàng 3000K			
NT8T206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	107.000
NT8T203		2.250	Vàng 3000K			
NT8T406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	125.000
NT8T403		4.000	Vàng 3000K			



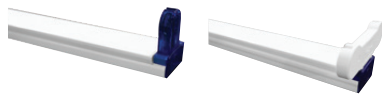
Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8T0961	9W/220V	900	Trắng 6500K	Dài 0,6m	25	81.000
NT8T0931		860	Vàng 3000K			
NT8T1861	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	114.000
NT8T1831		1.750	Vàng 3000K			
NT8T226	22W/220V	2.200	Trắng 6500K	Dài 1,2m	25	132.000
NT8T223		2.010	Vàng 3000K			



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

MÁNG ĐÈN TUYẾT T8

\* Chất liệu: thân đèn kim loại dày 0,3mm, sơn tĩnh điện trắng



Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F106	220V	G13	35x618x18	1 bóng T8 0,6m	25	45.000
NT8F112	220V	G13	35x1228x18	1 bóng T8 1,2m	25	53.000
NT8F212	220V	G13	40x1228x23	2 bóng T8 1,2m	25	91.000



Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Đầu đèn	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F109N	220V	G13	43,5x620x18,5	1 bóng T8 0,6m	25	73.000
NT8F118N	220V	G13	43,5x1230x18,5	1 bóng T8 1,2m	25	95.000
NT8F218N	220V	G13	43,5x1230x18,5	2 bóng T8 1,2m	25	114.000

MÁNG ĐÈN KÍN NƯỚC



\* Chất liệu: thân nhựa PC màu xám, chóa nhựa trong  
 \* Độ chống nước cao IP65 thích hợp sử dụng nơi có độ ẩm cao  
 \* Nhiệt độ sử dụng thích hợp từ -20 đến 40°C  
 \* Sử dụng với bóng LED tuýp T8  
 \* Sản phẩm không kèm bóng



Máng loại 1 bóng

Máng loại 2 bóng

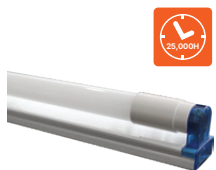
Mã sản phẩm	Điện thế sử dụng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NWP106	220V	660 x 70 x 75	1 bóng T8 0,6m	18	268.000
NWP112		1270 x 70 x 75	1 bóng T8 1,2m	12	453.000
NWP212		1270 x 110 x 72	2 bóng T8 1,2m	8	608.000

BỘ MÁNG ĐÈN T8



\* Đèn đạt tiêu chuẩn Hiệu suất năng lượng và dán Nhãn năng lượng (Bộ Công Thương) và Chứng nhận Hợp quy sản phẩm đèn LED theo QCVN: 09/2019 (BKHCN)

Bộ máng đèn t8 thủy tinh



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8FG106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8G106	15	120.000
NT8FG206	20W/220V	2.400		35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8G206		145.000
NT8FG406	40W/220V	4.000		35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8G406		175.000



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F1106	10W/220V	1.200	Trắng 6500K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8T106	15	125.000
NT8F1103	10W/220V	1.150	Vàng 3000K	35 x 618 x 18	NT8F106 + NT8T103		
NT8F1206	20W/220V	2.400	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T206	15	163.000
NT8F1203	20W/220V	2.250	Vàng 3000K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T203		
NT8F1406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T406	15	187.000
NT8F1403	40W/220V	4.000	Vàng 3000K	35 x 1228 x 18	NT8F112 + NT8T403		

Bộ máng đèn t8 thủy tinh bọc nhựa



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Loại đơn (1 bóng) (Mã máng + Mã bóng)	Đóng gói (bộ/thùng)	Giá bán (cái)
NT8F109N6	9W/220V	900	Trắng 6500K	43,5 x 620 x 18,5	NT8F109N + NT8T0961	15	147.000
NT8F109N3		860	Vàng 3000K		NT8F109N + NT8T0931		
NT8F118N6	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	43,5 x 1230 x 18,5	NT8F118N + NT8T1861	15	206.000
NT8F118N3		1.750	Vàng 3000K		NT8F118N + NT8T1831		

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN BÁN NGUYỆT

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Chất liệu: Nhựa PC nguyên khối



Bán nguyệt ECO

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHE206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	600 x 60 x 28	10	160.000
NSHE204			Trung tính 4000K			
NSHE203			Vàng 3000K			
NSHE406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 28	10	230.000
NSHE404			Trung tính 4000K			
NSHE403			Vàng 3000K			
NSHE506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 28	10	250.000
NSHE504			Trung tính 4000K			
NSHE503			Vàng 3000K			



\* Chất liệu: Thân và chóa đèn nhựa PC trắng



Bán nguyệt Oval - Nhựa

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHOP256	25W/220V	3.000	Trắng 6500K	600 x 60 x 31	10	199.000
NSHOP254			Trung tính 4000K			
NSHOP253			Vàng 3000K			
NSHOP506	50W/220V	6.000	Trắng 6500K	1200 x 60 x 31	10	299.000
NSHOP504			Trung tính 4000K			
NSHOP503			Vàng 3000K			
NSHOP706	70W/220V	8.400	Trắng 6500K	1203 x 80 x 31	10	380.000
NSHOP704			Trung tính 4000K			
NSHOP703			Vàng 3000K			



\* Chất liệu: Khung đèn nhôm màu trắng, chóa nhựa PC



Bán nguyệt Oval - Nhôm

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHO206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	600 x 61 x 31	10	202.000
NSHO204		2.000	Trung tính 4000K			
NSHO203		1.820	Vàng 3000K			
NSHO406	40W/220V	4.000	Trắng 6500K	1200 x 61 x 31	10	328.000
NSHO404		4.000	Trung tính 4000K			
NSHO403		3.630	Vàng 3000K			
NSHO606	60W/220V	6.600	Trắng 6500K	1200 x 86 x 30	10	410.000
NSHO604		6.600	Trung tính 4000K			
NSHO603		6.000	Vàng 3000K			



\* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm sơn trắng, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC

\* Sử dụng LED Bridgelux



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSHV186	18W/220V	1.800	Trắng 6500K	600 x 75 x 30	10	199.000
NSHV184		1.800	Trung tính 4000K			
NSHV183		1.710	Vàng 3000K			
NSHV366	36W/220V	3.600	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	320.000
NSHV364		3.600	Trung tính 4000K			
NSHV363		3.420	Vàng 3000K			
NSHV456	45W/220V	4.500	Trắng 6500K	1200 x 75 x 30	10	340.000
NSHV454		4.500	Trung tính 4000K			
NSHV453		4.275	Vàng 3000K			



\* Chất liệu: Khung đèn bằng nhôm màu bạc, đầu đèn nhựa ABS, chóa nhựa trắng PC



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán/cái
NSH186	18W/220V	1.600	Trắng 6500K	600 x 75 x 27	10	249.000
NSH184			Trung tính 4000K			
NSH183			Vàng 3000K			
NSH366	36W/220V	3.000	Trắng 6500K	1200 x 75 x 27	10	425.000
NSH364			Trung tính 4000K			
NSH363			Vàng 3000K			



# ĐÈN TRANG TRÍ ĐÈN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG

## ĐÈN RAY NAM CHÂM **NMGFG123B**

Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chóa đèn nhựa



**CRI**  
Ra90

**IP**  
42



### • ĐÈN TRANG TRÍ

ĐÈN TRACKLIGHT  
ĐÈN THANH RAY NAM CHÂM



### • ĐÈN LED DÂY

ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI  
ĐÈN LED DÂY NEON  
ĐÈN LED DÂY COB  
ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ  
ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU



### • ĐÈN LED PHA

ĐÈN LED PHA  
ĐÈN PHA SOLAR  
ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN



### • ĐÈN NGOÀI TRỜI

ĐÈN PHA - SOLAR  
ĐÈN SÂN VƯỜN - SOLAR  
ĐÈN TRẦN  
ĐÈN GẮN TƯỜNG  
ĐÈN LỐI ĐI - CẢM BIẾN  
ĐÈN ẨM ĐẤT  
ĐÈN SPOTLIGHT



### • ĐÈN DÂN DỤNG

ĐÈN BÀN  
ĐÈN BÁT MUỐI  
ĐÈN ĐỘI ĐẦU  
ĐÈN SƯỚI - NHÀ TẮM  
VỢT MUỐI



### • ĐÈN CÔNG TRÌNH NHÀ XƯỞNG

ĐÈN KHẨN CẤP THOÁT HIỂM  
ĐÈN HIGHBAY



ĐÈN TRACK LIGHT T2 - SORA SERIES

NEW



\* Chất liệu thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa  
 \* Đèn tracklight trực tiếp không cần sử dụng với thanh ray  
 \* Góc chiếu 24°, góc xoay 350°

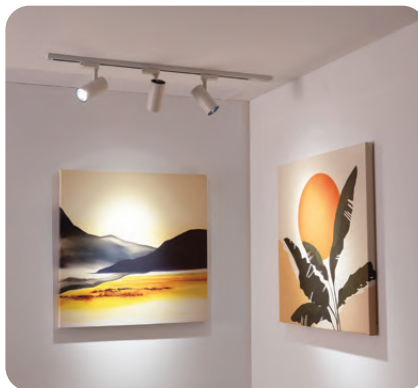


Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTRS105B	NTRS105W	10W/220V	900	Trắng 5000K	Φ50/ L120	20	390.000
NTRS104B	NTRS104W		900	Trung tính 4000K			
NTRS103B	NTRS103W		900	Vàng 3000K			
NTRS205B	NTRS205W	20W/220V	1.800	Trắng 5000K	Φ70/ L150	20	560.000
NTRS204B	NTRS204W		1.800	Trung tính 4000K			
NTRS203B	NTRS203W		1.800	Vàng 3000K			

ĐÈN TRACK LIGHT T2 - EIRA SERIES



\* Chất liệu thân đèn: Thân đèn nhôm, chóa đèn nhựa trong  
 \* Thiết kế thân đèn thon gọn, sang trọng  
 \* Dùng kèm với phụ kiện thanh ray T2 bên dưới  
 \* Góc chiếu 24°, góc xoay 350°



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
NTRE105B	NTRE105W	10W/220V	850	Trắng 5000K	Φ60/ H120	20	350.000
NTRE104B	NTRE104W		850	Trung tính 4000K			
NTRE103B	NTRE103W		810	Vàng 3000K			
NTRE205B	NTRE205W	20W/220V	1.700	Trắng 5000K	Φ66/ H130	12	460.000
NTRE204B	NTRE204W		1.700	Trung tính 4000K			
NTRE203B	NTRE203W		1.600	Vàng 3000K			
NTRE305B	NTRE305W	30W/220V	2.550	Trắng 5000K	Φ78/ H160	12	590.000
NTRE304B	NTRE304W		2.550	Trung tính 4000K			
NTRE303B	NTRE303W		2.400	Vàng 3000K			



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

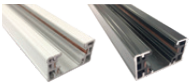
Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light T2 - EIRA series



**NTRE-CW** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu trắng  
**NTRE-CB** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng

60.000



**NTRE-HR1W** - Thanh ray T2 1m màu trắng  
**NTRE-HR1B** - Thanh ray T2 1m màu đen  
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5mm  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 20 cái/thùng

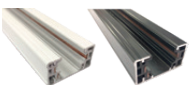
160.000



**NTRE-MCW** - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu trắng  
**NTRE-MCB** - Khớp nối giữa cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng

22.000



**NTRE-HR15W** - Thanh ray T2 1,5m màu trắng  
**NTRE-HR15B** - Thanh ray T2 1,5m màu đen  
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5mm  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 20 cái/thùng

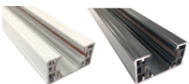
270.000



**NTRE-LCW** - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu trắng  
**NTRE-LCB** - Khớp nối chữ L cho thanh ray T2 màu đen

Đóng gói: 50 cái/thùng

36.000



**NTRE-HR20W** - Thanh ray T2 2m màu trắng  
**NTRE-HR20B** - Thanh ray T2 2m màu đen  
 Bao gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 34,2x19,5mm  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 20 cái/thùng

360.000

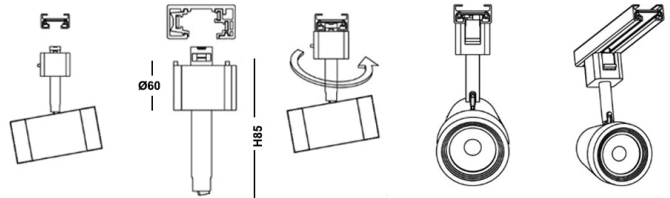


**NTRE-CB8W** - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu trắng  
**NTRE-CB8B** - Đế ngồi gắn đèn track light T2 màu đen  
 Điện áp đầu vào 220V/50Hz IP20  
 Đóng gói: 50 cái/thùng

Đóng gói: 50 cái/thùng

70.000

ĐÈN TRACK LIGHT

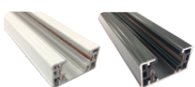


\* Chất liệu: Thân đèn nhôm bọc nhựa, chóa đèn nhựa PC  
 \* Có thể điều chỉnh đèn xoay 330° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng  
 \* Dùng kèm với phụ kiện đèn track light loại H



Mã sản phẩm		Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Đen	Trắng						
<b>NTR076B</b>	<b>NTR076W</b>	7W/220V	500	Trắng 6500K	Ø60/ H85	20	399.000
<b>NTR074B</b>	<b>NTR074W</b>			Trung tính 4000K			
<b>NTR073B</b>	<b>NTR073W</b>			Vàng 3000K			
<b>NTR146B</b>	<b>NTR146W</b>	14W/220V	1.200	Trắng 6500K	Ø85/ H134	20	599.000
<b>NTR144B</b>	<b>NTR144W</b>			Trung tính 4000K			
<b>NTR143B</b>	<b>NTR143W</b>			Vàng 3000K			

Phụ kiện dùng cho Đèn Track Light Nanoco



**NTR-HR1W** - Thanh ray loại H 1m màu trắng  
**NTR-HR1B** - Thanh ray loại H 1m màu đen  
 Chưa gồm đầu nối dây nguồn - Kích thước: 35x18mm  
 Loại T3 (L+N+PE) 75-270V/50Hz Max20A IP20  
 Đóng gói: 12 cái/thùng

295.000



**NTR-CW** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-CB** - Đầu nối dây nguồn cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng

80.000



**NTR-MCW** - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-MCB** - Khớp nối giữa thanh ray loại H màu đen  
 Đóng gói: 200 cái/thùng

57.000



**NTR-LCW** - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-LCB** - Khớp nối chữ L cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 100 cái/thùng

119.000



**NTR-TCW** - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-TCB** - Khớp nối chữ T cho thanh ray loại H màu đen  
 Đóng gói: 100 cái/thùng

156.000



**NTR-4CW** - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu trắng  
**NTR-4CB** - Khớp nối chữ thập cho thanh ray loại H màu đen

Đóng gói: 60 cái/thùng

202.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN RAY NAM CHÂM

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



Chất liệu: Thân đèn nhôm màu đen, chóa đèn nhựa

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Góc chiếu	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NMGF063B	Đèn pha nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	110°	26x26x120	40	210.000
NMGF064B				Trung tính 4000K				
NMGF123B		12W/ DC48V	720	Vàng 3000K	110°	26x26x235	40	330.000
NMGF124B				Trung tính 4000K				
NMGG063B	Đèn chiếu điểm nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x26x120	40	260.000
NMGG064B				Trung tính 4000K				
NMGG123B				12W/ DC48V				
NMGG124B	Trung tính 4000K							
NMNG063B	Đèn chiếu điểm lưới nam châm chống chói	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x26x120	40	270.000
NMNG064B				Trung tính 4000K				
NMNG123B				12W/ DC48V				
NMNG124B	Trung tính 4000K							
NMGFF063B	Đèn pha gấp nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	110°	26x90x120	40	330.000
NMGFF064B				Trung tính 4000K				
NMGFF123B				12W/ DC48V				
NMGFF124B	Trung tính 4000K							
NMGFG063B	Đèn chiếu điểm gấp nam châm	6W/ DC48V	360	Vàng 3000K	24°	26x90x120	40	390.000
NMGFG064B				Trung tính 4000K				
NMGFG123B				12W/ DC48V				
NMGFG124B	Trung tính 4000K							
NMGT103B	Đèn tracklight nam châm	10W/ DC48V	600	Vàng 3000K	24°	45x100	40	450.000
NMGT104B				Trung tính 4000K				
NMGH083B	Đèn thả trần nam châm	8W/ DC48V	600	Vàng 3000K	60°	30x300 Dây dài 1m	40	590.000
NMGH084B				Trung tính 4000K				



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## PHỤ KIỆN ĐÈN RAY NAM CHÂM



Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói	Giá bán/cái
NMG-PC150	Bộ nguồn 150W - Đầu vào AC110-220V Đầu ra DC 48V	277x26,5x28	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	620.000
NMG-SR10	Thanh ray nam châm lắp nổi siêu mỏng	26x6x1000	25 cái/thùng	190.000
NMG-SR15		26x6x1500		280.000
NMG-SR20		26x6x2000		380.000
NMG-SRI	Khớp nối thẳng thanh ray lắp nổi	30x26x6,1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	50.000
NMG-SRL	Khớp nối góc thanh ray lắp nổi	55x55x6,1	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	80.000
NMG-SRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp nổi	35x35x6,1		100.000
NMG-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W35,4/H21,1mm	66,2x33,6x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG-RR15		66,2x33,6x1500		540.000
NMG-RR20		66,2x33,6x2000		720.000
NMG-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x66,8x33,6	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
NMG-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMGxxxx	80x66,8x33,6		170.000
NMG1-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm Khoét trần W34,2/H22mm	63x33,2x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG1-RR15		63x33,2x1500		540.000
NMG1-RR20		63x33,2x2000		720.000
NMG2-RR10	Thanh ray nam châm lắp âm kèm nắp nhựa Khoét trần W34,2/H22mm	63x33,2x1000	5 cái/thùng	360.000
NMG2-RR15		63x33,2x1500		540.000
NMG2-RR20		63x33,2x2000		720.000
NMG1-RRL	Khớp nối góc thanh ray lắp âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	80x63x33,2	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	170.000
NMG1-RRLW	Khớp nối góc trần và tường thanh ray lắp âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	80x63x33,2		170.000
NMG-RRC	Nắp chụp nhựa thanh ray nam châm âm NMG1xxxx và NMG2xxxx	29,4x6,6x1000 Dày: 1mm	15 cái/thùng	20.000
NMG-RR1	Khớp nối trong thanh ray nam châm lắp âm các loại	26x15x190	1 cái/hộp, 50 cái/thùng	100.000

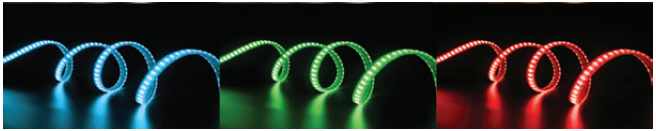
\*Giá bán đã bao gồm VAT



**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

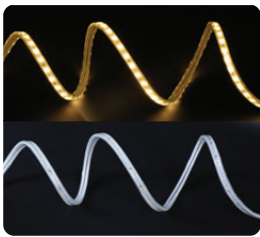
(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

**ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 60 CHIP LED**



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau phủ trắng, ánh sáng đẹp, tuổi thọ cao

\* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)	
NST0604	4.5W/m 230V	180	Trung tính 4000K	60	10 x 7,3 Cuộn 50m	5	1	1		
NST0606			Trắng 6500K							2.574.000
NST060R			Đỏ							2.827.000
NST060G			Xanh lục							
NST060B			Xanh dương							

**ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED**



\* Chất liệu: PVC Anti-UV  
\* Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)	
NST0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5,5	1	1		
NST0724			Trung tính 4000K							2.585.000
NST0726			Trắng 6500K							
NST072R			Đỏ							2.791.000
NST072G			Xanh lục							
NST072B			Xanh dương							

**ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 72 CHIP LED - ERIS SERIES**



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTE0722	4.5W/m 230V	300	Vàng 2700K	72	10 x 7 Cuộn 50m	5,3	1	1	1.560.000
NSTE0724			Trung tính 4000K						
NSTE0726			Trắng 6500K						

**Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 60 và 72 chip LED**



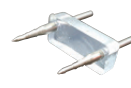
**NST60-PC**  
Driver nguồn - IP65(Max 50m/nguồn)  
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bit)  
Đóng gói: 1 bộ/túi,  
50 bộ/thùng

81.000



**NST60-MC**  
Khớp nối giữa - IP65  
Đóng gói: 10 cái/túi

14.500



**NST60-P**  
Chân cắm nối nguồn  
Đóng gói: 20 cái/túi

2.300



**NST60-C**  
Nẹp gắn tường  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 cái/túi

2.300



**NST60-E**  
Nút bit - IP65  
Đóng gói: 50 cái/túi

2.300



**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 1 DÂY LED



\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt chiếu nhám mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn  
\* 1 dây LED có khoảng cách giữa các LED ngắn, hạn chế thấy hạt ánh sáng  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện

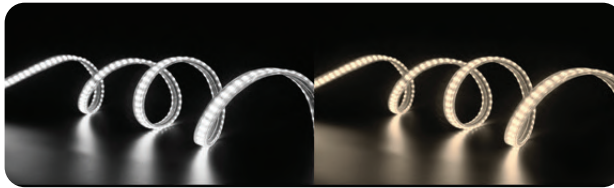


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)	
NST12072	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7,5	1	1		
NST12074			Trung tính 4000K							3.873.000
NST12076			Trắng 6500K							
NST1207R			Đỏ							
NST1207G			Xanh lục							4.161.000
NST1207B			Xanh dương							

## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - ERIS SERIES

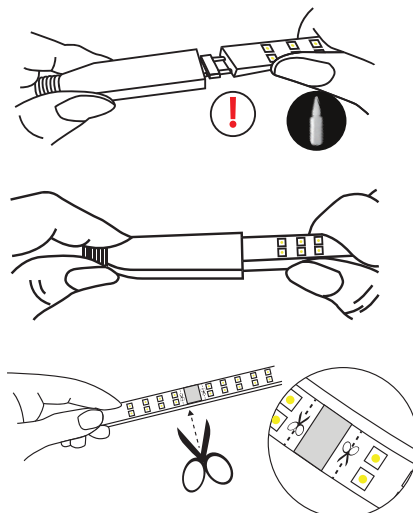


\* Chất liệu: PVC Anti-UV, mặt sau trong  
\* 2 dây LED  
\* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)	
NSTE1202	7W/m 230V	600	Vàng 2700K	120	14 x 7 Cuộn 50m	7,5	1	1		
NSTE1204			Trung tính 4000K							2.320.000
NSTE1206			Trắng 6500K							

### Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 1 dây LED và ERIS SERIES



**NST1207-PC**  
Driver nguồn - IP65 (Max 50m/nguồn)  
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bít)  
Đóng gói: 1 bộ/túi,  
50 bộ/thùng **98.000**

**NST1207-MC**  
Khớp nối giữa - IP65  
Đóng gói: 10 cái/túi **14.500**

**NST1207-P**  
Chân cắm nối nguồn  
Đóng gói: 20 cái/túi **2.300**

**NST1207-C**  
Nẹp gắn tường (Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 bộ/túi **2.300**

**NST1207-E**  
Nút bít - IP65  
Đóng gói: 50 cái/túi **2.300**

\*Giá bán đã bao gồm VAT



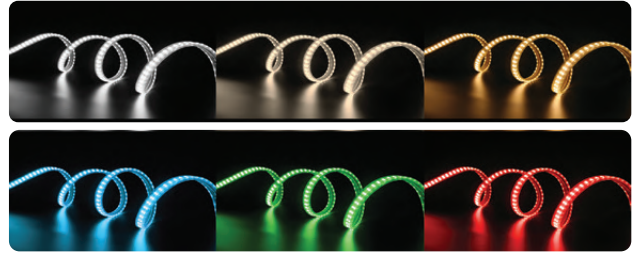
**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

**ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI 120 CHIP LED - 2 DÂY LED**

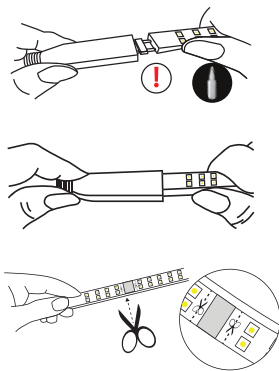


- \* Chất liệu: PVC Anti-UV
- \* Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng đẹp, tập trung và đều hơn
- \* Kèm 1 bộ phụ kiện



Mã sản phẩm	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NST1202	8W/ 230V	600	Vàng 2700K	120	18 x 8 Cuộn 50m	9	1	1	4.260.000
NST1204			Trung tính 4000K						
NST1206			Trắng 6500K						
NST120R	9W/ 230V	600	Đỏ	120	18 x 8 Cuộn 50m	9	1	1	4.577.000
NST120G			Xanh lục						
NST120B			Xanh dương						

**Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED - 2 dây LED**



<p><b>NST-PC</b> Driver nguồn - IP65 (Max 50m/nguồn) (Kèm 1 chân cắm và 1 nút bit) Đóng gói: 1 bộ/túi, 50 bộ/thùng</p> <p><b>98.000</b></p>	<p><b>NST-C</b> Nẹp gắn tường (Kèm 2 ốc vít) Đóng gói: 20 bộ/túi</p> <p><b>2.300</b></p>
<p><b>NST-MC</b> Khớp nối giữa - IP65 Đóng gói: 10 cái/túi</p> <p><b>14.500</b></p>	<p><b>NST-E</b> Nút bit - IP65 Đóng gói: 50 cái/túi</p> <p><b>2.300</b></p>
<p><b>NST-P</b> Chân cắm nối nguồn Đóng gói: 20 cái/túi</p> <p><b>2.300</b></p>	

**ĐÈN LED DÂY DOB NEW**



- \* Chất liệu: PVC Anti-UV
- \* **Đoạn cắt nhỏ: 0,1m**
- \* Kèm 1 bộ phụ kiện
- \* Mặt sau phủ trắng giúp ánh sáng tập trung và đều hơn
- \* 1 dây LED, có khoảng cách giữa các LED ngắn, hạn chế thấy hạt ánh sáng



Mã sản phẩm	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTD1202	230V 8W/M	780	Vàng 2700K	120	10x5 Cuộn 50m	5	0,1	1	2.820.000
NSTD1204			Trung tính 4000K						
NSTD1206			Trắng 6500K						

**Phụ kiện LED dây DOB**

<p><b>NSTD120-PC</b> Khớp nối nguồn IP65 (max 50m) (Kèm 1 chân cắm và 1 nút bit) 1 bộ/túi, 50 bộ/thùng</p> <p><b>41.000</b></p>	<p><b>NSTD120-C</b> Nẹp gắn tường (Kèm 2 ốc vít) Đóng gói: 20 cái/túi</p> <p><b>2.300</b></p>	<p><b>NSTD120-MC</b> Khớp nối giữa - IP65 Đóng gói: 10 cái/túi</p> <p><b>30.000</b></p>	<p><b>NSTD120-E</b> Nút bit - IP65 Đóng gói: 50 cái/túi</p> <p><b>2.300</b></p>
---	---	---	---



**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 5 phút khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
- Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 50m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

## ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI - NEON



\* Chất liệu: PVC Anti-UV

\* Kèm 1 bộ phụ kiện

\* Ánh sáng đều và dịu mắt, không gây chói

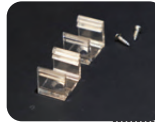


Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đoạn cắt (m)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTN1202	8W/m 230V	300	Vàng 2700K	120	15 x 14 Cuộn 50m	13,5	1	1	7.571.000
NSTN1204			Trung tính 4000K						
NSTN1206			Trắng 6500K						

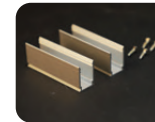
### Phụ kiện dùng cho LED dây ngoài trời 120 chip LED NEON



**NSTN120-PC**  
Driver nguồn - IP65  
Max 50m/nguồn  
(Kèm 1 chân cắm và 1 nút bit)  
Đóng gói: 1 bộ/túi,  
50 bộ/thùng **124.000**



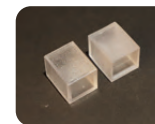
**NSTN120-C**  
Nẹp gắn tường nhựa  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 bộ/túi **7.300**



**NSTN120-CA**  
Nẹp gắn tường nhôm  
(Kèm 2 ốc vít)  
Đóng gói: 20 bộ/túi **14.500**



**NSTN120-MC**  
Khớp nối giữa - IP65  
Đóng gói: 10 cái/túi **28.000**



**NSTN120-E**  
Nút bit - IP65  
Đóng gói: 50 cái/túi **4.200**



## NEW PHỤ KIỆN ĐÈN LED DÂY NGOÀI TRỜI DRIVER NON FLICKER



\* Sử dụng với LED dây ngoài trời, chiều dài tối đa 50m

\* Giúp LED dây không nhấp nháy khi quay video

**NST60-PC2**  
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 250W cho LED dây NST060X, NSTX072X  
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
Kích thước: L133xW35xH33mm  
Độ bảo vệ: IP65  
Đóng gói: 25 cái/thùng **450.000**

**NST-PC4**  
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W cho LED dây NST120X  
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
Kích thước: L146xW42xH33mm  
Độ bảo vệ: IP65  
Đóng gói: 25 cái/thùng **520.000**

**NST1207-PC4**  
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W cho LED dây NST1207X và NSTE120X  
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
Kích thước: L146xW42xH33mm  
Độ bảo vệ: IP65  
Đóng gói: 25 cái/thùng **520.000**

**NSTD120-PC4**  
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W cho LED dây NSTD120X  
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
Kích thước: L146xW42xH33mm  
Độ bảo vệ: IP65  
Đóng gói: 25 cái/thùng **520.000**

**NSTN120-PC4**  
Driver nguồn (Max 50m/nguồn) 400W cho LED dây NSTN120X  
Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
Kích thước: L146xW42xH33mm  
Độ bảo vệ: IP65  
Đóng gói: 25 cái/thùng **520.000**

\*Giá bán đã bao gồm VAT



**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 30s khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây.  
 - Một bộ nguồn dùng tối đa được với 1 cuộn dài 5m, do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được.

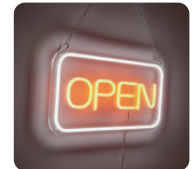
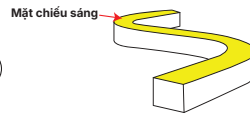
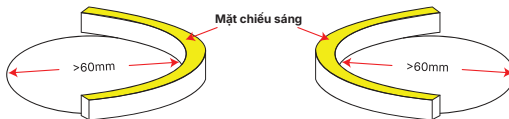
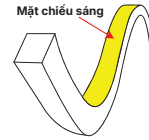
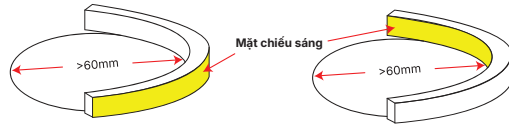
(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY NEON - DC24V **NEW**



\*Chất liệu: PVC Anti-UV, ánh sáng đều và dịu, không gây chói mắt  
 \*Đoạn cắt rất nhỏ, đa dạng PCB và kích thước

Ứng dụng phù hợp với các vị trí có tính thẩm mỹ cao, tính an toàn  
 + LED dây Side bend: ứng dụng cho uốn chữ, logo, nhiều nét cong...  
 + LED dây Top bend: viền gương, hắt trần, viền tủ, chữ đơn giản, hắt gián tiếp...



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt (mm)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTS04083	Side bend	5W/m, DC24V	250	Vàng 3000K	140 LED/M 2835 PCB 5mm	04 x 08 x 5000 Cuộn 5m	Điểm bất kì	20	750.000
NSTS04084				Trung tính 4000K					
NSTS04086				Trắng 6500K					
NSTT06063	Top bend	5W/m, DC24V	350	Vàng 3000K	240 LED/M 2219 PCB 4mm	06 x 06 x 5000 Cuộn 5m	25	20	550.000
NSTT06064				Trung tính 4000K					
NSTT06066				Trắng 6500K					
NSTS10103	Side bend	7W/m, DC24V	750	Vàng 3000K	120 LED/M 2835 PCB 6mm	10 x 10 x 5000 Cuộn 5m	50	20	935.000
NSTS10104				Trung tính 4000K					
NSTS10106				Trắng 6500K					
NSTT10103	Top bend	9W/m, DC24V	750	Vàng 3000K	126 LED/M 2835 PCB 8mm	10 x 10 x 5000 Cuộn 5m	55,5	20	1.070.000
NSTT10104				Trung tính 4000K					
NSTT10106				Trắng 6500K					

\* Sử dụng bộ nguồn DC24V (IP65 ngoài trời hoặc IP20 trong nhà ở trạng kế tiếp)  
 Input AC220-240V, Output DC24V

Phụ kiện đèn LED ĐÈN LED DÂY NEON - DC24V

**NSTS0408-CW**  
 Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 0408 (30cm)  
 Đóng gói: 10 cái/ túi 200 cái/thùng  
**26.000**

**NSTS0408-E**  
 Núm bit cho đèn LED dây Neon 0408  
 Đóng gói: 50 cái/ túi 200 cái/thùng  
**4.000**



**NSTT0606-CW**  
 Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 0606 (30cm)  
 Đóng gói: 10 cái/ túi 200 cái/thùng  
**26.000**

**NSTT0606-E**  
 Núm bit cho đèn LED dây Neon 0606  
 Đóng gói: 50 cái/ túi 200 cái/thùng  
**4.000**



**NST1010-CW**  
 Khớp nối nguồn cho đèn LED dây Neon 1010 (30cm)  
 Đóng gói: 10 cái/ túi 200 cái/thùng  
**26.000**

**NST1010-E**  
 Núm bit cho đèn LED dây Neon 1010  
 Đóng gói: 50 cái/ túi 200 cái/thùng  
**4.000**

**NST1010-CA**  
 Nẹp nhôm gắn tường cho LED dây Neon 1010  
 Đóng gói: 20 cái/ túi 200 cái/thùng  
**17.000**

**NSTT1010-MC**  
 Khớp nối giữa LED dây Neon Topbend 1010  
 Đóng gói: 10 cái/ túi 200 cái/thùng  
**32.000**



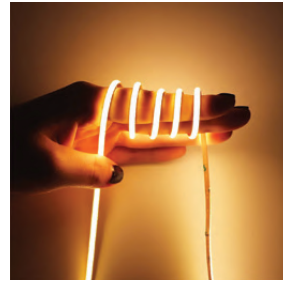
**Cảnh báo:** - Không bật dải LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây  
 - Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đổi nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế đèn đèn

ĐÈN LED DÂY COB - DC 24V



\* Dùng với bộ nguồn DC24V IP20 (trang kế tiếp) hoặc nguồn DC24V IP65  
 \* Mặt sau có lớp keo dán màu xanh  
 \* Cuộn LED dây không kèm nguồn



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/Điện thế sử dụng	Quang thông (lm/m)	Màu ánh sáng	Số lượng LED/m	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt (mm)	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán/cuộn
NSTC3202-20	IP20 Sử dụng trong nhà	10W/M DC24V	850	Vàng 2700K	320	8x2x5000 Cuộn 5m	50	40	360.000
NSTC3204-20				Trung tính 4000K					
NSTC3206-20				Trắng 6500K					
NSTC3202-65	IP65 Sử dụng ngoài trời	10W/M DC24V	850	Vàng 2700K	320	10x4x5000 Cuộn 5m	50	40	650.000
NSTC3204-65				Trung tính 4000K					
NSTC3206-65				Trắng 6500K					

Phụ kiện khớp nối dùng cho LED dây COB



- NSTC320-MC20**  
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20  
Đóng gói: 10 cái/túi **36.000**
- NSTC320-MC201** NEW  
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20  
Đóng gói: 10 cái/túi **18.000**
- NSTC320-CW20**  
Khớp nối dây nguồn (15cm) dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20  
Đóng gói: 10 cái/túi **43.000**
- NSTC320-CW201** NEW  
Khớp nối dây nguồn (15cm) dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20  
Đóng gói: 10 cái/túi **24.000**
- NSTC320-MC65**  
Khớp nối giữa dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP65  
Đóng gói: 10 cái/túi **36.000**
- NSTC320-CW65**  
Khớp nối dây nguồn (15cm) dùng cho loại 320 LED/M COB IP65  
Đóng gói: 10 cái/túi **58.000**
- NSTC320-E65**  
Nút bit dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP65  
Đóng gói: 10 cái/túi **2.300**
- NSTC320-C**  
Nẹp gắn tường dùng cho loại 320 Chip LED/M COB IP20 & IP65  
Đóng gói: 10 cái/túi **2.300**

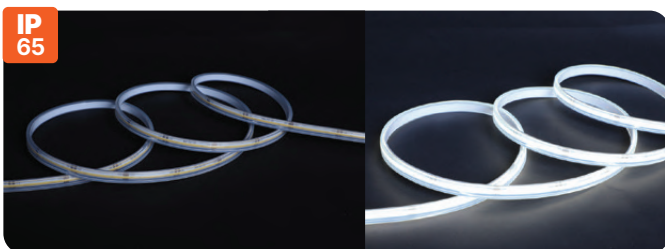
Bộ nguồn DC24V IP65 cho LED dây ngoài trời

\*Bộ nguồn DC24V IP20 cho LED dây trong nhà trang kế tiếp

**NST-PS60-2465**  
Công suất: 60W - IP65  
Kích thước: 207x35x23mm  
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 2.5A  
Đóng gói: 25 cái/ thùng **750.000**

**NST-PS100-2465**  
Công suất: 100W - IP65  
Kích thước: 186x62x34mm  
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 4A  
Đóng gói: 25 cái/ thùng **845.000**

**NST-PS200-2465**  
Công suất: 200W - IP65  
Kích thước: 223x63x34mm  
Điện thế: Input AC200-240V; Output: DC24V, 8.3A  
Đóng gói: 25 cái/ thùng **1.210.000**



\*Giá bán đã bao gồm VAT



**Cảnh báo:** - Không bật dài LED sáng quá 30 giây khi còn quấn trong cuộn để tránh gây nhiệt độ cao ảnh hưởng đến độ bền của LED dây  
 - Khoảng cách từ nguồn đến điểm cuối của LED dây tối đa là 5m (không tính chiều dài dây điện), do dòng điện của LED dây có giới hạn, dù đối nguồn với công suất lớn hơn vẫn không dùng được với chiều dài dây lớn hơn 5m

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LED DÂY TRONG NHÀ DC 24V - IP20



\* Chất liệu: nhựa dẻo FPCB uốn cong dễ dàng  
 \* Thích hợp sử dụng trang trí nội thất với thiết kế phức tạp như hắt trần, trang trí tủ, hộp đèn, bảng hiệu...  
 \* LED dây không được phủ silicon chống nước, vì vậy cần sử dụng ở môi trường khô thoáng tránh ẩm ướt để đảm bảo tuổi thọ đèn



Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID0602	60 LED/M	4.5W/M DC24V	400Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1,3 Cuộn 5M	6 chip LED	40	182.000
NSTID0604				Trung tính 4000K				
NSTID0606				Trắng 6500K				



Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID1202	120 LED/M	9W/M DC24V	800Lm/M	Vàng 2700K	8 x 1,3 Cuộn 5M	6 chip LED	40	252.000
NSTID1204				Trung tính 4000K				
NSTID1206				Trắng 6500K				



Mã sản phẩm	Số LED/M	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm (mm)	Đoạn cắt	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID1682	168 LED/M	12W/M DC24V	1200Lm/M	Vàng 2700K	10 x 1,3 Cuộn 5M	7 chip LED	40	420.000
NSTID1684				Trung tính 4000K				
NSTID1686				Trắng 6500K				

Bộ nguồn DC24V IP20 dùng cho LED dây trong nhà

Bộ nguồn trực tiếp



**NST-AD30**  
 Công suất: 30W  
 Điện thế input: AC100 - 240V  
 Điện thế output: DC24V  
 Chiều dài dây: 1,1m, kèm 1 chui cái 15cm  
 Đóng gói 40 cái/ thùng

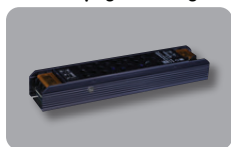
**194.000**



**NST-AD60**  
 Công suất: 60W  
 Điện thế input: AC100 - 240V  
 Điện thế output: DC24V  
 Chiều dài dây: 1,1m, kèm 1 chui cái 15cm  
 Đóng gói 20 cái/ thùng

**293.000**

Bộ nguồn tổ ong



**NST-PS60-24**  
 Công suất: 60W  
 Kích thước sản phẩm: 172x34x23mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

**199.000**



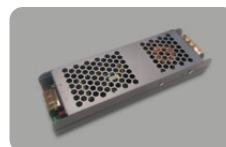
**NST-PS150-24**  
 Công suất: 150W  
 Kích thước sản phẩm : 195x49x29mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

**361.000**



**NST-PS250-24**  
 Công suất: 250W  
 Kích thước sản phẩm: 258x48x29mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

**504.000**



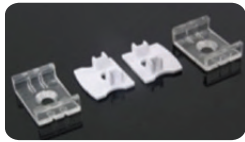
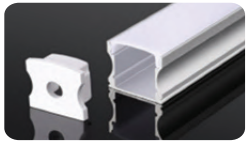
**NST-PS360-24-2**  
 Công suất: 360W  
 Kích thước sản phẩm: 245x63x31mm  
 Điện thế Input: AC200-240V; Output DC24V  
 Giảm tiếng ồn  
 Đóng gói 25 cái/ thùng

**812.000**



(\*) Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

**NẸP NHÔM DÙNG CHO LED DÂY TRONG NHÀ**



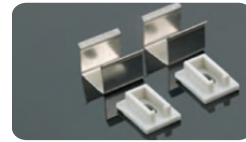
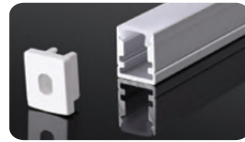
**NST-AB1714**

Kích thước sản phẩm: 2000x17x14,3mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm  
Kèm 4 nút bit, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng



Lắp nổi

205.000



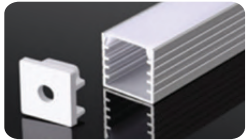
**NST-AB1013**

Kích thước sản phẩm: 2000x10x13mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 8mm  
Kèm 4 nút bit, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 70 cái/thùng



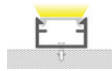
Lắp nổi

192.000



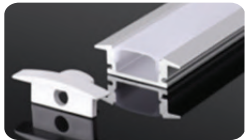
**NST-AB1414**

Kích thước sản phẩm: 2000x14,2x14,2mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12,5mm  
Kèm 4 nút bit, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng



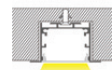
Lắp nổi

192.000



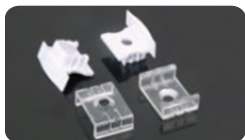
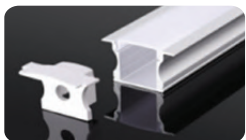
**NST-AB2507**

Kích thước sản phẩm: 2000x25x7mm  
Kích thước lắp âm: 20x8mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm  
Kèm 4 nút bit, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng



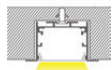
Lắp âm

213.000



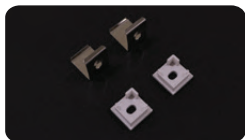
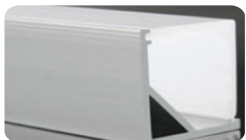
**NST-AB2414**

Kích thước sản phẩm: 2000x24.5x14,2mm  
Kích thước lắp âm: 20x15mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 12mm  
Kèm 4 nút bit, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 25 cái/thùng



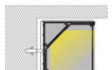
Lắp âm

215.000



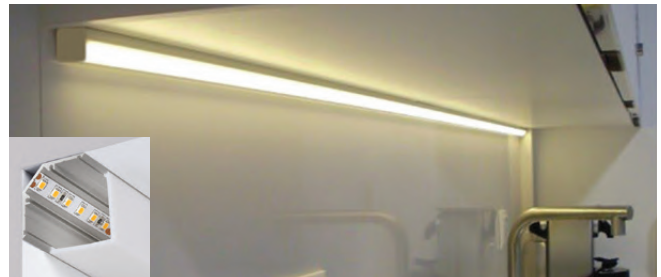
**NST-AB1515**

Kích thước: 2000x15,7x15,7mm  
Dùng với LED dây có chiều rộng 10mm  
Kèm 4 nút bit, 4 nẹp gắn tường, 4 ốc vít  
Đóng gói: 50 cái/thùng

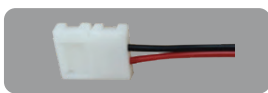


Lắp góc

161.000



**Phụ kiện khớp nối dùng cho LED trong nhà**



**NSTID-CW08**

Khớp nối dây nguồn (15cm)  
dùng cho đèn LED dây dán 60LED/M  
và 120LED/M

6.300



**NSTID-MC08**

Khớp nối giữa dùng cho đèn LED dây dán  
60LED/M và 120LED/M

2.800



**NSTID-CW101**

Khớp nối dây nguồn (15cm), dùng cho đèn  
LED dây dán 168LED/M

16.000



**NSTID-MC101**

Khớp nối giữa dùng cho đèn  
LED dây dán 168LED/M

11.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN LED DÂY ĐỔI MÀU

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



Điều khiển bằng remote, ứng dụng trên điện thoại qua app  
 Mặt sau có lớp keo dán  
 Kèm phụ kiện: Adapter đổi nguồn (dài 1,6m), remote, bộ điều khiển, phụ kiện lắp đặt (keo dán, vít)  
 Ứng dụng đa dạng trang trí phòng ngủ, studio, gaming setup hoặc làm đèn nền TV...



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu ánh sáng	Tính năng	Số LED/m	Kích thước sản phẩm	Đóng gói (cuộn/thùng)	Giá bán (cuộn)
NSTID0324C	07W; Output DC24V Input AC100V-240V	Đổi màu RGB	- RGBIC (RGB + IC Chip) cho phép hiển thị nhiều màu cùng lúc trên một dải LED	30	10x3mm Cuộn 3M	20	550.000
			- Tùy chỉnh từng phân đoạn đèn để phối màu cá nhân hóa không gian sống				
NSTID1524C	19W; Output DC24V Input AC100V-240V		- Hiệu ứng ánh sáng động đa dạng: Chạy màu, sóng, cầu vồng, flash, lượn sóng, và nhiều kiểu khác tùy chỉnh theo phong cách của bạn	15	10x2mm Cuộn 15M	20	980.000
			- Chế độ cảm biến âm nhạc: Đèn nhấp nháy và đổi màu theo giai điệu nhạc				
			- Tùy chỉnh lịch trình, hẹn giờ thông minh				
			- Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)				
			- Nhiều hiệu ứng cài sẵn, dễ dàng điều chỉnh độ sáng				
			- Đồng bộ âm nhạc qua app: Đèn nhấp nháy theo giai điệu nhạc				
			- Hẹn giờ thông minh				
			- Điều khiển bằng giọng nói (tương thích Google assistant, Amazon alexa)				

ĐÈN PHA - TECH SERIES



\* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06  
 \* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng bán hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn...  
 \* PF>0,9 đối với đèn pha từ 30W trở lên  
 \* Có van thoát khí đối với đèn pha từ 30W trở lên



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFT0106	10W/220V	1.100	Trắng 6500K	86 x 74 x 26	0,15	30	180.000
NLFT0104			Trung tính 4000K				
NLFT0103	20W/220V	2.200	Vàng 3000K	98 x 82 x 24	0,18	30	215.000
NLFT0206			Trắng 6500K				
NLFT0204			Trung tính 4000K				
NLFT0203			Vàng 3000K				
NLFT0306	30W/220V	3.600	Trắng 6500K	124 x 104 x 27	0,26	30	275.000
NLFT0304			Trung tính 4000K				
NLFT0303			Vàng 3000K				
NLFT0506	50W/220V	6.000	Trắng 6500K	172 x 135 x 28	0,48	20	400.000
NLFT0504			Trung tính 4000K				
NLFT0503			Vàng 3000K				
NLFT1006	100W/220V	12.000	Trắng 6500K	232 x 196 x 37	0,92	8	930.000
NLFT1004			Trung tính 4000K				
NLFT1003	150W/220V	18.000	Vàng 3000K	303 x 235 x 39	1,61	6	1.365.000
NLFT1506			Trắng 6500K				
NLFT1504			Trung tính 4000K				
NLFT1503	200W/220V	24.000	Vàng 3000K	368 x 295 x 44	2,35	4	2.025.000
NLFT2006			Trắng 6500K				
NLFT2004	300W/220V	36.000	Trung tính 4000K	405 x 325 x 48	3,25	4	3.080.000
NLFT2003			Vàng 3000K				
NLFT3006			Trắng 6500K				
NLFT3004			Trung tính 4000K				
NLFT3003			Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - JANUS SERIES



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFM0106	10W/220V	700	Trắng 6500K	101 x 81 x 22	0,135	20	180.000
NLFM0103			Vàng 3000K				
NLFM0206	20W/220V	1.400	Trắng 6500K	125 x 101 x 24	0,2	20	265.000
NLFM0203			Vàng 3000K				
NLFM0306			Trắng 6500K				
NLFM0303	30W/220V	2.100	Trắng 6500K	143 x 115 x 28	0,29	20	365.000
NLFM0506			Vàng 3000K				
NLFM0503	50W/220V	4.250	Trắng 6500K	163 x 133 x 29	0,43	20	585.000
NLFM1006			Vàng 3000K				
NLFM1003	100W/220V	8.500	Trắng 6500K	231 x 182 x 33	0,84	10	1.150.000
NLFM1506			Vàng 3000K				
NLFM1503			Trắng 6500K				
NLFM2006	150W/220V	12.750	Trắng 6500K	270 x 221 x 36	1,26	10	1.490.000
NLFM2003			Vàng 3000K				
NLFM2006	200W/220V	18.000	Trắng 6500K	320 x 260 x 36	1,72	10	2.330.000
NLFM2003			Vàng 3000K				

\* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06  
 \* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao, phù hợp chiếu sáng bán hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn...  
 \* PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

\*Giá bán đã bao gồm VAT

https://kimquang.vn

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN PHA - VENUS SERIES



\* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK06

\* Đèn có kích thước gọn nhẹ, độ sáng cao phù hợp chiếu sáng bằng hiệu, các khu vực ngoài trời cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn ....

\* PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFV0106	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0,304	30	250.000
NLFV0104		1.000	Trung tính 4000K				
NLFV0103		950	Vàng 3000K				
NLFV0206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	94 x 117 x 35	0,304	30	340.000
NLFV0204		2.000	Trung tính 4000K				
NLFV0203		1.900	Vàng 3000K				
NLFV0306	30W/220V	3.000	Trắng 6500K	107 x 141 x 38	0,423	30	425.000
NLFV0304		3.000	Trung tính 4000K				
NLFV0303		2.850	Vàng 3000K				
NLFV0506	50W/220V	5.000	Trắng 6500K	135 x 175 x 42	0,664	20	655.000
NLFV0504		5.000	Trung tính 4000K				
NLFV0503		4.750	Vàng 3000K				
NLFV1006	100W/220V	12.000	Trắng 6500K	195 x 255 x 40	1,467	8	1.600.000
NLFV1003		11.400	Vàng 3000K				
NLFV1506	150W/220V	18.000	Trắng 6500K	240 x 300 x 42	2,259	6	2.050.000
NLFV1503		17.100	Vàng 3000K				
NLFV2006	200W/220V	24.000	Trắng 6500K	285 x 345 x 46	3,241	4	3.250.000
NLFV2003		22.800	Vàng 3000K				

ĐÈN PHA - HIGH SERIES



\* Chất liệu thân đèn nhôm đúc nguyên khối, mặt kính cường lực IK08

\* Thiết kế mặt kính thủy tinh truyền thống, kích thước lớn tản nhiệt tốt, tuổi thọ cao, phù hợp chiếu sáng bằng hiệu, các khu vực ngoài trời không gian rộng cho các tòa nhà, đường hầm, sân vận động, sân vườn..

\* PF>0,9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLFH0106	10W/220V	1.000	Trắng 6500K	130 x 110 x 41	0,38	20	300.000
NLFH0103		950	Vàng 3000K				
NLFH0206	20W/220V	2.000	Trắng 6500K	181 x 158 x 50	0,67	20	415.000
NLFH0203		1.900	Vàng 3000K				
NLFH0306	30W/220V	3,000	Trắng 6500K	196 x 172 x 52	0,79	20	495.000
NLFH0503	50W/220V	4.750	Vàng 3000K	240 x 210 x 60	1,13	10	720.000
NLFH0706	70W/220V	7.000	Trắng 6500K	255 x 285 x 60	1,74	5	1.245.000
NLFH1006	100W/220V	11.000	Trắng 6500K	310 x 345 x 80	3,5	1	2.100.000
NLFH1506	150W/220V	16.500	Trắng 6500K	350 x 380 x 97	5	1	2.730.000
NLFH2006	200W/220V	22.000	Trắng 6500K	430 x 480 x 105	9,8	1	4.350.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



### ĐÈN PHA

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



\* Chất liệu: thân đèn kim loại, chóa đèn nhựa PC chịu lực cao  
 \* Được lựa chọn là thiết bị chiếu sáng hắt tường ngoài trời cho các tòa nhà, biệt thự, đường hầm, sân vận động, chiếu sáng sân vườn, đèn pha biển quảng cáo... tạo màu ánh sáng tốt và tạo điểm nhấn cho các công trình công cộng.  
 \* PF>0.9 đối với đèn pha từ 50W trở lên



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Cao x Rộng (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NLF1106	10W/220V	800	Trắng 6000K	117 x 27 x 138	0,29	12	209.000
NLF1206	20W/220V	1600	Trắng 6000K	134 x 27 x 159	0,37	12	285.000
NLF1303	30W/220V	2280	Vàng 3000K	167 x 36 x 220	0,65	12	418.000
NLF1504	50W/220V	4000	Trung tính 4000K	222 x 38 x 301	1,1	6	637.000
NLF1503		3800	Vàng 3000K				

### ĐÈN PHA SOLAR SUNNY SERIES - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



- Thời gian chiếu sáng: + 12 giờ (auto)  
 + 5-6h ở chế độ full sáng  
 - Thời gian sạc đầy pin: 6-8 giờ  
 Chất liệu đèn LED: thân nhôm đúc, mặt kính cường lực

#### Nguyên lý hoạt động cơ bản:

- Năng lượng ánh sáng mặt trời được chuyển thành điện năng thông qua tấm solar để sạc cho bộ pin LiFePO4 tích hợp bên trong bộ đèn vào ban ngày.
- (\*) Khi đèn hoạt động bộ pin LiFePO4 cung cấp điện năng cho bộ đèn sáng duy trì tới 12H (AUTO MODE) trước khi cạn hết điện.
- Quá trình 1 và 2 được lặp lại.

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS1006	100W	1.ON/OFF 2.DIMMING 3.TIMER 4.AUTO	Trắng 5700K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	7	190 x 240 x 17	LiFePO4	6	3	1.700.000
NLFSS2006	200W			2000	220 x 232 x 60.4		13	240 x 350 x 17		12	3	2.450.000
NLFSS3006	300W			3000	320 x 340 x 63.5		20	350 x 350 x 17		18	2	3.600.000
NLFSS4006	400W			4800	320 x 340 x 63.5		32	350 x 500 x 17		36	2	4.350.000

THÔNG SỐ ĐÈN PHA						THÔNG SỐ TẮM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI			THÔNG SỐ PIN LƯU ĐIỆN		ĐÓNG GÓI	GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Tính năng điều khiển bằng Remote	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công nghệ	Công suất (W)	Kích thước sản phẩm (mm)	Công nghệ	Dung lượng (Ah)	(bộ/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFSS10061	100W	1.ON/OFF 2.DIMMING 3.TIMER 4.AUTO	Trắng 6500K	1000	220 x 232 x 60.4	Poly Crystalline	5V/ 15 W	350 x 350 x 15	LiFePO4	12	3	2.100.000
NLFSS20061	200W			2000	220 x 232 x 60.4		5V/ 25 W	500 x 350 x 15		24	3	3.060.000
NLFSS30061	300W			3000	320 x 340 x 63.5		5V/ 35 W	500 x 500 x 15		30	2	4.430.000
NLFSS40061	400W			4000	320 x 340 x 63.5		5V/ 45 W	445 x 670 x 15		42	2	5.380.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN PHA SOLAR - ĐÈN PHA NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI



Thời gian chiếu sáng ở chế độ Auto 12h

Độ bền cao

Chip Led Epistar thế hệ mới tuổi thọ lên đến 30.000h

Đạt tiêu chuẩn chống nước, chống bụi IP67

Dễ dàng điều khiển từ xa thông qua remote

**ĐỘ BỀN CAO - 30.000H**



\* Nguyên lý hoạt động:

- Sử dụng tấm năng lượng mặt trời solar để tạo ra điện năng
- Điện năng tạo ra từ tấm solar được sạc cho pin gắn tích hợp bên trong đèn pha LED
- Điện năng tích trữ bên trong pin cung cấp cho đèn nên hoạt động của đèn ổn định trong thời gian pin dự trữ còn đủ dù thời tiết không đủ nắng.

- \* Chất liệu đèn: thân kim loại đúc, mặt kính cường lực
- \* Chất liệu solar: Polycrystal
- \* Thời gian chiếu sáng khi đầy pin ở chế độ Auto: 12 giờ
- \* Thời gian sạc: 8-10 tiếng
- \* Loại 40W, 60W có độ sáng cao > 150lm/W

Các chức năng điều khiển bằng remote



THÔNG SỐ ĐÈN PHA								THÔNG SỐ TẤM PIN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI				GIÁ BÁN/ BỘ
Mã sản phẩm	Công suất LED	Loại chip LED	Màu ánh sáng	Quang thông (lumen)	Kích thước đèn Dài x Cao x Rộng (mm)	Công suất pin dự trữ	Đóng gói (cái/thùng)	Mã tấm solar	Công suất tấm solar	Kích thước solar Dài x Cao x Rộng (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	(đèn pha + tấm solar)
NLFS040610L	40W	Epistar	Trắng 6500K	600	213 x 70 x 190	3,2V 10Ah	10	NLFS040610S	6V10WP	230 x 350 x 17	10	1.200.000
NLFS060615L	60W			960	237 x 77 x 211	3,2V 15Ah	10	NLFS060615S	6V15WP	350 x 350 x 17	10	1.500.000
NLFS100625L	100W			1100	285 x 91 x 249	3,2V 20Ah	5	NLFS100625S	6V25WP	530 x 350 x 17	5	1.990.000
NLFS200635L	200W			1700	351 x 91 x 285	3,2V 30Ah	5	NLFS200635S	6V35WP	680 x 350 x 17	5	2.400.000
NLFS300650L	300W			3000	435 x 95 x 370	3,2V 40Ah	4	NLFS300650S	6V50WP	670 x 535 x 30	4	4.250.000

ĐÈN SOLAR SÂN VƯỜN - ĐÈN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI SÂN VƯỜN

**IP 65**

**NTZ10200** Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 3W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PMMA - Quang thông: 135lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh -vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x197mm
- Kích thước tấm solar: 160x160x1x±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 3600MAH 5V 4,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 4 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**615.000**



**IP 65**

**NTZ06200** Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chóa trong - Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh -vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800MAH 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**600.000**

**IP 65**

**NTZ06250** Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC, chóa trong
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh -vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800MAH 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 4 cái/thùng

**690.000**

**IP 65**

**NTZ08200** Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh -vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 200x200x270mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800MAH 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**580.000**

**IP 65**

**NTZ08250** Ánh sáng vàng 3000K - Ánh sáng trắng 6500K

- Công suất đèn: 1,5W
- Chất liệu: Nhựa ABS + PC
- Quang thông: Trắng 6500K 144lm/ Vàng 3000K 138lm
- Màu ánh sáng: 2 chế độ màu ánh sáng tự điều chỉnh -vàng 3000K & trắng 6500K
- Kích thước đèn: 250x250x320mm
- Kích thước tấm solar: Ø134x1xT2±0,5mm
- Dung lượng tấm solar: 18650 Ternary lithium 1800MAH 5V 1,5W
- Thời gian hoạt động: 10-12H
- Đèn sáng bởi LED và gắn được bóng E27 (max 15W, AC220-240V), giá không kèm bóng - Kèm 2 bộ ốc vít
- Đóng gói: 4 cái/thùng

**665.000**

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN NGOÀI TRỜI - Stella Series - Tuổi thọ 30,000 giờ

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

**IP 65**

**NBLS015** - Đen  
**NBLS015W** - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC85-265V
- Kích thước: 120x80x35mm
- Quang thông: 260lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

190.000

**IP 65**

**NBLS016** - Đen  
**NBLS016W** - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 175x80x40mm
- Quang thông: 420lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

200.000

**IP 65**

**NBLS031** - Đen  
**NBLS031W** - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W/ AC85-265V
- Kích thước: 220x80x45mm
- Quang thông: 600lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

260.000

**IP 65**

**NBLS13SQ** - Đen  
**NBLS13SQW** - Trắng **NEW** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 100x100x100mm
- Quang thông: Tùy thuộc vào điều chỉnh hướng sáng
- CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

310.000

**IP 65**

**NBLS213** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 12W/ AC85-265V
- Kích thước: 125x125x260mm
- Quang thông: 564lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Sanan SMD
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

660.000

**IP 65**

**NBLS22411** Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 5W/ AC85-265V
- Kích thước: 90x160mm
- Quang thông: 350lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

520.000

**IP 65**

**NBLS04** Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 80x75x63mm
- Quang thông: 225lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

180.000

**IP 65**

**NBLS80041** Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 76x76x66mm
- Quang thông: 162lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

260.000

**IP 65**

**NBLS80031** Ánh sáng vàng 3000K 1 hướng chiếu

- Công suất: 3W/ AC85-265V
- Kích thước: 76x76x66mm
- Quang thông: 186lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

280.000



**IP 65**

**NBLS252** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2W/AC85-265V
- Kích thước: 66x66x55mm
- Quang thông: 130lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

240.000

**IP 65**

**NBLS254** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 4W/ AC85-265V
- Kích thước: 75x75x52mm
- Quang thông: 300lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm
- Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

270.000

**IP 65**

**NBLS22512** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 60x71x141mm
- Quang thông: 265lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux
- Chất liệu: Thân đèn nhôm - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

440.000

**IP 65**

**NBLS22412** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 2x5W/ AC85-265V
- Kích thước: 90x260mm
- Quang thông: 700lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 20 cái/thùng

670.000

**IP 65**

**NBLS05** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/AC85-265V
- Kích thước: 140x76x63mm
- Quang thông: 510lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux 3030
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

220.000

**IP 65**

**NBLS8004** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 360lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

340.000

**IP 65**

**NBLS8003** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 6W/ AC85-265V
- Kích thước: 150x65x70mm
- Quang thông: 348lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- LED: Bridgelux COB
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đen - Góc chiếu: 60°
- Đóng gói: 40 cái/thùng

360.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN LỐI ĐI - Stella Series



Ánh sáng vàng 3000K

\*Chất liệu: Thân nhôm, chóa đèn nhựa  
\*Đèn lõi đi cảm biến có khoảng cách hoạt động từ 1-3m, góc 120 độ, thời gian hoạt động 30-45 giây sau khi kết thúc chuyển động

Mã sản phẩm		Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Góc chiếu	CHIP LED	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
Trắng	Đen								
NSLM901W	NSLM901B	Lắp nổi	03W/ 220V	90°	CREE XPE	33-50lm	L88xH88 xW25mm	40	510.000
NSLM901WS	NSLM901BS	Lắp nổi, cảm biến					660.000		
NSLX901W	NSLX901B	Lắp âm					L90xH90x W57mm (Khoét lỗ L81xH81xW50mm)		460.000
NSLX901WS	NSLX901BS	Lắp âm, cảm biến					590.000		

ĐÈN DOWNLIGHT TRỤ



\* Chất liệu: Nhôm  
\* Sử dụng Triac Dimmer

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu ánh sáng	Màu thân đèn/ Chóa phản quang	Quang thông (lumen)	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NSDL12W309040W54	12W/ 220V	Vàng 3000K	Trắng/ Trắng	960	Ø75xH100	50	1.009.000
NSDL12W409040W54		Trung tính 4000K	Trắng/ Trắng	960			1.009.000
NSDL12W309040B54		Vàng 3000K	Đen/ Đen	960			1.009.000
NSDL12W409040B54		Trung tính 4000K	Đen/ Đen	960			1.009.000

ĐÈN TRẦN - Tuổi thọ 20,000 giờ

**IP 54**

**NCL1333** Ánh sáng vàng 3000K  
**NCL1333-6** Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 15W/AC220-240V
- Kích thước: Ø280mm/H63mm
- Trọng lượng: 0,9kg
- Quang thông: 1057lm - CRI: Ra84 - PF: 0,93
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám, nắp chụp nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 116°

1.903.000

**IP 54**

**NSDL7205W** - Màu trắng  
**NSDL7205B** - Màu xám đậm

- Sử dụng bóng E27 (H<sub>max</sub> < 116mm)/AC110-240V
- Kích thước: Ø108mm/H155mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong
- Không bao gồm bóng

793.000

**IP 65**

**NDL1833-73** Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL1833-76** Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 7W/AC220V
- Kích thước: Ø110/ H60 mm - Khoét trần: Ø 90mm
- Quang thông: 470lm - CRI: Ra80
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 36°

981.000

**IP 54**

**NSDL2236-73** Ánh sáng vàng 3000K  
**NSDL2236-76** Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 7W/AC220-240V
- Kích thước: Ø90mm/H95mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Quang thông: 581lm - CRI: Ra82 - PF: 0,53
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 17°

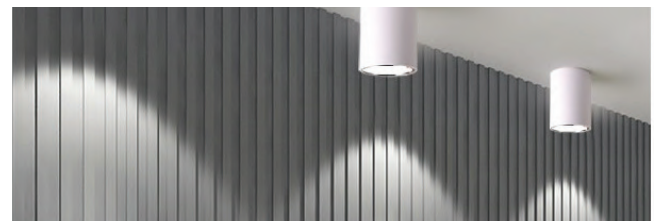
1.371.000

**IP 65**

**NDL1831-103** Ánh sáng vàng 3000K  
**NDL1831-106** Ánh sáng trắng 6000K

- Công suất: 10W/AC220V
- Kích thước: Ø115/H75mm - Khoét trần: Ø 105mm
- Quang thông: 709lm - CRI: Ra83
- Chất liệu: thân đèn nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 39°
- Điều chỉnh góc chiếu 20°

1.212.000



\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

Đèn gắn tường ngoài trời LED

IP 65



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL1291A** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 20W/ AC220-240V~50Hz  
 - Kích thước: L500 x W60 x H60mm - Trọng lượng: 3,1kg  
 - Quang thông: 1818lm - CRI: Ra84  
 - PF: 0,92  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 107°

2.564.000

IP 65



Đèn tường LED vàng màu gỗ  
**NBL1291AWD** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 20W/ 220V - 240V, 50-60Hz  
 - Kích thước: 500x65x60mm  
 - Chip LED: Philips2835  
 - Quang thông: 1742lm - CRI: 84 - PF: 0,92  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh  
 - Góc chiếu: 107°

3.320.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2891** Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K  
**NBL2891-6** Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K  
**NBL2891B** Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất 7W/ AC200-240V  
 - Kích thước: L82xW58xH82mm - Trọng lượng: 0,4kg  
 - Quang thông: 218lm - CRI: Ra85 - PF: 0,9  
 - Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong  
 - Góc chiếu: 96°

930.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2541** Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K  
**NBL2541-6** Màu xám nhạt, ánh sáng trắng 6000K  
**NBL2541B** Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L108xW111xH115mm - Trọng lượng: 1,7kg  
 - Quang thông: 841lm - CRI: Ra83 - PF: 0,90  
 - Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 21°

1.860.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2553** - Màu trắng, ánh sáng vàng 3000K  
**NBL2553-6** - Màu trắng, ánh sáng trắng 6000K  
**NBL2553S** - Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 9W/AC200-240V  
 - Kích thước: L109xW63xH173mm - Trọng lượng: 0,6kg  
 - Quang thông: 160lm - CRI: Ra80 - PF: 0,93  
 - Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 15°/75°

1.244.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2621** Màu xám bạc, ánh sáng vàng 3000K  
**NBL2621-6** Màu xám bạc, ánh sáng trắng 6000K  
**NBL2621B** Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 14W (2x7W)/AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L62xW82xH145mm - Trọng lượng: 0,84kg  
 - Quang thông: 1116lm - CRI: Ra82 - PF: 0,93  
 - Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 73°

1.709.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2621WD** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 2x7W/ 220V-240V, 50-60Hz  
 - Kích thước: 62x87x144mm  
 - Chip LED: CREE1304  
 - Quang thông: 1365lm - CRI: >80 - PF: 0,87  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh  
 - Góc chiếu: 73°

1.900.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL1141B** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 1x7W/ 220V-240V, 50-60Hz  
 - Kích thước: 120x120x58 mm  
 - Chip LED: Cree  
 - Quang thông: 355lm - CRI: Ra80 - PF: 0,9  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh mờ  
 - Góc chiếu: 98°

1.580.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2233** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L135xW96xH135mm - Trọng lượng: 1,5kg  
 - Quang thông: 1153lm - CRI: Ra81 - PF: 0,91  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.  
 - Góc chiếu: 18°

1.817.000

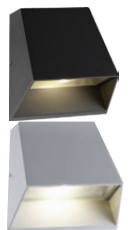
IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2851** Ánh sáng vàng 3000K  
**NBL2851-6** Ánh sáng trắng 6000K  
 - Công suất: 14W (2x7W)/ AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L75xW100xH160mm - Trọng lượng: 0,9kg  
 - Quang thông: 995lm - CRI: Ra82 - PF: 0,92  
 - Chất liệu: Nhôm chống oxy hóa, chóa đèn thủy tinh trong.  
 - Góc chiếu: 37°

1.936.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2691** Màu xám đậm, ánh sáng vàng 3000K  
**NBL2691S** Màu xám nhạt, ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất 7W/AC220-240V  
 - Kích thước: L125xW63xH125mm - Trọng lượng: 0,5kg  
 - Quang thông: 374lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89  
 - Chất liệu: Nhôm đúc, chóa đèn nhựa trong  
 - Góc chiếu: 108°

1.136.000

IP 54



Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2613WD** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz  
 - Kích thước: 115x90x90mm  
 - Chip LED: CREE  
 - Quang thông: 460lm - CRI: >80 - PF: 0,88  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen và màu gỗ, chóa đèn thủy tinh  
 - Góc chiếu: 22/90°

1.660.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN GẮN TƯỜNG - Tuổi thọ 20,000 giờ

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2721** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất 7W/AC200-240V
- Kích thước: L220xW130xH55mm - Trọng lượng: 0,8kg
- Quang thông: 448lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 126°

1.709.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL1951B** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 80x0,11W
- Kích thước: 243x132x122mm
- Chip LED: Philips4014
- Quang thông: 782lm - CRI >Ra80 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 98°

2.060.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng  
**NBL3181**

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 290x137x100mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Giá không bao gồm bóng

1.350.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL2622** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L62xW82xH95mm
- Trọng lượng: 0,64kg
- Quang thông: 577lm - CRI: Ra82 - PF: 0,88 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 72°

1.168.000

**IP 65**

Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL1791** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L222xW165xH282mm
- Trọng lượng: 1,6kg
- Quang thông: 555lm - CRI: Ra85 - PF: 0,5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 105°

1.860.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL5705A** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W/AC200-240V
- Kích thước: L110xW103xH250 mm
- Trọng lượng: 1,1kg
- Quang thông: 850lm - CRI: Ra85 - PF: 0,99
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa.
- Góc chiếu: 103°

1.557.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng  
**NBB1466**

- Công suất: sử dụng bóng E27 (Max15W)/AC220-240V
- Kích thước: L140xW160xH290mm
- Trọng lượng: 2,6kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong.
- Giá không bao gồm bóng

1.634.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời LED  
**NBL3062WD** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: 125x126x250mm
- Chip LED: Philips3014
- Quang thông: 234lm - CRI: >80 - PF: 0,93
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa nhựa
- Góc chiếu: 66°

1.900.000

**IP 54**

Đèn gắn tường ngoài trời dùng bóng  
**NGL3431WD**

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/ AC220-240V)
- Kích thước: 135x135x220mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh.
- Giá không bao gồm bóng

1.660.000



ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

**IP 54**

Đèn gắn trụ ngoài trời dùng bóng  
**NBB1463**

- Công suất: Sử dụng bóng bulb E27 (Max 15W/AC220-240V)
- Kích thước: L140xW140xH350mm
- Trọng lượng: 2,5kg
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong
- Giá không bao gồm bóng

1.860.000

**IP 54**

Đèn sân vườn LED  
**NGL8453** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L108xW108xH200mm
- Trọng lượng: 0,95kg
- Quang thông: 400lm - CRI: Ra84 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu bạc, chóa đèn thủy tinh trong.
- Góc chiếu: 38°

1.557.000

**IP 54**

Đèn sân vườn LED  
**NGL2723** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L120xW40xH650mm
- Trọng lượng: 2,4kg
- Quang thông: 290lm - CRI: Ra82
- PF: 0,89 - IP54
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 45°

1.936.000

**IP 54**

Đèn sân vườn LED  
**NGL1913** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W /AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø90mm/H650mm
- Trọng lượng: 1,22kg
- Quang thông: 415lm - CRI: Ra85
- PF: 0,5
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 71°

1.774.000


\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

**IP 54**




Đèn sân vườn LED  
**NGL8464** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 9W/ AC110-240V~50Hz
- Kích thước: L110xW110xH650mm - Trọng lượng: 2,75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra85
- PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 38°

2.542.000

**IP 54**




Đèn sân vườn LED  
**NGL8414** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 15W (1x15W)/ AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø120mm/H650mm - Trọng lượng: 2,75kg
- Quang thông: 370lm - CRI: Ra82 - PF: 0,88
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa
- Góc chiếu: 82°

2.629.000

**IP 54**



Đèn sân vườn dùng bóng  
**NGL3433WD**

- Công suất: sử dụng bulb E27 max 15W  
AC 220V-240V/ 50-60Hz
- Kích thước: 145x145x600 mm
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, màu gỗ chóa đèn thủy tinh
- Giá không bao gồm bóng

2.810.000

**IP 54**



Đèn sân vườn LED  
**NGL8434A** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 8W /AC200-240V
- Kích thước: L108xW108xH650mm - Trọng lượng: 2,9kg
- Quang thông: 449lm - CRI: Ra84 - PF: 0,94
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trắng sữa
- Góc chiếu: 270°

2.250.000

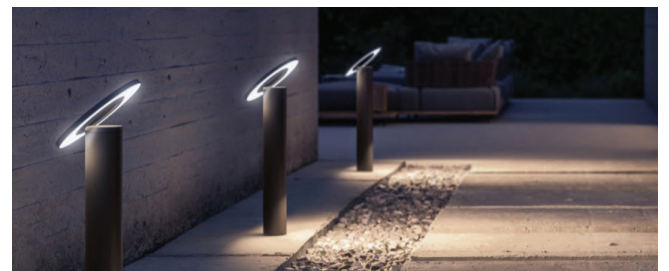
**IP 65**



Đèn sân vườn LED  
**NGL3483** Ánh sáng vàng 3000K


- Công suất: 8W/ 220V - 240V, 50-60Hz
- Kích thước: Ø240xH650 mm
- Quang thông: 610lm - CRI: >80 - PF: 0,9
- Chip LED: Philips4014
- Chất liệu: Thân đèn nhôm màu xám đen, chóa đèn nhựa
- Chỉnh góc: 90°

2.890.000



ĐÈN ÂM ĐẤT - Tuổi thọ 20,000 giờ

**IP 67**




Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL2291** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC110-240V~50Hz
- Kích thước: Ø67xH117mm - Trọng lượng: 0,29kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

757.000

**IP 67**




Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL2292** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 1W/AC100-240V~50Hz
- Kích thước: L67xW67xH117mm - Trọng lượng: 0,31kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø63xH117mm
- Quang thông: 89lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, mặt đèn inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 28°

800.000

**IP 67**




Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL2641** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH105mm - Trọng lượng: 0,97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.417.000

**IP 67**




Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL2642** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: L125xW125xH105mm - Trọng lượng: 0,97kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø103xH105mm
- Quang thông: 597lm - CRI: Ra81 - PF: 0,89
- Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong
- Góc chiếu: 24°

1.557.000

**IP 67**

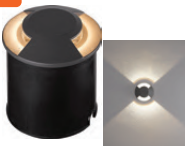


Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL1211** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 67lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 110°

1.634.000

**IP 67**




Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL1212** Ánh sáng vàng 3000K

- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 135lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 99°

1.634.000

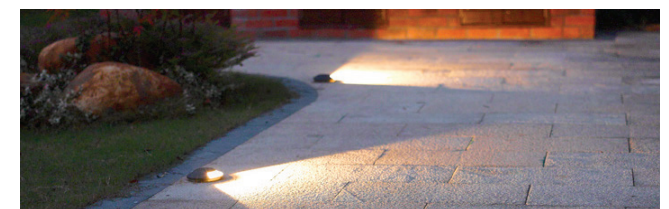
**IP 67**



Đèn sân vườn LED âm đất  
**NGL1214** Ánh sáng vàng 3000K


- Công suất: 7W (1x7W)/AC200-240V~50Hz
- Kích thước: Ø125xH140mm - Trọng lượng: 1,3kg
- Kích thước khoét lỗ: Ø117xH117mm
- Quang thông: 188lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89
- Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn nhựa trong
- Góc chiếu: 70°


1.634.000

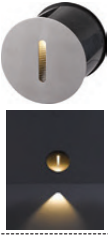



(\*) Lưu ý: Không sử dụng dimmer cho đèn LED Nanoco


ĐÈN LỐI ĐI - Tuổi thọ 20,000 giờ

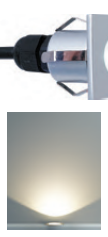
**IP 65**  Đèn LED chiếu chân lắp nổi  
**NSL1713A** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 3W/ AC200-240V - 50Hz  
 - Kích thước: L95xW31xH95mm - Trọng lượng: 0,3kg  
 - Quang thông: 133lm - CRI: Ra83  
 - PF: 0,5  
 - Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong  
 - Góc chiếu: 52°  
**855.000**

**IP 65**  Đèn LED chiếu chân lắp nổi  
**NSL1711A** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 8W/ AC200-240V - 50Hz  
 - Kích thước: L160xW31xH160mm - Trọng lượng: 0,7kg  
 - Quang thông: 450lm - CRI: Ra83  
 - PF: 0,5  
 - Chất liệu: nhôm đúc màu bạc, chóa đèn nhựa trong  
 - Góc chiếu: 53°  
**1.557.000**


**IP 65**  Đèn sân vườn LED chiếu chân  
**NSL2781** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: Ø95xH81mm - Trọng lượng: 0,4kg  
 - Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm  
 - Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0,53  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 56°  
**855.000**


**IP 65**  Đèn LED gắn chiếu chân âm tường  
**NSL1121A** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 4W (12x0,3W)/AC200-240V  
 - Kích thước: L107xW65xH75mm - Trọng lượng: 0,5kg  
 - Kích thước khoét lỗ: L100xW57xH65mm  
 - Quang thông: 129lm - CRI: Ra82 - PF: 0,89  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu trắng, chóa đèn nhựa trong  
 - Góc chiếu: 33°  
**908.000**

**IP 65**  Đèn sân vườn LED chiếu chân  
**NSL2782** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 3W (1x3W)/AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L95xW81xH95mm - Trọng lượng: 0,4kg  
 - Kích thước khoét lỗ: Ø92xD81mm  
 - Quang thông: 25lm - CRI: Ra80 - PF: 0,53  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm đúc, bề mặt inox, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 56°  
**855.000**


**IP 65**  Đèn LED chiếu chân âm tường  
**NSL2102** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L40xW40xH50mm - Trọng lượng: 0,13kg  
 - Kích thước khoét lỗ: Ø25mm  
 - Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 20°  
**660.000**


ĐÈN SPOTLIGHT SÂN VƯỜN - Tuổi thọ 20,000 giờ


**IP 65**  Đèn spotlight sân vườn LED  
**NSP1802** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 1W(1x1W COB)/ AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L40xW40xH40mm - Trọng lượng: 0,18kg  
 - Quang thông: 95lm - PF: 0,45 - CRI: Ra80  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 28°  
**844.000**

**IP 65**  Đèn LED chiếu chân âm tường  
**NSL2101** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 1W/AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: Ø40xH50mm - Trọng lượng: 0,13kg  
 - Kích thước khoét lỗ: Ø25mm  
 - Quang thông: 72lm - CRI: Ra80 - PF: 0,5  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm chống oxi hóa, chóa đèn thủy tinh trong  
 - Góc chiếu: 20°  
**617.000**

**IP 65**  Đèn spotlight sân vườn LED  
**NSP2746** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 10W(1x10W COB)/ AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L81xW76xH118mm - Trọng lượng: 0,9kg  
 - Quang thông: 656lm - CRI: Ra83  
 - PF: 0,99  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen  
 - Góc chiếu: 26°  
**1.396.000**

**IP 65**  Đèn spotlight sân vườn LED  
**NSP2862** Ánh sáng vàng 3000K  
 - Công suất: 6W(3x2W COB)/ AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: L83xW107xH380mm - Trọng lượng: 0,79kg  
 - Quang thông: 360lm - CRI: Ra80  
 - PF: 0,81  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen  
 - Góc chiếu: 24°  
**1.601.000**

**IP 65**  Đèn spotlight sân vườn LED  
**NSP1663** - 10W(1x10W) - 613lm **1.482.000**  
**NSP1666** - 15W(1x15W) - 934lm **1.634.000**  
**NSP1669** - 20W(1x20W) - 1283lm **1.709.000**  
 - AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: W120xH210mm - Trọng lượng: 1,1kg  
 - PF: 0,99 - CRI: Ra82  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen  
 - Góc chiếu: 41°  
 Ánh sáng vàng 3000K

**IP 65**  Đèn spotlight sân vườn LED  
**NSP1673** - 7W(1x10W) - 713lm **1.634.000**  
**NSP1676** - 15W(1x15W) - 934lm **1.785.000**  
**NSP1679** - 20W(1x20W) - 1283lm **1.860.000**  
 - AC200-240V~50Hz  
 - Kích thước: W120xH520mm - Trọng lượng: 1,38kg  
 - PF: 0,99 - CRI: Ra82  
 - Chất liệu: Nhôm đúc màu xám đậm, chóa đèn thủy tinh trong, chân cắm nhựa đen  
 - Góc chiếu: 41°  
 Ánh sáng vàng 3000K

\*Giá bán đã bao gồm VAT



ĐÈN BÀN

\* Khi mua tặng kèm 1 bóng bulb 5W sử dụng dui đèn E27

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



**NDKC01P** - Đèn bàn thỏ hồng  
**NDKC01BE** - Đèn bàn thỏ xanh dương  
 - Chân đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu  
 - Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, dui đèn sứ  
 - Kích thước sản phẩm: 125 x 145 x 410 mm  
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

235.000



**NDKC03WG** - Đèn bàn xanh lá  
**NDKC03WGY** - Đèn bàn xám  
**NDKC03WP** - Đèn bàn hồng  
 - Chóa đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh góc chiếu  
 - Chất liệu: Thân và chóa đèn kim loại, đế gỗ  
 - Kích thước sản phẩm: 165 x 165 x 400mm  
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

395.000



**NDKC02W** - Đèn bàn trắng  
**NDKC02B** - Đèn bàn đen  
 - Chân đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu  
 - Chất liệu: Thân đèn nhựa, chóa đèn kim loại, dui đèn sứ  
 - Kích thước sản phẩm: 125 x 142 x 378mm  
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

217.000



**NDKC04IB** - Đèn bàn vàng đen  
 - Thiết kế cổ điển sang trọng  
 - Điều chỉnh chiều cao và góc chiếu ở 2 vị trí khóa vận  
 - Chất liệu: Hợp kim cao cấp  
 - Kích thước sản phẩm: 178 x 178 x 420mm  
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

610.000

ĐÈN BÀN LED - NESSA SERIES



**NDKR908** - Trắng  
 - Công suất: 8W  
 - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V  
 - Quang thông: 490lm - Độ rọi: 1.800lux  
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K  
 - Tính năng:  
 + Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ  
 + Tích hợp điều chỉnh màu đèn ngủ vô cấp ở đế đèn  
 - Chất liệu: Nhựa ABS  
 - Kích thước sản phẩm: 149 x 150 x 311mm  
 - Kèm adapter  
 - Đóng gói: 8 cái/thùng

865.000



**NDKC618** - Trắng  
 - Công suất: 8W  
 - Điện áp: Đầu ra DC5V, đầu vào 100-240V  
 - Quang thông: 480lm - Độ rọi: 1.200lux  
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K  
 - Tính năng:  
 + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ  
 + Tích hợp điều pin lithium dùng khi mất điện: thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 2h30  
 + Tích hợp đèn ngủ ở đế đèn  
 - Chất liệu: Nhựa ABS  
 - Kích thước sản phẩm: 375 x 170 x 405mm  
 - Không kèm adapter (đầu ra cấp sạc USB, dùng với adapter 5V 2A)  
 - Đóng gói: 12 cái/thùng

1.030.000

ĐÈN BÀN LED



**NDKR478** - Trắng  
 - Công suất: 8W  
 - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V  
 - Quang thông: 400lm - Độ rọi: 1600lux  
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K  
 - Tính năng:  
 + Điều chỉnh độ sáng 6 cấp độ, màu ánh sáng 5 cấp độ  
 + Tích hợp mặt đồng hồ điện tử (thể hiện thời gian, ngày, nhiệt độ, báo thức)  
 - Chất liệu: Nhựa ABS  
 - Kích thước sản phẩm: 340 x 160 x 384mm  
 - Kèm adapter, kèm pin CR2032 dùng cho mặt đồng hồ  
 - Đóng gói: 8 cái/thùng

1.130.000

- \* Chất liệu: Nhựa ABS trắng
- \* Chân đèn linh hoạt dễ dàng điều chỉnh chiều cao và góc chiếu
- \* Độ rọi trên bàn 1300lux đảm bảo độ sáng học tập và làm việc
- \* Điều chỉnh cường độ sáng vô cấp bằng phim cảm ứng một chạm
- \* Thời gian sạc 4h, thời gian sử dụng 1,5h khi mất điện
- \* Tính năng hẹn giờ tắt 30 phút
- \* Tích hợp khay đựng bút và giá đỡ điện thoại tiện dụng
- \* Kèm dây cáp USB



**NDKC668** - Trắng bạc ánh kim  
 - Công suất: 8W  
 - Điện áp: Đầu ra DC24V, đầu vào 100-240V  
 - Quang thông: 560lm - Độ rọi: 1155lux  
 - Màu ánh sáng: Vàng 2700K - Trung tính 4000K - Trắng 6500K  
 - Tính năng: Điều chỉnh độ sáng 3 cấp độ, màu ánh sáng 3 cấp độ  
 - Chất liệu: Thân đèn nhôm ánh kim cao cấp, đế đèn nhựa ABS  
 - Kích thước sản phẩm: 445 x 130 x 394mm  
 - Kèm adapter  
 - Đóng gói: 12 cái/thùng

1.130.000

**NDK10WC** - Đèn bàn LED  
 - Công suất/ Điện thế sử dụng: 10W/Cốc sạc DC 5V 2A  
 - Pin Lithium 18650 3,7V, dung lượng 1.500mAh  
 - Quang thông: 400lm  
 - Tùy chỉnh nhiệt độ màu: 3500K - 4000K - 4500K  
 - Kích thước sản phẩm: 130 x 150 x 350mm  
 - Khối lượng sản phẩm: 0,709kg  
 - Đóng gói: 6 cái/ thùng

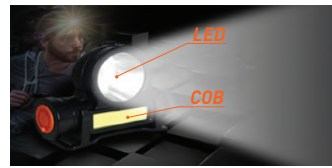
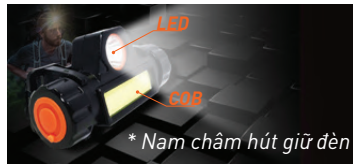
507.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN ĐỘI ĐẦU

- \* Chất liệu: Nhựa ABS
- \* Pin Lithium 1200mAh
- \* Thời gian hoạt động 4h
- \* Thời gian sạc 8h



IP 44



Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Quang thông (lumen)	Màu ánh sáng	Kích thước sản phẩm Dài x Rộng x Cao (mm)	Chế độ	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NHLO361B	3,5W/ Cốc sạc DC 5V 2A	260	Trắng	84 x 30 x 68	LED - FLASH - COB- OFF	30	117.000
NHLO362B		300	Trắng	84 x 30 x 45	LED - COB- OFF nhấn giữ điều chỉnh độ sáng		

ĐÈN BẮT MUỖI

IP 20

IP 20

- \* Chất liệu: Nhựa ABS
- \* Chiều dài dây 1,2m
- \* Tặng kèm 1 cây cọ vệ sinh
- \* Khay đựng xác côn trùng dễ dàng tháo lắp, vệ sinh

- \* Thu hút muỗi bằng bước sóng ánh sáng 365nm, từ nhiều hướng 360°
- \* Tiêu diệt nhanh muỗi và các loại côn trùng nhờ lưới điện mạnh mẽ
- \* Nên đặt đèn ở nơi tối, độ cao từ 1m đến 2m, xuất hiện nhiều muỗi để đạt hiệu suất cao nhất



NML06B



NML18B1

Mã sản phẩm	Công suất/ Điện thế sử dụng	Lưới điện (V)	Diện tích sử dụng (m²)	Kích thước sản phẩm (mm)	Trọng lượng (kg)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NML06B	06W/220V	800-1000V	16	138 x 292	0.6	6	391.000
NML18B1	18W/220V	4000V	100	170 x170 x 28.5	0.9	6	720.000



DIỆT MUỖI/ CÔN TRÙNG



LƯỚI ĐIỆN CỰC MẠNH



NHỰA ABS CAO CẤP

An toàn, tiện lợi, luôn bảo vệ gia đình bạn

VỢT MUỖI

**NMR103BE - THÔNG MINH 2 IN 1**

- Màu: Kem
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- 6 đèn thu hút muỗi ánh sáng tím
- Sạc nhanh 2 - 4 tiếng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Cổng sạc Type C và dây sạc
- Không bao gồm củ sạc
- Để cầm di động và móc treo
- Đóng gói: 20 cái/thùng

2 IN 1

220.000

**NMR102B - Màu xanh dương  
NMR102BE - Màu kem**

- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Đóng gói: 20 cái/thùng

135.000

**NMR101G - Xanh lá  
NMR101P - Hồng**

- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Thời gian sạc đầy: 8 giờ
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Có đèn Led chiếu sáng
- Xả điện nhanh giúp an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa PP
- Đóng gói: 30 cái/thùng

120.000

**NMR106B - Xanh dương**

- Tích hợp đèn pin 0.5W có thể tháo rời
- Pin lithium độ bền cao 500mAh
- Có đèn Led chiếu sáng
- Thời gian sạc đầy: 8 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Chất liệu nhựa ABS
- Chân sạc 2 chấu trên đèn pin
- Đóng gói 20 cái/thùng

NEW

Dự kiến có hàng 07/2026

145.000

**NMR1040 - Cam**

- 1 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy: 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/thùng

165.000

**NMR105B - Xanh dương**

- 2 đèn LED siêu sáng
- Pin lithium độ bền cao 1200mAh
- Cổng sạc Type-C và dây sạc
- Thời gian sạc đầy: 4 - 6 tiếng
- Xả điện nhanh, an toàn
- Khung lưới bảo vệ 3 lớp chắc chắn
- Đèn báo đổi màu khi sạc đầy
- Chất liệu nhựa ABS
- Không bao gồm củ sạc
- Đóng gói: 20 cái/thùng

165.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



Cảnh báo: \* Chỉ sử dụng đèn khi đã lắp đặt trên tường/ trần, cách với sàn nhà lớn hơn 2,1m  
\* Bỏ túi nilong bên ngoài đèn trước khi sử dụng

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN SƯỞI TREO TƯỜNG



IP 54

- \* Thân đèn nhựa PC
- \* Kèm phụ kiện thanh treo, ốc vít
- \* Chiều dài dây điện 3m
- \* Dùng với bóng đèn sưởi NBH275G



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NBH634BE	2 bóng	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu beige, thân đèn màu bạc	410x191x227	6	930.000
NBH649G	2 bóng	550W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	410x189x227	6	930.000
NBH626G	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	519x221x233	4	1.490.000
NBH641S	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu bạc, thân đèn màu bạc	528x225x249	4	1.230.000
NBH650G	3 bóng	825W/220V/50Hz	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu bạc	504x224x249	4	1.240.000

ĐÈN SƯỞI ÂM TRẦN - CÓ QUẠT HÚT



IP 54

- \* Bề mặt nhựa PC
- \* Kèm remote, ống dẫn
- \* Chiều dài dây điện 1m
- \* Điều khiển bằng remote
- \* Quạt hút giúp luân chuyển không khí trong phòng và phân tán nhiệt đều
- \* Phù hợp phòng tắm ấm và kín
- \* Dùng với bóng đèn sưởi NBH275G



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Công suất quạt hút (W)	Lưu lượng gió (m³/h)	Kích thước ống dẫn	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NBHR201G	Lắp âm 2 bóng remote	550W + 6W LED 220V/50Hz	30	220	Ø100mm, chiều dài ống 1,5m	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	400x226x170	345x190	4	2.210.000
NBHR401G	Lắp âm 4 bóng remote	1100W + 6W LED 220V/50Hz	30	220	Ø100mm, chiều dài ống 1,5m	Bề mặt màu vàng đồng, thân đèn màu trắng	364x364x175	290x290	2	2.600.000

ĐÈN SƯỞI ÂM TRẦN NEW



IP 54

- \* Chất liệu: Bề mặt nhựa PC
- \* Kèm dây cắm dài 1,5m
- \* Điều khiển bằng công tắc
- \* Chỉ tỏa nhiệt trực tiếp ở khu vực gần đèn
- \* Phù hợp phòng tắm thoáng và diện tích nhỏ
- \* Dùng với bóng NBH275G1

Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Kích thước khoét trần (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NBHR202W	Lắp âm 2 bóng công tắc	550W 220V/50Hz	Màu trắng	300x300x146	275x275	4	960.000

BÓNG ĐÈN SƯỞI E27



Mã sản phẩm	Loại	Công suất/ Điện thế sử dụng	Màu sắc sản phẩm	Kích thước sản phẩm (mm)	Đóng gói (cái/thùng)	Giá bán (cái)
NBH275G	Bóng rời E27 275W	275W/220V/50Hz	Bóng đèn màu vàng E27	D125xH183	20	150.000
NBH275G1				D115xH160	20	170.000



(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn

ĐÈN EXIT - Đèn thoát hiểm



ĐÈN CHỈ DẪN THOÁT HIỂM



**IP 40** **NEX2108C1** - Đèn thoát hiểm LED  
(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 5,5W/AC220-240V/50Hz~60Hz, 0.07A
- Kích thước: 290mm x 182mm x 40mm
- Trọng lượng: 0,9kg
- Pin: LiFePO4 3,2V/1,5Ah
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Độ rọi: 10 cd/m<sup>2</sup>

- Nguồn sáng: SMD LED WHITE - 6500K
- Khoảng cách nhìn thấy: 24m
- Cấp độ bảo vệ: IP40
- Chất liệu: Nhựa PC
- Kèm 1 hình chỉ hướng lối thoát mã NEXF-E
- Đóng gói: 12 cái/thùng

735.000

Phụ kiện dùng kèm đèn thoát hiểm

Hình chỉ hướng

	<b>NEXF-L</b> 1 mặt trái	26.000
	<b>NEXF-R</b> 1 mặt phải	26.000
	<b>NEXF-D</b> 1 mặt xuống	26.000
	<b>NEXF-U</b> 1 mặt lên	26.000
	<b>NEXF-LR</b> 1 mặt trái & phải	26.000

	<b>NEXF-TL</b> 1 mặt toilet trái	26.000
	<b>NEXF-TR</b> 1 mặt toilet phải	26.000
	<b>NEXF-TD</b> 1 mặt toilet xuống	26.000
	<b>NEXF-TU</b> 1 mặt toilet lên	26.000
	<b>NEXF-E</b> Đèn báo Exit	26.000



Bộ phụ kiện gắn treo trần

**NEXA-C**

Gồm 2 bộ dây treo trần  
Chiều dài dây treo 1m

50.000



Bộ phụ kiện gắn tường

**NEXA-W**

Gồm 2 bộ pat gắn tường

13.000

ĐÈN EMERGENCY - Đèn chiếu sáng khẩn cấp

**NEM21351** - Đèn LED chiếu sáng khẩn cấp

(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 2W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: 280 x 280 x 78mm - Trọng lượng: 1kg
- Pin: Li-ion 3,7V/2,2A
- Thời gian sạc: 24 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: ≥180lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chứa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Có thể điều chỉnh đèn theo 340° theo phương ngang, 90° theo phương thẳng đứng
- Đóng gói: 6 cái/thùng

**IP 20**



770.000



- TIẾT HIỆM ĐIỆN
- ÁNH SÁNG TRẮNG 6500K
- 3H CHỮA SÁNG CHẴM CẤP 3H

**LED EMERGENCY LIGHT 2W**



ĐÈN DOWNLIGHT EMERGENCY - Đèn Downlight chiếu sáng khẩn cấp

**NDLE036** - Đèn LED Downlight chiếu sáng khẩn cấp

(có chứng nhận PCCC)

- Công suất: 3.5W/AC220-240V/50Hz~60Hz
- Kích thước: Ø140 x 23mm/ Khoét trần: Ø65 - 70mm/H50mm
- Trọng lượng: 220g
- Pin: LiFePO4 3,2V/1,5Ah
- Thời gian sạc: 16 giờ
- Thời gian chiếu sáng khẩn cấp: 3 giờ
- Quang thông: ≥125lm - Nguồn sáng: SMD LED 32PCS - 6500K
- Cấp độ bảo vệ điện: Class II
- Chất liệu: Chứa đèn nhựa PC trong, thân đèn nhựa ABS
- Đóng gói: 48 cái/thùng

**IP 20**



625.000



\*Giá bán đã bao gồm VAT



### ĐÈN HIGHBAY - Đèn nhà xưởng

(\* Lưu ý: Dimmer không tương thích với thiết kế dòng đèn



- Điện thế sử dụng: 220-240V AC, 50/60Hz
- Ánh sáng trắng 6500K
- Nhiệt độ hoạt động: -20±45°C
- Chất liệu: thân đèn hợp kim nhôm ADC12
- Đóng gói: 1 cái/thùng



Kích thước: Ø220mm/H: 98,5mm  
**NHB10061** - 13.000lm - Công suất 100W **1.540.000**



Kích thước: Ø260mm/H: 98,5mm  
**NHB15061** - 19.500lm - Công suất 150W **2.075.000**

Kích thước: Ø300mm/H: 98,5mm  
**NHB20061** - 26.000lm - Công suất 200W **2.530.000**

### PIN



\* Pin lithium dung lượng chuẩn đảm bảo thiết bị hoạt động hiệu quả và ổn định

\* An toàn vượt trội với vỏ kín ngăn ngừa rò rỉ, không gây ô nhiễm môi trường và thiết hại tiềm tàng cho các thiết bị.

Hình ảnh	Mã sản phẩm	Loại pin	Điện áp (V)	Dung lượng (mAh)	Kích thước sản phẩm (mm)	Bảo hành (Năm)	Đóng gói (pin/vi)	Đóng gói (pin/hộp)	Giá bán/pin	Giá bán/vi
	NLR03-2	Alkaline AAA	1,5V	1,200	D: 10,5±0,2 L: 44,5±0,2	10	2	24	10.000	20.000
	NLR03-4	Alkaline AAA	1,5V	1,200	D: 10,5±0,2 L: 44,5±0,2	10	4	48	10.000	40.000
	NLR6-2	Alkaline AA	1,5V	2,600	D: 14,5±0,2 L: 50,5±0,2	10	2	24	13.000	26.000
	NLR6-4	Alkaline AA	1,5V	2,600	D: 14,5±0,2 L: 50,5±0,2	10	4	48	13.000	52.000
	NCR2025	Lithium	3V	160	20x2,5	3	5	50	17.600	88.000
	NCR2032	Lithium	3V	220	20x3,2	3	5	50	17.600	88.000



## CÙNG PANASONIC CHỐNG LẠI HÀNG GIẢ

với 3 bước trên Hệ thống QR!

- ✓ **TIỆN LỢI**  
Xác thực nhanh chóng. Kích hoạt bảo hành mọi lúc mọi nơi
- ✓ **UY TÍN**  
Giúp khách hàng phân biệt hàng chính hãng làm nên thương hiệu Panasonic
- ✓ **CHẤT LƯỢNG**  
Đem đến trải nghiệm sản phẩm chân thực & vượt trội cho khách hàng

## ĐỊNH DANH HÀNG THẬT CẬP BẾN AN TÂM

Chống lại các hành vi buôn bán hàng giả cùng Hệ thống QR của Panasonic!

Để bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, là Đại lý phân phối và Người tiêu dùng, Panasonic xin giới thiệu Quy trình xác thực hàng chính hãng trên Hệ thống QR.



## 3 BƯỚC TRÊN HỆ THỐNG QR!



**TÌM TEM QR TRÊN SẢN PHẨM**  
Trên thân sản phẩm Quý khách hàng sẽ tìm thấy tem chính hãng với mã QR.

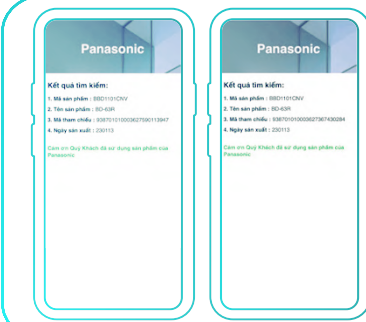


**QUÉT TEM QR VỚI CAMERA ĐIỆN THOẠI**  
Mở camera điện thoại và quét tem QR, Quý khách hàng sẽ thấy hiển thị đường dẫn đến Hệ thống quản lý PEWVN.



**HIỂN THỊ KẾT QUẢ HÀNG CHÍNH HÃNG**  
Kết quả tra cứu bao gồm:  
1) Mã sản phẩm, 2) Tên sản phẩm, 3) Mã tham chiếu, 4) Ngày sản xuất.

## KẾT QUẢ HIỂN THỊ



**XÁC THỰC HÀNG CHÍNH HÃNG**  
Sản phẩm chính hãng của Panasonic sẽ hiển thị thông tin chi tiết như hình bên.



**KÍCH HOẠT BẢO HÀNH SẢN PHẨM CHÍNH HÃNG**  
Sau khi xác minh, Quý khách nhập thông tin cá nhân để thực hiện Kích hoạt bảo hành.



**BÁO CÁO HÀNG KHÔNG CHÍNH HÃNG**  
Nếu sản phẩm là hàng giả, Quý khách vui lòng báo về Hotline trên màn hình để được hỗ trợ.  
*\*Hình ảnh chỉ mang tính minh họa*



nanoco




# Điện gia dụng Catalogue


04.2026

DANH MỤC SẢN PHẨM | 04 - 2026



 [www.nanoco.com.vn](http://www.nanoco.com.vn)

 [fb.com/nanoco.com.vn](https://fb.com/nanoco.com.vn)

 [info@nanoco.com.vn](mailto:info@nanoco.com.vn)

Hotline: **1900 67 11**

<https://kimquang.vn>

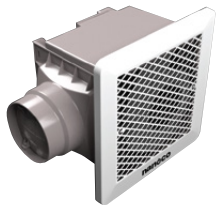
# MỤC LỤC

T01 - 02

## QUẠT HÚT



QUẠT HÚT SIÊU MỎNG  
..... T03



QUẠT HÚT ÂM TRẦN  
LÔNG SÓC ..... T03



QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG  
..... T03



QUẠT HÚT ÂM TRẦN  
KHÔNG DÙNG ỐNG DẪN ..... T04



QUẠT HÚT ÂM TRẦN  
DÙNG ỐNG DẪN ..... T04

## QUẠT TRẦN



QUẠT TRẦN 3 CÁNH  
..... T05-06



QUẠT TRẦN 4 CÁNH  
..... T05-06



QUẠT TRẦN 5 CÁNH  
..... T05-06



QUẠT TRẦN 6 CÁNH  
..... T07



QUẠT TRẦN 8 CÁNH  
..... T07

## QUẠT ĐIỆN



QUẠT TREO TƯỜNG  
..... T08



QUẠT TREO TƯỜNG  
REMOTE ..... T08



QUẠT ĐÀO  
..... T08



QUẠT ĐÀO REMOTE  
..... T08



QUẠT LŨNG  
..... T09



QUẠT LŨNG REMOTE  
..... T09



QUẠT BÀN  
..... T09



QUẠT SÀN  
..... T09



QUẠT ĐŨNG REMOTE  
..... T09



QUẠT ĐŨNG  
..... T09

## QUẠT SẠC



QUẠT SẠC GẤP GỌN  
..... T09



QUẠT SẠC ĐÈN LED  
QUẠT SẠC KẸP ..... T09



QUẠT SẠC SÀN  
..... T09



QUẠT SẠC CẦM TAY  
..... T09



QUẠT SẠC ĐŨNG  
REMOTE ..... T09



**BÌNH ĐUN SIÊU TỐC**

NEW



BÌNH ĐUN SIÊU TỐC INOX  
..... T12



BÌNH ĐUN SIÊU TỐC THỦY TINH  
..... T12

NEW



BÌNH ĐUN SIÊU TỐC GIỮ ẤM  
..... T12

**BÌNH THỦY ĐIỆN**



BÌNH THỦY ĐIỆN  
..... T12

NEW



BÌNH THỦY ĐIỆN HẸN GIỜ  
..... T12

**NỒ CƠM ĐIỆN**

NEW



NỒ CƠM ĐIỆN NẤP RỜI  
..... T13



NỒ CƠM ĐIỆN NẤP GÀI  
..... T13

NEW



NỒ CƠM ĐIỆN TỬ  
..... T13

**NỒI, CHẢO & NỒI ĐIỆN ĐA NĂNG**

NEW



NỒI, CHẢO NỒI ĐIỆN ĐA NĂNG  
..... T13-14

NEW



NỒI NẤU CHẬM  
..... T14

**MÁY VẮT CAM BẾP ĐIỆN**

NEW



MÁY VẮT CAM  
..... T14



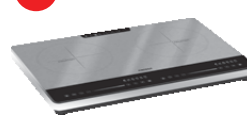
BẾP HỒNG NGOẠI ĐƠN  
..... T14

NEW



BẾP ĐIỆN TỬ ĐƠN  
..... T14-15

NEW



BẾP ĐIỆN ĐÔI  
..... T14

NEW



MÁY HÚT MÙI  
..... T15-16

**MÁY SƯƠI CÓ THÔNG GIÓ**

NEW



MÁY SƯƠI CÓ THÔNG GIÓ  
..... T16

**MÁY SƯƠI DẦU**



MÁY SƯƠI DẦU  
..... T16

**MÁY LỌC KHÔNG KHÍ**

NEW



MÁY LỌC KHÔNG KHÍ  
..... T16

**MÁY HÚT ẨM**

NEW



MÁY HÚT ẨM  
..... T17

**TỦ SẤY QUẦN ÁO**



TỦ SẤY QUẦN ÁO  
..... T17

**MÁY BƠM NƯỚC**



MÁY BƠM NƯỚC TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG - ĐIỆN TỬ  
..... T18



MÁY BƠM NƯỚC TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG - BIẾN TẦN  
..... T18



MÁY BƠM NƯỚC ĐẨY CAO  
..... T18



MÁY BƠM NƯỚC HOẠT ĐỘNG LY TÂM - ĐẦU JET  
..... T18



MÁY BƠM NƯỚC HOẠT ĐỘNG LY TÂM - LƯU LƯỢNG  
..... T18



## QUẠT ĐỨNG NEF1499P

### \* Công nghệ động cơ BLDC

Giảm tiếng ồn cho động cơ được vận hành êm ái, đồng thời tiết kiệm điện sử dụng.

### \* 4 chế độ gió linh hoạt

Tùy thuộc nhu cầu sử dụng, bạn có thể chọn chế độ gió và tận hưởng phút thư giãn trọn vẹn.

### \* Màu sắc trang nhã

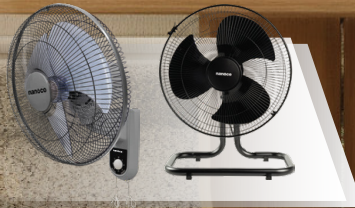
Tông màu tinh tế, nhẹ nhàng phù hợp với mọi phong cách nội thất, từ đơn giản đến sang trọng.



• QUẠT HÚT



• QUẠT TRẦN



• QUẠT ĐIỆN



• QUẠT SẠC



QUẠT HÚT SIÊU MỎNG

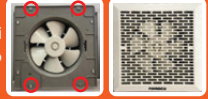
Ưu việt về thiết kế

Thiết kế góc côn gió từ các hướng dễ đi vào.

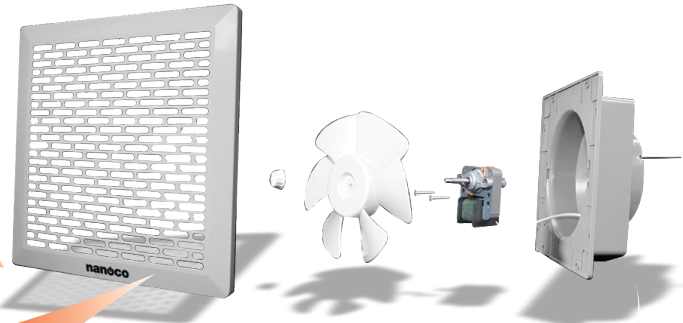
Bầu gió có đường kính lớn và sâu làm tăng lưu lượng gió, giảm ồn.

Mặt lưới có khoảng không lớn, giúp gió dễ dàng lưu thông

Vít bắt thân quạt phía trong mặt lưới  
-> Tính thẩm mỹ cao



Đa dụng cho cả tường và trần mỏng



An toàn và tiện lợi

Hộp điện có Domino tiện dụng cho đấu nối dây

Lỗ tản nhiệt động cơ lớn  
-> Làm nguội động cơ nhanh, tăng hiệu suất làm việc

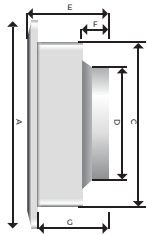


Chắc chắn, ổn định và bền bỉ

Kết cấu giữ motor có 5 xương keo

-> Chắc chắn giảm khả năng rung lắc  
Motor 100% dây đồng

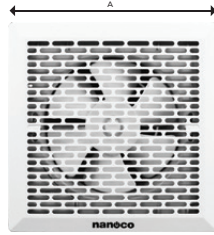
Tán cánh cố định cánh chắc chắn  
-> Không đảo cánh khi bị sinh nhiệt



NMV1523

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 12W
- Lưu lượng gió: 185 m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 150 x 150 mm
- Độ ồn: <50dBA

375.000



NMV2023

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 20W
- Lưu lượng gió: 265 m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 200 x 200 mm
- Độ ồn: <50dBA

420.000

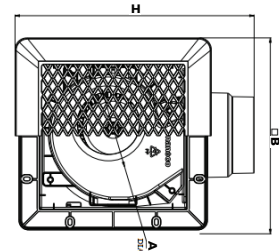
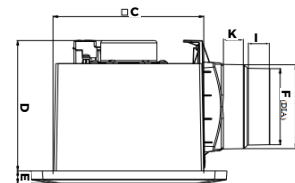
Model	A	B	C	D	E	F	G
NMV1523	205	205	150	119	95	35	85
NMV2023	255	255	200	138	99.8	33	87.8
NMV2523	305	305	250	175	101.5	33.5	88.5

NMV2523

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 24W
- Lưu lượng gió: 400m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 250 x 250 mm
- Độ ồn: <50dBA

490.000

QUẠT HÚT ÂM TRẦN LÔNG SÓC



NFV2021

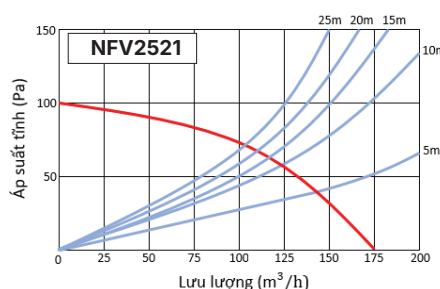
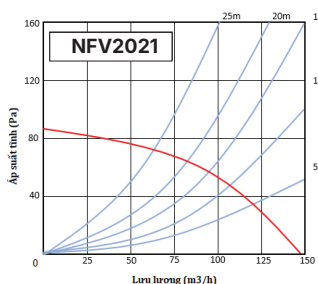
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 12.5W
- Cánh lông sóc
- Lưu lượng gió: 145m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 200 x 230mm
- Độ ồn: <45dBA
- Kích thước ống dẫn: φ100mm hoặc φ110mm

670.000

NFV2521

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Cánh lông sóc
- Lưu lượng gió: 175m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 250 x 280mm
- Độ ồn: <45dBA
- Kích thước ống dẫn: φ100mm hoặc φ110mm

840.000



Model	Kích thước (mm)										
	A	B	C	D	E	F	G	H	I	K	
NFV2021	78	250	191	166	16	98	108	305	28	28	
NFV2521	116	305	242	183	17	98	108	357	28	28	

\*Giá bán đã bao gồm VAT



BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

<https://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



QUẠT HÚT GẮN TƯỜNG 1 CHIỀU



NWV1520

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 252m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 200x200mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 11m<sup>2</sup> - 35m<sup>2</sup>

610.000

NWV2020

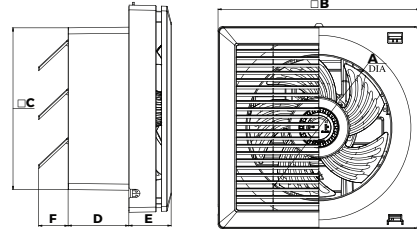
- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 570m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 250x250mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 24m<sup>2</sup> - 79m<sup>2</sup>

680.000

NWV2520

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 31W
- Đường kính cánh: 25cm
- Lưu lượng gió: 888m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 300x300mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 37m<sup>2</sup> - 123m<sup>2</sup>

770.000



Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NWV1520	160	260	190	90	62	30
NWV2020	210	302	240	90	62	45
NWV2520	260	350	290	90	62	50

QUẠT HÚT ÂM TRẦN

KHÔNG DỪNG ỐNG DẪN



NCV1520

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 252m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 11m<sup>2</sup> - 35m<sup>2</sup>

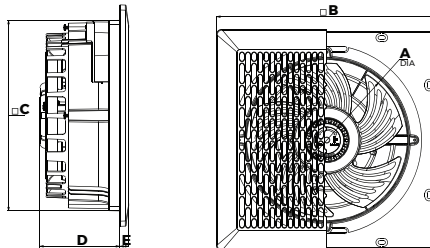
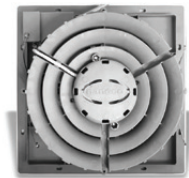
530.000



NCV2020

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 21W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 570m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 24m<sup>2</sup> - 79m<sup>2</sup>

580.000



Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NCV1520	160	260	204	110	12	-
NCV2020	210	302	260	110	12	-

DỪNG ỐNG DẪN



NCV1520-C

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 16W
- Đường kính cánh: 15cm
- Lưu lượng gió: 87.6m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 210x210mm
- Kích thước ống dẫn: Ø100mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 4m<sup>2</sup> - 12m<sup>2</sup>

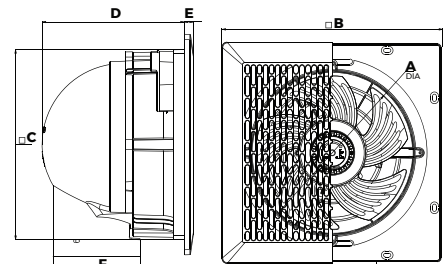
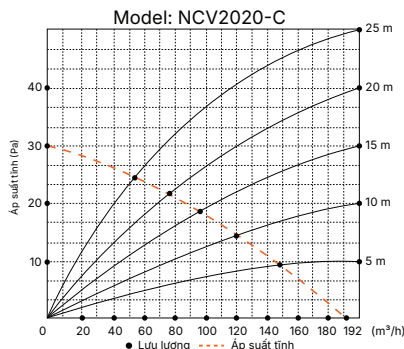
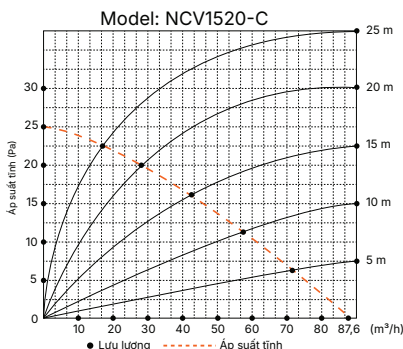
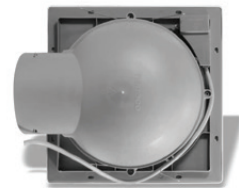
560.000



NCV2020-C

- Điện áp: 220V/50Hz
- Công suất: 18W
- Đường kính cánh: 20cm
- Lưu lượng gió: 192m<sup>3</sup>/h
- Kích thước lỗ khoét: 262x262mm
- Kích thước ống dẫn: Ø110mm
- Độ ồn <50dBA
- Diện tích đề xuất: 8m<sup>2</sup> - 27m<sup>2</sup>

620.000



Model	Kích thước (mm)					
	A	B	C	D	E	F
NCV1520-C	160	260	204	182	12	98
NCV2020-C	210	302	260	195	12	108



**QUẠT TRẦN 3 CÁNH - Ceiling Fan**



**NCF5631-GO** (Vàng đồng - Chiều dài ti 40cm)  
**NCF5631-GOS** (Vàng đồng - Chiều dài ti 30cm)



**NCF5631-W** (Trắng - Chiều dài ti 40cm)  
**NCF5631-WS** (Trắng - Chiều dài ti 30cm)



**NCF5631-K** (Đen - Chiều dài ti 40cm)  
**NCF5631-KS** (Đen - Chiều dài ti 30cm)



Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm  
(nếu thay hộp để âm)

- Điện áp sử dụng: 220V/ 50Hz
- Công suất: 80W
- Chất liệu cánh: Nhôm
- Có dây an toàn

- Đường kính cánh: 140cm
- Lưu lượng gió: 293 m<sup>3</sup>/min
- Động cơ AC - 5 cấp độ gió
- Hộp số có thể lắp âm nếu dùng hộp để âm đơn mặt vuông.

1.470.000

NEW



**NCF5231-PL** (Vân gỗ - Chiều dài ti 37 và 47 cm)



**NCF5231-WL** (Trắng - Chiều dài ti 37 và 47cm)



- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 53W (Quạt: 35W, Đèn Led: 18W)
- 3 cánh - Chất liệu nhựa ABS
- Đường kính cánh: 132cm
- Có dây an toàn - điều khiển remote
- Động cơ DC - 06 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 274,73m<sup>3</sup>/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại: móc treo và pad treo trong cùng 1 thùng quạt

3.500.000

NEW



**NCF6031-K** (Đen - Chiều dài ti 43cm)  
**NCF6031-KS** (Đen - Chiều dài ti 33cm)



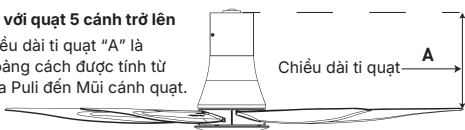
**NCF6031-W** (Trắng - Chiều dài ti 43cm)  
**NCF6031-WS** (Trắng - Chiều dài ti 33cm)



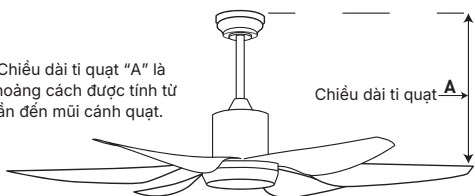
- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 40W
- 3 cánh - Chất liệu nhựa PP-GF
- Đường kính cánh: 150cm
- Có dây an toàn - Điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 9 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 300,76m<sup>3</sup>/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 6h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Tính năng tạo gió mạnh - turbo
- Chế độ sleep

2.230.000

Đối với quạt 5 cánh trở lên  
 Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ giữa Puli đến Mũi cánh quạt.

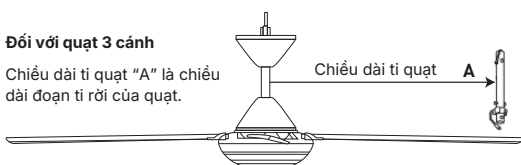


" Chiều dài ti quạt "A" là khoảng cách được tính từ trần đến mũi cánh quạt.



Đối với quạt 3 cánh

Chiều dài ti quạt "A" là chiều dài đoạn ti rời của quạt.



**QUẠT TRẦN 4 CÁNH - Ceiling Fan**



**NCF6041-K** (Đen - Chiều dài ti 33cm)  
**NCF6041-KS** (Đen - Chiều dài ti 23cm)



**NCF6041-W** (Trắng - Chiều dài ti 33cm)  
**NCF6041-WS** (Trắng - Chiều dài ti 23cm)



\*Dự kiến có hàng 05/2026

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 40W
- 4 cánh - Chất liệu nhựa PP-GF
- Đường kính cánh: 150cm
- Có dây an toàn - Điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 09 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 301,98m<sup>3</sup>/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 6h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Tính năng tạo gió mạnh - turbo
- Chế độ sleep

CẬP NHẬT

\*Giá bán đã bao gồm VAT



**BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ**

<https://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

**ProClub**



QUẠT TRẦN 5 CÁNH - Ceiling Fan



- NCF5653-WL** (Trắng - Chiều dài ti 27cm)  
 - Điện áp sử dụng: 220V/50Hz  
 - Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn led: 24W)  
 - 5 cánh - Chất liệu nhựa ABS  
 - Đường kính cánh: 140cm  
 - Có dây an toàn  
 - Điều khiển remote  
 - Động cơ DC  
 - 6 cấp độ gió

- Lưu lượng gió: 312,75m<sup>3</sup>/min
- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ.
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh.
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên

3.850.000

NEW



- NCFD5252L** (Vân gỗ - Chiều dài ti 37cm và 47cm)  
 - Điện áp sử dụng: 220V/50Hz  
 - Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn Led: 24W)  
 - 5 cánh - Chất liệu nhựa ABS  
 - Đường kính cánh: 132cm  
 - Có dây an toàn - Điều khiển remote  
 - Động cơ DC - 06 cấp độ gió  
 - Lưu lượng gió: 294,16m<sup>3</sup>/min

- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại: móc treo và pad treo trong cùng 1 thùng quạt

4.200.000



- NCFD5251** (Vân gỗ - Chiều dài ti 34cm và 44cm)  
 - Điện áp sử dụng: 220V/50Hz  
 - Công suất: 35W  
 - 5 cánh - Chất liệu nhựa ABS  
 - Đường kính cánh: 132cm  
 - Có dây an toàn - điều khiển remote  
 - Động cơ DC  
 - 06 cấp độ gió

- Lưu lượng gió: 258m<sup>3</sup>/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt

3.900.000

NEW



- NCFD5658K** (Đen- Chiều dài ti 41 cm và 51 cm)  
 - Điện áp sử dụng: 220V/50Hz  
 - Công suất: 45W  
 - 5 cánh - Chất liệu nhựa ABS  
 - Đường kính cánh: 140cm  
 - Có dây an toàn - điều khiển remote  
 - Động cơ DC  
 - 06 cấp độ gió

- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt.
- Trang bị 2 loại móc treo trong cùng 1 thùng quạt

CẬP NHẬT

NEW



**NCF6051-K** (Đen - Chiều dài ti 33cm)  
**NCF6051-KS** (Đen - Chiều dài ti 23cm)



**NCF6051-W** (Trắng - Chiều dài ti 33cm)  
**NCF6051-WS** (Trắng - Chiều dài ti 23cm)

- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Công suất: 40W
- 5 cánh - Chất liệu nhựa ABS-GF
- Đường kính cánh: 150cm
- Có dây an toàn - Điều khiển remote
- Động cơ BLDC - 09 cấp độ gió
- Lưu lượng gió: 314,94m<sup>3</sup>/min
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 6h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Tính năng tạo gió mạnh - turbo
- Chế độ sleep

4.200.000

QUẠT TRẦN 6 CÁNH - Ceiling Fan



- NCF5462-GL** (Vàng đồng - Chiều dài ti 41,5cm và 51,5cm)  
 - Điện áp sử dụng: 220V/50Hz  
 - Công suất: 69W (Quạt: 45W, Đèn led: 24W)  
 - 6 cánh - Chất liệu nhựa ABS  
 - Đường kính cánh: 137cm  
 - Có dây an toàn



- NCF5462-SL** (Bạc - Chiều dài ti 41,5cm và 51,5cm)  
 - Điều khiển remote  
 - Động cơ DC  
 - 6 cấp độ gió  
 - Lưu lượng gió: 298,45m<sup>3</sup>/min  
 - Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ.



- NCF5462-PL** (Vân gỗ - Chiều dài ti 41,5cm và 51,5cm)  
 - Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh  
 - Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 8h  
 - Tính năng tạo gió tự nhiên  
 - Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt

3.100.000

QUẠT TRẦN 8 CÁNH - Ceiling Fan



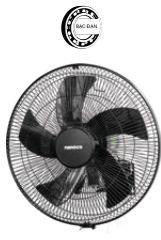
- NCFD6089L** (Vân gỗ - Chiều dài ti 41cm và 51cm)  
 - Điện áp sử dụng: 220V/50Hz  
 - Công suất: 89W (Quạt: 65W, Đèn Led: 24W)  
 - 8 cánh - Chất liệu nhựa ABS  
 - Đường kính cánh: 152cm  
 - Có dây an toàn - điều khiển remote  
 - Động cơ DC  
 - 06 cấp độ gió  
 - Lưu lượng gió: 364,04m<sup>3</sup>/min

- Tích hợp đèn Led có thể thay đổi 3 chế độ
- Tính năng đảo chiều quạt quay hỗ trợ làm mát nhanh khi sử dụng chung với máy lạnh
- Chế độ hẹn giờ tắt: 1h - 2h - 4h - 8h
- Tính năng tạo gió tự nhiên
- Trang bị 2 ống ti trong cùng 1 thùng quạt
- Trang bị 2 loại: móc treo và pad treo trong cùng 1 thùng quạt

5.800.000



**QUẠT TREO TƯỜNG - Wall Fan**



**Quạt treo CN**  
**NWF1670K** (Đen)

- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 81,07 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/ thùng

\* Giá 1 cây **790.000**



**Quạt treo cơ B3**  
**NWF1218GR** (Ghi)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30cm
- Đường kính lồng: 35,5cm
- Công suất: 30W
- Lưu lượng gió: 40,8 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

\* Giá 1 cây **640.000**



**Quạt treo Remote B3**  
**NWF1219RC-GR** (Ghi)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30cm
- Đường kính lồng: 35,5cm
- Công suất: 30W
- Lưu lượng gió: 39,4 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h -3h -6h
- Điều khiển bằng remote

\* Giá 1 cây **800.000**



**Quạt treo CN B5**  
**NWF1870K** (Đen)

- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Công suất: 70W
- Lưu lượng gió: 115,36 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/ thùng

\* Giá 1 cây **920.000**



**Quạt treo cơ**  
**NWF1611G** (Xám)  
**NWF1611BL** (Xanh)  
**NWF1611BE** (Beige)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 65,7 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

\* Giá 1 cây **660.000**



**Quạt treo cơ**  
**NWF1614GR** (Ghi)  
**NWF1614LG** (Xám nhạt)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 72,6 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

\* Giá 1 cây **740.000**



**Quạt treo remote**  
**NWF1612RC-G** (Xám)  
**NWF1612RC-BL** (Xanh)  
**NWF1612RC-BE** (Beige)  
**NWF1612RC-CB** (Xanh Coban)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 66,5 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều khiển bằng remote

\* Giá 1 cây **850.000**



**Quạt treo remote**  
**NWF1615RC-GR** (Ghi)  
**NWF1615RC-LG** (Xám Nhạt)

 **Ampo.vn**

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 77,3 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều khiển bằng remote

\* Giá 1 cây **970.000**



**QUẠT ĐÀO - Orbit Fan**



**Quạt đảo cơ**  
**NOF1609** (Xám trắng)

- Công suất: 47W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 68,5 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cây/thùng

Hộp số lắp nổi

\* Giá 1 cây **710.000**

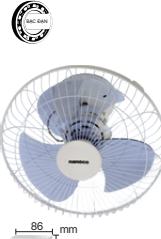


**Quạt đảo cơ**  
**NOF1655BE** (Beige)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 71,1 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

86 mm  
Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay đế âm)

\* Giá 1 cây **750.000**



**Quạt đảo cơ**  
**NOF1650GR** (Ghi)  
**NOF1650BE** (Beige)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 72 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/thùng

86 mm  
Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay đế âm)

\* Giá 1 cây **840.000**



**Quạt đảo cơ B5**  
**NOF1853GR** (Ghi)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Công suất: 65W
- Lưu lượng gió: 93,28 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đóng gói: 2 cái/ thùng

86 mm  
Hộp số lắp nổi hoặc lắp âm (nếu thay đế âm)

\* Giá 1 cây **980.000**



**Quạt đảo remote B5**  
**NOF1852RC-GR** (Ghi)

- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Công suất: 65W
- Lưu lượng gió: 113,64 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều khiển bằng remote
- Đóng gói: 2 cái/ thùng

\* Giá 1 cây **1.140.000**



**Quạt đảo Remote**  
**NOF1651RC-GR** (Ghi)  
**NOF1651RC-BE** (Beige)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 72 m<sup>3</sup>/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều khiển bằng remote
- Đóng gói: 2 cái/thùng

\* Giá 1 cây **1.000.000**

\*Giá bán đã bao gồm VAT



**QUẠT LŨNG - Living Fan**



**Quạt lửng cơ**

NLF1625P (Hồng)  
NLF1625BL (Xanh)  
NLF1625GR (Ghi)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 73,2 m³/min
- Chiều cao: 75-93 cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

830.000



**Quạt bàn B3**

NTF1209G (Xám)  
NTF1209BE (Beige)  
NTF1209P (Hồng)

- Công suất: 30W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 30cm
- Đường kính lồng: 35,5cm
- Lưu lượng gió: 38,2 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

660.000



**Quạt bàn**

NTF1630G (Xám)  
NTF1630BE (Beige)  
NTF1630J (Xanh ngọc)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5 cm
- Lưu lượng gió: 63,6 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

730.000

**QUẠT SÀN - Floor Fan**



**Quạt lửng BCN**

NLF1627K (Đen)

- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 75,52 m³/min
- Chiều cao: 101,5cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

920.000



**Quạt sàn lửng**

NPF1685K (Đen)

- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 75,85 m³/min
- Chiều cao: 82,7 - 97,9cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đong gói: 2 cây/ thùng

980.000

\*Dự kiến có hàng 05/2026

\*Giá 1 cây



**Quạt sàn lửng B5**

NPF1885K (Đen)

- Công suất: 70W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 107,24m³/min
- Chiều cao: 84,8 - 100cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió
- Đong gói: 2 cây/ thùng

1.120.000

\*Dự kiến có hàng 05/2026

\*Giá 1 cây



**Quạt lửng remote**

NLF1624RC-BL (Xanh)  
NLF1624RC-BE (Beige)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 72,2m³/min
- Chiều cao: 75 - 93cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc thau
- 3 cấp độ gió
- Hẹn giờ tắt: 1h-3h-6h
- Điều khiển bằng remote

960.000



**Quạt sàn**

NKF1680K (Đen)

- Công suất: 47W
- 3 cánh quạt
- Lồng vuông đen
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 77,96 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

850.000



**Quạt sàn B5**

NKF1880K (Đen)

- Công suất: 65W
- 3 cánh quạt
- Lồng vuông đen
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 114,48 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

990.000

**QUẠT ĐỨNG - Standing Fan**



**Quạt đứng remote**

NEF1499W (Trắng)  
NEF1499P (Hồng)

- Công suất: 30W
- Điện áp sử dụng: 220V/50Hz
- Động cơ: không chổi than (BLDC)
- Đường kính quạt: 35cm
- Cánh quạt: 7 cánh
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Cấp độ gió: 12 cấp độ
- Lưu lượng gió: 43,34 m³/min
- Chế độ gió: 4 chế độ (Thông thường/ Tự nhiên/ Cảm biến Eco/ Ngủ)
- Hẹn giờ bật/tắt: 1h - 12h
- Điều khiển: Nút nhấn & Remote
- Kích thước: 400 x 380 x 1100mm

2.250.000

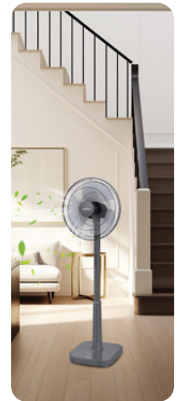


**Quạt đứng remote**

NSF1641RC-GR (Ghi)  
NSF1641RC-DN (Xanh navy)  
NSF1641RC-LG (Xám nhạt)

- Công suất: 50W
- 3 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 86,83 m³/min
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- Chiều cao quạt: 116 - 140cm
- Hẹn giờ tắt: 1h -3h -6h
- Điều khiển bằng phím bấm & remote
- 3 cấp độ gió

1.500.000



**Quạt đứng BCN**

NSF1660K (Đen)

- Công suất: 50W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 40cm
- Đường kính lồng: 44,5cm
- Lưu lượng gió: 76,31m³/min
- Chiều cao: 121,5cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

975.000



**Quạt đứng BCN B5**

NSF1860K (Đen)

- Công suất: 70W
- 5 cánh quạt
- Đường kính cánh: 45cm
- Đường kính lồng: 49cm
- Lưu lượng gió: 109,1m³/min
- Chiều cao: 124,5cm
- Motor dây đồng + sử dụng bạc đạn
- 3 cấp độ gió

1.100.000





**NFF1618W** (Trắng)  
**NFF1618P** (Hồng)

- Điện áp: DC 5V - Lithium: 10.000mAh (± 10%)
- 4 cấp độ gió
- Chất liệu hợp kim nhôm cao cấp và nhựa ABS
- Kích thước xếp: 214 × 214 × 97mm
- Kích thước mở: 214 × 214 × 1.070mm
- Cổng sạc: Type C
- Thời gian sử dụng: 6h - 24h (Tùy vào điều kiện sử dụng)



820.000



**NRF6219W** (Trắng)

- Điện áp: DC 5V/ 2A
- Công suất: 6W - Pin: 3,7V - 3.600mAh
- 4 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Đèn led: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1,5h - 9,5h
- Kích thước sản phẩm: 160,6 × 225 × 94mm (Tùy vào điều kiện sử dụng)

460.000



**NRF5210G** (Xanh)

- Điện áp: DC 5V/ 1A
- Công suất: 5 W - Pin: 3,7V - 1.800 mAh
- 3 cấp độ gió - Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1h - 8h
- Kích thước sản phẩm: 140 × 190 × 110 mm (Tùy vào điều kiện sử dụng)

190.000



**NRF6213G** (Xanh)  
**NRF6213P** (Hồng)

- Điện áp: DC 5V/ 2A
- Công suất: 7W - Pin: 3,7V - 3.600mAh
- 4 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1,5h - 10,5h
- Kích thước sản phẩm: 190 × 250 × 150mm (Tùy vào điều kiện sử dụng)

500.000



**NRF6536W** (Trắng)

- Điện áp: DC 5V/ 2 A
- Công suất: 6W - Pin: 3,7V - 4.000mAh (±10%)
- 3 cấp độ gió - Chức năng xoay: có
- Đèn led: có
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Thời gian sử dụng: 1h-8h
- Kích thước quạt: 207 × 334 × 170mm (Tùy vào điều kiện sử dụng)

570.000



**NRF1230L** (12 inch) ..... 1.720.000  
**NRF1640L** (16 inch) ..... 2.000.000

- Điện áp: DC 12V/ AC 90~240V, 50/60 Hz
- Pin: Lithium - 12.000mAh
- Động cơ: Không chổi than (BLDC)
- Công suất: NRF1230L (20W) & NRF1640L (29W)
- Chất liệu: Cánh: Nhôm & Thân: Kim loại phủ sơn tĩnh điện
- Đường kính cánh: + NRF1230L: 30cm + NRF1640L: 40cm
- Thời gian sạc: 3h-4h
- Thời gian hoạt động: + NRF1230L: Từ 3h - 30h + NRF1640L: Từ 1h - 18h
- Đèn hiển thị hoạt động và adapter: có (Tùy vào điều kiện sử dụng)



**NHF3081B** (Xanh)  
**NHF3081P** (Tím)

- Điện áp: DC5V/2A
- Công suất: 5,8W
- Cổng sạc: Type C
- Thời gian sạc: Khoảng 4,5h
- Thời gian hoạt động: 2h-8h (tùy vào điều kiện sử dụng)
- Dung lượng pin: Lithium 3.000mAh
- Trang bị dây sạc và dây đeo
- Khối lượng sản phẩm: 182g
- Kích thước sản phẩm: 60 × 54,5 × 164mm

460.000

Mạnh  
Lạnh  
QUẠT SẠC  
CẦM TAY



**NHF4858G** (Vàng đồng)

- Điện áp: DC5V/ 2A
- Công suất: 7,3W
- Cổng sạc: Type C
- Có số lạnh
- Thời gian sạc: Khoảng 4,5h
- Thời gian hoạt động: tùy vào điều kiện sử dụng
- + Chỉ sử dụng quạt: 3h - 9h
- + Sử dụng quạt kết hợp làm lạnh: 1,5h - 3h
- Dung lượng pin: Lithium 4.800mAh
- Trang bị dây sạc
- Khối lượng sản phẩm: 220g
- Kích thước sản phẩm: 60 × 62 × 184mm

650.000



ĐA DẠNG CÁCH DÙNG:  
QUẠT ĐỨNG, QUẠT BÀN, QUẠT TREO



**NRF9025W** (Trắng)  
**NRF9025P** (Hồng)

- Điện áp: AC 220V 50/60Hz/ DC 18V 1,2A
- Động cơ: không chổi than (BLDC)
- Công suất: 21W
- Chất liệu: Nhựa ABS
- Đường kính cánh: 24cm
- Pin: Lithium 10.000mAh
- Thời gian sạc: 5h - 7h
- Thời gian hoạt động: 1h - 20h
- Đèn hiển thị hoạt động và adapter: có
- Điều khiển: Cảm ứng & Remote
- Kích thước sản phẩm: 307 × 307 × 1.067mm (Tùy vào điều kiện sử dụng)

2.100.000



# THIẾT BỊ ĐIỆN GIA DỤNG



**BẾP TỪ ĐÔI NACL481**

## \*Công nghệ Half-Bridge

NACL481 trang bị công nghệ Half-Bridge hiện đại, nhờ đó bạn có thể thỏa sức chế biến vạn món ngon bùng vị mà không dẫn đo tiêu tốn quá nhiều năng lượng.

## \*Đa chức năng

Bếp từ NACL481 tích hợp nhiều chức năng như hâm nóng (Warm), hấp (Stew), xào (Stir-fry), nấu nhanh (Booster), khóa trẻ em (Lock) và hẹn giờ (Timer), đáp ứng đa dạng nhu cầu của người sử dụng.

## \*Cảm ứng trượt

Bếp có 2 bảng điều khiển độc lập với màn hình LED và cảm ứng trượt hiện đại, giúp thao tác dễ dàng và thuận tiện.

## \*Tính năng an toàn

Tự động ngắt khi quá nhiệt, khi sử dụng sai dụng cụ nấu hoặc khi nước trào ra bề mặt bếp, đảm bảo an toàn tối đa trong quá trình sử dụng.



- BÌNH ĐUN SIÊU TỐC
- BÌNH THỦY ĐIỆN



- NỒI CƠM ĐIỆN
- NỒI ĐIỆN ĐA NĂNG



- NỒI NẤU CHẬM
- MÁY VẮT CAM



- BẾP ĐIỆN
- MÁY HÚT MÙI



- MÁY Sưởi CÓ THÔNG GIÓ
- MÁY Sưởi DẦU



- MÁY LỌC KHÔNG KHÍ
- MÁY HÚT ẨM



- TỦ SẤY QUẦN ÁO
- MÁY BƠM NƯỚC



**BÌNH ĐUN SIÊU TỐC - Kettle**



**NKT1886N** (Bình đun thân bóng)  
**NKT1887N** (Bình đun thân nhám)  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.800W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - đỏ  
 - Kích thước sản phẩm: 216 × 159 × 235mm

250.000

NEW



**NKT1862**  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.800W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - cam  
 - Kích thước sản phẩm: 208 × 135 × 235mm

335.000



**NKT2241B** (Xanh dương)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 1.800W  
 - Dung tích: 2,2L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - đỏ  
 - Kích thước sản phẩm: 225 × 168 × 238mm

330.000



**NKT3018BR** (Nâu)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 1.800W  
 - Dung tích: 3,0L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 201 cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - cam  
 - Kích thước sản phẩm: 210 × 190 × 290mm

370.000



**NKT1761DB** (Xanh đen)  
**NKT1761G** (Xanh lá)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 1.200-1.450 W  
 - Dung tích: 1,7L  
 - Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - xanh  
 - Kích thước sản phẩm: 210 × 145 × 225mm

370.000

NEW



**NKT1890BE** (Beige)  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.500W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - cam  
 - Kích thước sản phẩm: 222 × 170 × 250mm

360.000



**NKT1875W** (Trắng)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 1.500W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu ruột bình: Thủy tinh cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - xanh  
 - Kích thước sản phẩm: 221 × 210 × 240mm

370.000



**NKT1718G** (Xanh)  
**NKT1718BE** (Beige)  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.850-2.200W  
 - Dung tích: 1,7L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304  
 - Đèn LED: Đèn báo cam  
 - Kích thước sản phẩm: 210 × 151 × 259,5mm

440.000



**NKT1702**  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.850 - 2.200W  
 - Dung tích: 1,7L  
 - Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - xanh  
 - Kích thước sản phẩm: 216 × 161 × 244mm

440.000



**NKT1790**  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.850-2.200W  
 - Dung tích: 1,7L  
 - Chất liệu ruột bình: Thủy tinh chịu nhiệt cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - xanh  
 - Kích thước sản phẩm: 216 × 151 × 244mm

440.000



**NKT1889B** (Xanh)  
**NKT1889Y** (Vàng)  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.800W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304  
 - Đèn LED: hiển thị nhiệt độ  
 - Kích thước sản phẩm: 230 × 170 × 255mm

420.000



**NKT1791G** (Xanh ngọc)  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.850-2.200W  
 - Dung tích: 1,7L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304  
 - Điều khiển: Cảm ứng, LED thông minh  
 - Kích thước sản phẩm: 215 × 175 × 258mm  
 - Có tính năng giữ ấm theo 4 mức nhiệt (40°C - 70°C - 80°C - 90°C)

620.000



NEW



**NKT1819DB** (Xanh đen)  
**NKT1819GL** (Vàng đồng)  
 - Điện áp: 220-240V, 50/60Hz  
 - Công suất: 1.500W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu ruột bình: Inox 304 cao cấp  
 - Đèn LED: Đèn báo - cam  
 - Kích thước sản phẩm: 215 × 159 × 250mm

430.000

**BÌNH THỦY ĐIỆN - Electric thermos pot**



**NETF320** (Beige)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 750W  
 - Dung tích: 3,2L  
 - Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ nhựa pp  
 - Kích thước sản phẩm: 310 × 230 × 300mm  
 - Kích thước hộp: 270 × 270 × 360mm  
 - Khối lượng: 2,75Kg

1.230.000



**NETF500** (Xanh đen)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 750W  
 - Dung tích: 5L  
 - Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ kim loại  
 - Kích thước sản phẩm: 295 × 230 × 370mm  
 - Kích thước hộp: 266 × 266 × 420mm  
 - Khối lượng: 2,6Kg

1.280.000



**NETF400** (Bạc)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 750W  
 - Dung tích: 4L  
 - Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ kim loại  
 - Kích thước sản phẩm: 305 × 230 × 350mm  
 - Kích thước hộp: 273 × 273 × 380mm  
 - Khối lượng hộp: 2,7Kg

1.230.000

NEW



**NETF502** (Trắng)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 1.200W  
 - Dung tích: 5L  
 - Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ nhựa PP  
 - Kích thước sản phẩm: 310 × 245 × 380mm  
 - Kích thước hộp: 295 × 295 × 405 mm  
 - Khối lượng: 3,1Kg

1.770.000



NEW



**NETF501** (Xám)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 1.600W  
 - Dung tích: 5L  
 - Chất liệu: Lòng bình inox 304 và vỏ kim loại  
 - Kích thước sản phẩm: 300 × 240 × 365mm  
 - Kích thước hộp: 300 × 240 × 365mm  
 - Khối lượng: 2,75Kg

1.450.000



**BÌNH THỦY ĐIỆN**

- ĐỂ ẤM 24H
- KHÓA BẢO AN TOÀN
- HIỂN THỊ SỐ NHIỆT ĐỘ
- ĐIỀU KHIỂN CẢM ỨNG
- DUNG TÍCH 5L
- AN TOÀN TRUYỀN CÁCH
- CÔNG SUẤT 1600W

\*Giá bán đã bao gồm VAT



**BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ**

<https://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thủ  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



**ProClub**

NỒI CƠM ĐIỆN NẮP GÀÌ - Rice Cooker



**NRC0801W** (Trắng cam)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 250W  
 - Dung tích: 0,8L  
 - Điều khiển: Nút nhấn  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính Whitford, dày 1,4mm  
 - Kích thước sản phẩm: 220 x 200 x 224mm  
 - Khối lượng hộp: 1,95 Kg

630.000

NEW



**NRC1010P** (Hồng)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 350W  
 - Dung tích: 1L  
 - Điều khiển: Nút nhấn  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm  
 - Kích thước sản phẩm: 306 x 263 x 247mm  
 - Khối lượng hộp: 3,33kg

970.000



**NRC1850DB** (Xanh đen)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 700W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,4mm  
 - Kích thước sản phẩm: 286 x 275 x 292mm  
 - Khối lượng hộp: 3,1kg

920.000



**NRC2250G** (Xanh lá)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 900W  
 - Dung tích: 2,2L  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,5mm  
 - Kích thước sản phẩm: 286 x 275 x 305mm  
 - Khối lượng hộp: 3,4kg

960.000



**NRC1206W** (Trắng)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 500W  
 - Dung tích: 1,2L  
 - Điều khiển: Nút nhấn  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính Whitford, dày 1,5mm  
 - Kích thước sản phẩm: 288 x 280 x 228mm  
 - Khối lượng hộp: 3,1 Kg

950.000

NỒI CƠM ĐIỆN NẮP RỜI - Rice Cooker



**NRC1201G** (Xanh lá)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 400W  
 - Dung tích: 1,2L  
 - Điều khiển: Nút nhấn  
 - Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính  
 - Kích thước sản phẩm: 214 x 225 x 225mm  
 - Khối lượng hộp: 1,37 kg

525.000



**NRC1802G** (Xanh lá)  
**NRC1802DB** (Xanh đen)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 700W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính  
 - Kích thước sản phẩm: 254 x 255 x 255mm  
 - Khối lượng hộp: 1,93kg

635.000



**NRC2203G** (Xanh lá)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 900W  
 - Dung tích: 2,2L  
 - Chất liệu: Hợp kim nhôm phủ chống dính  
 - Kích thước sản phẩm: 266 x 275 x 275mm  
 - Khối lượng hộp: 2,33kg

745.000

NỒI, CHẢO - Cookware



**NCWY320**  
 - Kích thước: D=26 cm  
 - Chất liệu: Inox 410  
 - Khối lượng: 320 gram  
 - Đáy: cảm ứng từ  
 - Tay cầm: nhựa PP chịu nhiệt  
 - Kích thước thùng: 680 x 570 x 285mm  
 - Đóng gói: 20 cái/ thùng

100.000



**NCWS850**  
 - Gồm: + Nồi D=18 cm và D=24cm (có nắp)  
 + Quán (nồi) D=16cm - (Có nắp)  
 + Chảo D=24cm - (Có nắp)  
 - Độ dày đáy: 5 lớp  
 - Chất liệu: Inox 304 cao cấp  
 - Đáy: bắt từ  
 - Khối lượng: 5kg/ bộ  
 Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.250.000

NEW



**NRC1520GL** (Vàng đồng)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 650W  
 - Dung tích: 1,5L  
 - Điều khiển: Nút nhấn  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm  
 - Kích thước sản phẩm: 281 x 318 x 250mm  
 - Khối lượng hộp: 3,11kg

940.000

\*Dự kiến có hàng 05/2026

NEW



**NRC1880DB** (Xanh đen)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 700W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Điều khiển: Nút nhấn  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm  
 - Kích thước sản phẩm: 281 x 318 x 267mm  
 - Khối lượng hộp: 3,32kg

990.000

\*Dự kiến có hàng 05/2026

NEW



**NRC1860P** (Hồng)  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 700W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Điều khiển: Nút nhấn  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,4mm  
 - Kích thước sản phẩm: 290 x 290 x 314mm  
 - Khối lượng hộp: 3,45kg

1.120.000

NỒI CƠM ĐIỆN TỬ - Digital Rice Cooker



NEW



**NRC1807GO** (Vàng đồng)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 900W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Điều khiển: Cảm ứng & màn hình Led  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,9mm  
 - Kích thước sản phẩm: 365 x 315 x 280mm  
 - Khối lượng hộp: 5,15kg

1.790.000



NEW



**NRC1818M** (Đen)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 800W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Điều khiển: Cảm ứng & màn hình Led  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,5mm  
 - Kích thước sản phẩm: 320 x 260 x 230mm  
 - Khối lượng hộp: 3,8kg

1.610.000



NEW



**NRC1202BE** (Trắng)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 500W  
 - Dung tích: 1,2L  
 - Điều khiển: Nút nhấn & màn hình Led  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính tổ ong, dày 1,5mm  
 - Kích thước sản phẩm: 320 x 260 x 230mm  
 - Khối lượng hộp: 2,2kg

1.050.000



NEW

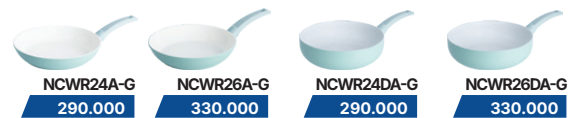


**NRC1802BE** (Trắng)  
 - Điện áp: 220V, 50Hz  
 - Công suất: 800W  
 - Dung tích: 1,8L  
 - Điều khiển: Cảm ứng màn hình Led  
 - Chất liệu: Lòng nồi phủ chống dính, dày 1,5mm  
 - Kích thước sản phẩm: 330 x 275 x 235mm  
 - Khối lượng hộp: 3,85kg

1.250.000



\*Dự kiến có hàng 05/2026



290.000

330.000

290.000

330.000

• Kích thước (cm)	D24 x H4,8	D26 x H5,0	D24 x H7,0	D26 x H7,5
• Độ dày vành	4mm	4mm	2,5mm	2,5mm
• Đáy	Cảm ứng từ			
• Tay cầm	Bakelite với sơn silicon tạo cảm giác mềm mại			
• Chất liệu	Hợp kim nhôm cao cấp, phủ chống dính: Ceramic, không chứa PFOA			
• Khối lượng sản phẩm (Kg)	0,66	0,72	0,71	0,81
• Kích thước thùng (mm)	520 x 340 x 140	520 x 340 x 150	520 x 340 x 180	560 x 360 x 190
• Khối lượng thùng (Kg)	4,6	5	4,8	5,5
• Đóng gói	06 cái/ thùng			





NỒI, CHẢO & NỒI ĐIỆN ĐA NĂNG - Cookware & Multi Pot



**NMP160W** (Trắng)  
**NMP160P** (Hồng)

- Điện áp: 220-240V - 50/ 60Hz
- Công suất: 700W
- Chất liệu: Inox 410, phủ chống dính
- Thể tích: 1,6L
- Kích thước sản phẩm: 360 × 185 × 135mm
- Kích thước hộp: 400 × 205 × 117mm
- Khối lượng: 1,35 kg

360.000



**NCWR650**

- Gồm: + Nồi (18 × 8) cm, có nắp
- + Nồi lớn (20 × 9) cm, có nắp
- + Chảo (24 × 7) cm, có nắp
- Màu sắc: Vàng kem
- Chất liệu: Hợp kim nhôm cao cấp
- Độ dày vành: 4.0mm
- Khối lượng sản phẩm: 3,5kg/ bộ

CẬP NHẬT



**NCWS540**

- Gồm: + Nồi D=18cm và D=24cm (có nắp)
- + Chảo D=24cm
- Màu sắc: Vàng kem
- Chất liệu: + Thân nồi: hợp kim nhôm cao cấp
- + Phủ lớp đá cẩm thạch chống dính, chịu nhiệt
- + Tay cầm bằng Bakelite với silicon mềm mại
- Khối lượng: 3,5 kg/ bộ
- Sản phẩm dùng được cho tất cả các loại bếp

1.070.000



**NỒI NẤU CHẬM - Slow cooker**



**NSC2175P** (Hồng)

- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 175W - Dung tích: 2L
- Chất liệu nắp: Sứ
- Chất liệu lòng nồi: Sứ phủ men
- Chất liệu thành nồi: Nhôm & nhựa
- Chức năng: có 7 chức năng nấu và 1 chế độ giữ ấm
- Chế độ hẹn giờ nấu lên đến 9 giờ
- Kích thước sản phẩm: 256 × 247 × 225mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,5kg

\*Dự kiến có hàng 04/2026

CẬP NHẬT



**MÁY VẮT CAM - Citrus Extractor**



**NCE4007Y** (Vàng)  
**NCF4007G** (Xanh)

- Điện áp: 220-240V/ ~ 50Hz
- Công suất: 40W - Dung tích: 0,7L
- Chất liệu: Nhựa PP, ABS
- Bộ điều chỉnh lưới lọc
- Trang bị 2 đầu vắt
- Kích thước sản phẩm: 190 × 140 × 205mm
- Khối lượng sản phẩm: 0,64kg

\*Dự kiến có hàng 05/2026

CẬP NHẬT



**NSC3215** (Trắng)

- Điện áp: 220V/ 50Hz
- Công suất: 215W - Dung tích: 3L
- Chất liệu nắp: Kính cường lực
- Chất liệu lòng nồi: Sứ phủ men
- Chất liệu thành nồi: Nhôm & nhựa
- Chế độ: 3 chế độ (Hãm nhanh (Cao) - Hãm chậm (Thấp) - Giữ ấm
- Kích thước sản phẩm: 276 × 274 × 238mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,8kg

\*Dự kiến có hàng 04/2026

CẬP NHẬT



**NCE40100R** (Cam)

- Điện áp: 220-240V/ ~ 50Hz
- Công suất: 40W - Dung tích: 1L
- Chất liệu: Nhựa PP, ABS
- Bộ điều chỉnh lưới lọc
- Trang bị 2 đầu vắt
- Kích thước sản phẩm: 190 × 140 × 205mm
- Khối lượng sản phẩm: 0,69kg

\*Dự kiến có hàng 05/2026

CẬP NHẬT



**BẾP HỒNG NGOẠI ĐƠN - Single Infrared cooker**



**NICL665** - Bếp hồng ngoại

- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W
- Chất liệu: Mặt kính Crystal nhám
- Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 360 × 280 × 65mm
- Khối lượng: 2,54kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

750.000



**NICL350** - Bếp hồng ngoại

- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W
- Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng
- Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 420 × 298 × 65mm
- Khối lượng: 2,54kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

920.000



**BẾP TỪ ĐƠN - Single Induction cooker**



**NICL234** - Bếp điện từ

- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 1.700W
- Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng siêu bền
- Điều khiển: Cảm ứng & núm vặn, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 280 × 360 × 65mm
- Khối lượng: 1,6kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

CẬP NHẬT



**NICY660** - Bếp điện từ

- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 1.800W-2.000W
- Chất liệu: + Mặt kính: Crystal bóng
- + Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED
- Kích thước: 350 × 280 × 60mm
- Khối lượng: 2,3 kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

1.020.000



**NICK667** - Bếp điện từ

- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 2.000W
- Chất liệu: + Mặt kính: Crystal bóng
- + Mâm nhiệt: 100% dây đồng
- Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED
- Kích thước sản phẩm: 280 × 360 × 65mm
- Khối lượng: 2,15kg
- Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

1.180.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



**BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ**

<https://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ đầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



**ProClub**

BẾP TỬ ĐƠN - Single Induction cooker



**NICK839** - Bếp điện từ  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 1.850W - 2.000W  
 - Chất liệu: Mặt kính Crystal  
 - Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED  
 - Kích thước sản phẩm: 290 x 370 x 42mm  
 - Khối lượng: 2,8kg  
 - Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

1.080.000



**NICK662** - Bếp điện từ  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 1.850W-2.000W  
 - Chất liệu:  
 + Mặt kính: Crystal bóng  
 + Mâm nhiệt: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED  
 - Kích thước sản phẩm: 280 x 350 x 52mm  
 - Khối lượng: 2,4kg  
 - Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

1.080.000



**NICS647** - Bếp điện từ  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 2.000W  
 - Chất liệu:  
 + Mặt kính: Ceramic bóng  
 + Mâm nhiệt: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng thông minh, màn hình LED  
 - Kích thước: 350 x 280 x 47mm  
 - Khối lượng: 2,6kg  
 - Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện

1.180.000



**NICK679** - Bếp điện từ  
 - Điện áp: 220-240V, 50-60Hz  
 - Công suất: 2.000W  
 - Công suất tăng cường: 2.200W  
 - Chất liệu:  
 + Mặt kính: Crystal bóng  
 + Mâm nhiệt: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại  
 - Kích thước sản phẩm: 320 x 390 x 80mm  
 - Kích thước lỗ khoét: 270 x 360mm  
 - Khối lượng: 3,9kg  
 - Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện  
 - Trang bị tính năng chống tràn

1.650.000



BẾP TỬ ĐÔI - Double Induction cooker



**NICK485** - Bếp điện từ đôi  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 1.800W+1.700W  
 - Chất liệu:  
 + Mặt kính: Crystal bóng  
 + Mâm nhiệt: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại  
 - Kích thước sản phẩm: 578 x 368 x 55mm  
 - Khối lượng: 5,1kg  
 - Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện

5.480.000



**NICK290** - Bếp điện kết hợp từ & hồng ngoại  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất vùng nấu từ: 2000W, Booster: 2.200W  
 - Công suất vùng hồng ngoại: 2.000W  
 - Loại mâm nhiệt vùng nấu từ: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại  
 - Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng  
 - Kích thước sản phẩm: 734 x 433 x 84mm  
 - Kích thước lỗ khoét: 675 x 390mm  
 - Khối lượng: 10kg  
 - Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện  
 - Trang bị tính năng chống tràn

6.900.000



**NICK483** - Bếp điện từ đôi  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 2.000W+2.000W  
 - Booster 2 vùng lên tới 4400W  
 - Loại mâm nhiệt: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại  
 - Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng  
 - Kích thước sản phẩm: 734 x 433 x 83mm  
 - Kích thước lỗ khoét: 675 x 390mm  
 - Khối lượng: 9,6kg  
 - Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện  
 - Trang bị tính năng chống tràn

8.500.000



**NICK482** - Bếp điện từ đôi  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 2.000W+2.000W  
 - Booster 2 vùng lên tới 4.400W  
 - Loại mâm nhiệt: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại  
 - Chất liệu: Mặt kính Crystal bóng  
 - Kích thước sản phẩm: 734 x 433 x 82mm  
 - Kích thước lỗ khoét: 675 x 390mm  
 - Khối lượng: 10kg  
 - Tự động ngắt khi quá tải nhiệt & điện  
 - Trang bị tính năng chống tràn

10.000.000



**NICK481** - Bếp điện từ đôi  
 - Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 2.400W+2.400W  
 - Booster 2 vùng lên tới 5.200W  
 - Loại mâm nhiệt: 100% dây đồng  
 - Điều khiển: Cảm ứng trượt hiện đại  
 - Chất liệu: Mặt kính Ceramic bóng  
 - Kích thước sản phẩm: 731 x 431 x 84mm  
 - Kích thước lỗ khoét: 675 x 390mm  
 - Khối lượng: 14kg  
 - Tự động tắt khi quá tải nhiệt & điện  
 - Trang bị tính năng chống tràn  
 - Trang bị công nghệ HALF BRIDGE - sôliu riu

10.900.000



MÁY HÚT MÙI - Range Hood



**NRH701B**  
 - Điện áp: 220 -240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 200W  
 - Công suất đèn: 3W  
 - Động cơ: Bạc đạn  
 - Lực hút tối đa: 800m³/h  
 - Đường kính lỗ thoát: 150mm  
 - Tầm lọc: bằng nhôm, 2 cái x 3 lớp  
 - Kích thước sản phẩm: 695 x 280 x 305mm  
 - Khối lượng: 9kg  
 - Đóng gói: 01 bộ/ thùng  
 - Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm

2.900.000



**NRH702B**  
 - Điện áp: 220 -240V, 50/ 60Hz  
 - Công suất: 200W  
 - Công suất đèn: 3W  
 - Động cơ: BLDC - 100% dây đồng  
 - Lực hút tối đa: 1.280m³/h  
 - Đường kính lỗ thoát: 160mm  
 - Tầm lọc: bằng kim loại 2 vách ngăn  
 - Kích thước sản phẩm: 700 x 420x 400mm  
 - Khối lượng: 15kg  
 - Đóng gói: 01 bộ/ thùng  
 - Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm

5.000.000



ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ đầu  
 \*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

https://kimquang.vn

\*Giá bán đã bao gồm VAT



MÁY HÚT MÙI – Range Hood

NEW



NRH703M

- Điện áp: 220-240V, 50/ 60Hz
- Công suất: 130W
- Công suất đèn: 3W
- Động cơ: AC motor
- Lực hút tối đa: 550m<sup>3</sup>/h
- Đường kính lỗ thoát: 120mm
- Tấm lọc: bằng nhôm, 2 cái x 3 lớp
- Kích thước sản phẩm: 695 x 470 x 135mm
- Khối lượng: 7,5kg
- Đóng gói: 01 bộ/ thùng
- Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm



2.800.000

NEW

NRH703B

- Điện áp: 220V, 50Hz
- Công suất: 130W
- Công suất đèn: 3W
- Động cơ: AC motor
- Lực hút tối đa: 550m<sup>3</sup>/h
- Đường kính lỗ thoát: 120mm
- Tấm lọc: bằng nhôm, 2 cái x 3 lớp
- Kích thước sản phẩm: 695 x 470 x 135mm
- Khối lượng: 7,5kg
- Đóng gói: 01 bộ/ thùng
- Có than hoạt tính đi kèm sản phẩm



2.650.000



MÁY SỬI CÓ THÔNG GIÓ - Bathroom Dryer

NBD0330

- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  - + Sưởi PTC: 2200W
  - + Quạt hút: 35W
  - + Làm mát: 35W
  - + Đèn: 13 W
- Kích thước khoét lỗ: 275 x 275mm
- Lưu lượng gió: 140 m<sup>3</sup>/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 300 x 300 x 166,3mm - 4,2Kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng



2.200.000

NBD2560

- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  - + Sưởi PTC: 2400W
  - + Quạt hút: 40W
  - + Làm mát: 40W
  - + Đèn: 18W
- Kích thước khoét lỗ: 305 x 605mm
- Lưu lượng gió: 150m<sup>3</sup>/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 634 x 334 x 138,4mm - 5,9kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng



2.750.000

NEW



NBD2561

- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  - + Sưởi PTC: 2600W
  - + Quạt hút: 40W
  - + Làm mát: 40W
  - + Đèn: 25W
- Kích thước khoét lỗ: 305 x 605mm
- Lưu lượng gió: 150m<sup>3</sup>/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 600 x 300 x 130mm - 5.8kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng



3.250.000

NEW

NBD2562

- Điện áp: 220V, 50Hz
- Chất liệu: nhựa PC và PP
- Công suất:
  - + Sưởi PTC: 2400W
  - + Quạt hút: 40W
  - + Làm mát: 40W
  - + Đèn: 24W
- Kích thước khoét lỗ: 305 x 605mm
- Lưu lượng gió: 150m<sup>3</sup>/h
- Điều khiển: Remote
- Sản phẩm: 634 x 334 x 138,4 mm - 5,9kg
- Chức năng: Sưởi ấm, sấy khô, gió mát, thông gió và đèn sáng



2.950.000

MÁY SỬI DẦU - Oil Heater



NOH2614RC

- Điện áp sử dụng: 220-240V/ 50-60Hz
- Công suất: 2.600W
- Phạm vi sử dụng: 15-20m<sup>2</sup>
- Điều khiển: Cảm ứng + remote
- Mức độ nhiệt: 3 mức độ (1.000W - 1.500W - 2.600W)
- Nhiệt độ: từ 15°C đến 45°C
- Số thanh tỏa nhiệt: 13 thanh
- Kích thước thanh: 145x575mm
- Hạn giờ: Có
- Có giá treo quần áo, hộp đựng tinh dầu
- Tự động ngắt khi đổ ngã
- Kích thước sản phẩm: 550 x 290 x 620mm



2.750.000

NOH2613

- Điện áp sử dụng: 220-240V/ 50-60Hz
- Công suất: 2.600W
- Phạm vi sử dụng: 15-20m<sup>2</sup>
- Điều khiển: Nút vặn
- Mức độ nhiệt: 3 mức độ (1.000W - 1.500W - 2.600W)
- Nhiệt độ: từ 15°C đến 45°C
- Số thanh tỏa nhiệt: 13 thanh
- Kích thước thanh: 145x575mm
- Có giá treo quần áo, hộp đựng tinh dầu
- Tự động ngắt khi đổ ngã
- Kích thước sản phẩm: 550 x 290 x 620mm



2.100.000

MÁY LỌC KHÔNG KHÍ - Air Purifier



NAP2725

- Điện áp: 100-240V ~ 50/60Hz
- Phạm vi sử dụng: 25 - 30m<sup>2</sup>
- Công suất: 27W
- Lưu lượng không khí (CADR): 210m<sup>3</sup>/h (118CFM)
- Loại motor: DC
- Điều khiển: cảm ứng
- Cấp độ gió: 3 cấp độ
- Khả năng lọc: Lọc bụi kích thước 0,3µm
- Chế độ: Tự động
- Tích hợp cảm biến bụi PM2.5
- Tích hợp công nghệ ion âm
- Hạn giờ: 2h - 4h - 8h
- Chức năng cảnh báo bộ lọc/ Khóa trẻ em/Thế hiện chất lượng không khí qua màu sắc
- Khử khuẩn bằng đèn UV
- Loại lưới lọc: HEPA H13 & Carbon
- Sử dụng cho người và PET
- Kích thước sản phẩm: 278 x 278 x 515mm
- Khối lượng sản phẩm: 2,9kg



3.300.000



NAP9933S

- Điện áp: 100-240V ~ 50/60Hz
- Phạm vi sử dụng: 30 - 40m<sup>2</sup>
- Công suất: 35W
- Lưu lượng không khí (CADR): 350m<sup>3</sup>/h (200CFM)
- Loại motor: DC
- Điều khiển: Cảm ứng và App
- Cấp độ gió: 3 cấp độ & cấp tự động
- Khả năng lọc: Lọc bụi kích thước 0,3µm
- Chế độ: Tự động/ Ngủ
- Tích hợp cảm biến bụi PM2.5
- Hạn giờ: 2h - 4h - 8h
- Chức năng cảnh báo bộ lọc/ Khóa trẻ em/Thế hiện chất lượng không khí qua màu sắc
- Chức năng khuếch tán tinh dầu
- Loại lưới lọc: Lưới lọc thô & HEPA H13 & Carbon
- Sử dụng cho người và PET
- Kích thước sản phẩm: 257 x 253 x 490mm
- Khối lượng sản phẩm: 4,0kg



4.600.000

\*Giá bán đã bao gồm VAT



BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

<https://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng



MÁY HÚT ẨM - Dehumidifier



Thông số kỹ thuật		NDH102	NDH103	NDH163	NDH205	NDH256	NDH304
		3.650.000	3.830.000	5.100.000	5.600.000	6.200.000	6.500.000
Phạm vi sử dụng	(m <sup>2</sup> )	10 - 15m <sup>2</sup>	10 - 15m <sup>2</sup>	16 - 24m <sup>2</sup>	20 - 30m <sup>2</sup>	25 - 42m <sup>2</sup>	30 - 45m <sup>2</sup>
Khả năng hút ẩm (30°C - 80%)	(L/D)	10	10	16	20	25	30
Công suất (32°C - 90%)	(W)	220	200	290	360	400	420
Bình chứa	(L)	2,4	2,5	3,5	5,5	6,5	4,7
Loại máy		Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh	Nén lạnh
Điều khiển		Cảm ứng	Cảm ứng - Thanh trượt Điều chỉnh tăng giảm	Cảm ứng - Thanh trượt Điều chỉnh tăng giảm	Cảm ứng	Cảm ứng	Nút nhấn
Lực hút	(m <sup>3</sup> /h)	92	120	195	195	195	220
Tốc độ		2	2	2	2	2	2
Khóa trẻ em		*	-	-	*	*	*
Gas làm lạnh		R290	R290	R290	R290	R290	R290
Hẹn giờ	(h)	1-24h	1-24h	1-24h	1-24h	1-24h	1-24h
Báo độ ẩm		-	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	Có hiển thị cấp độ độ ẩm qua màu sắc	-
Báo và tự động tắt khi đầy bình chứa		*	*	*	*	*	*
Tích hợp sấy quần áo		-	*	*	*	*	-
Màng lọc		Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô	Carbon, bụi thô
Cảnh báo thay bộ lọc		-	-	-	-	-	*
Tuổi thọ màng lọc		1 năm	1 năm	1 năm	1 năm	1 năm	1 năm
Chế độ hoạt động		Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ quạt	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm mạnh Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm mạnh Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ	Chế độ hút ẩm thông thường Chế độ hút ẩm mạnh Chế độ hút ẩm liên tục Chế độ quạt Chế độ ngủ
Khối lượng sản phẩm	(Kg)	10	8,5	12	12,5	13	14
Kích thước sản phẩm (C x R x S):	(mm)	310x200x570	250x250x528	260x260x618	350x200x600	340x240x570	390x260x500

TỦ SẤY QUẦN ÁO - Clothes dryer



- NCD1502**
- Điện áp: 220V/ 50Hz
  - Công suất: 1500W
  - Sức chứa quần áo khô: ≤20 kg
  - Hẹn giờ: tối đa 180 phút
  - Điều khiển: Nút vặn
  - Kích thước sản phẩm: 800 x 450 x 1700mm
  - Khối lượng sản phẩm: 4,5kg

1.440.000



- NCD2024RC**
- Điện áp: 220V/ 50Hz
  - Công suất: 2000W
  - Sức chứa quần áo khô: ≤ 30kg
  - Hẹn giờ tối đa: 240 phút
  - Điều khiển: Remote + Cảm ứng
  - 3 cấp độ: Quạt (Lạnh) - 1000W (Nóng) - 2000W (Nóng)
  - Kích thước sản phẩm: 900 x 500 x 1700mm
  - Khối lượng sản phẩm: 5,7kg

2.020.000



- NCD2006**
- Điện áp: 220V/ 50Hz
  - Công suất: 2000W
  - Sức chứa quần áo khô: ≤30kg
  - Hẹn giờ: tối đa 180 phút
  - Điều khiển: Nút vặn
  - Kích thước sản phẩm: 900 x 500 x 1700mm
  - Khối lượng sản phẩm: 6,0kg

1.770.000



- NCD2207**
- Điện áp: 220V/50 Hz
  - Công suất: 2200W
  - Sức chứa quần áo khô: ≤ 50 kg
  - Hẹn giờ tối đa: 180 phút
  - Điều khiển: Nút vặn
  - Kích thước sản phẩm: 1000 x 500 x 1800mm
  - Khối lượng sản phẩm: 6,9kg

1.990.000



MÁY BƠM NƯỚC TĂNG ÁP 1 THIẾT BỊ



\*Cấp bảo vệ IP68  
\*Nhựa kĩ thuật

\*Độ ồn <50 db(A)  
\*Nhiệt độ chất lỏng ≤ 75 °C

\*Đầu vào/ra : G1/2

Mã hàng	Điện áp	Công suất (W)	Lưu lượng tối đa (l/min)	Đường kính ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Giá bán
NMBP50	24V (DC)	50	15	21	11	1.390.000
NMBP80		80	21,7	21	16	1.440.000

MÁY BƠM NƯỚC TĂNG ÁP TỰ ĐỘNG



Tăng áp điện tử

\*Bơm có cảm biến dòng chảy  
\*Dây điện 1,8m + phích cắm

\*Cổ bầu áp lực bằng kim loại  
\*Bơm dùng được cho cả nước NÓNG VÀ LẠNH

Mã hàng	Công suất		Lưu lượng nước tối đa (lit/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
	(W)	(HP)						
NCPS128-A	128	0,17	30	34	25	●	●	2.450.000
NCPS200-A	200	0,24	36	34	28	●	●	2.670.000
NCPS300-A	300	0,4	38	34	30	●	●	2.760.000
NCPS400-A	400	0,53	40	34	32	●	●	2.860.000

Biến tần

\*Dây điện 1,5m + phích cắm

\*Nhiệt độ nước khuyến nghị sử dụng <75°C

Mã hàng	Công suất		Lưu lượng nước tối đa (lit/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
	(W)	(HP)						
NIP400	400	0,53	66	34	42	●	●	4.530.000
NIP600	600	0,8	70	34	52	●	●	5.930.000

MÁY BƠM NƯỚC ĐẦY CAO



Có tay xách

\*Dây điện 1,8m + phích cắm

Mã hàng - Giá bán		Công suất		Lưu lượng nước tối đa (lit/phút)	Đường kính ống hút/xả (mm)	Chiều sâu hút tối đa (m)	Cột áp (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%		
		(W)	(HP)								
NSP128	1.580.000	NGP128	1.830.000	128	0,17	30	34	8	25	●	●
NSP200	1.700.000	NGP200	1.910.000	200	0,24	36	34	8	28	●	●
NSP300	1.850.000	NGP300	2.080.000	300	0,4	38	34	8	30	●	●
NSP400	2.000.000	NGP400	2.200.000	400	0,53	40	34	8	32	●	●

Không có tay xách

\*Dây điện 20cm

Mã hàng	Công suất		Lưu lượng nước tối đa (lit/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Chiều sâu hút tối đa (m)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
	(W)	(HP)							
NCLP550	550	0,7	45	34	8	42	●	●	2.150.000
NCLP750	750	1	54	34	8	46	●	●	2.280.000

MÁY BƠM NƯỚC HOẠT ĐỘNG LY TÂM



Đầu jet

\*Dây điện 20cm

Mã hàng	Công suất		Lưu lượng nước (lit/phút)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao hút đáy tối đa (m)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
	(W)	(HP)							
NJET750	750	1	50	8	40	34	●	●	2.330.000

Ly tâm

\*Dây điện 20cm

Mã hàng	Công suất		Lưu lượng nước (lit/phút)	Chiều sâu hút (m)	Độ cao hút đáy tối đa (m)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
	(W)	(HP)							
NCP750	750	1	90	8	28	34	●	●	2.400.000

Lưu lượng

\*Dây điện 20cm

\*Bơm lưu lượng không dùng để đẩy cao

Mã hàng	Công suất		Lưu lượng nước tối đa (lit/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
	(W)	(HP)						
NHF750	750	1	300	60	10	●	●	2.250.000

Mã hàng	Công suất		Lưu lượng nước tối đa (lit/phút)	Đường kính Ống hút/xả (mm)	Cột áp tối đa (m)	Bảo vệ quá nhiệt	Mô tơ dây đồng 100%	Giá bán
	(W)	(HP)						
NDK1100	1.100	1,5	450	60	15	●	●	3.290.000
NDK1500	1.500	2	485	60	17	●	●	3.410.000

Máy bơm nanoco

Hiệu suất mạnh mẽ  
Bền bỉ theo thời gian



Cảnh báo: Sử dụng nguồn nước có chất rắn có thể gây kẹt bơm.



Nước sông, hồ có chứa nhiều tạp chất, sỏi, đá, cát.



Sử dụng máy bơm khi keo dán ống nước chưa khô hoàn toàn sẽ khiến phần keo dư dính lên bề mặt cánh bơm.



Không để ngập bơm trong nước



Trường hợp đặt bơm ngoài trời phải có mái che

\*Giá bán đã bao gồm VAT



BẢO HÀNH ĐIỆN TỬ

<https://kimquang.vn>

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu  
\*\*\* Quét QR Code để tải ứng dụng

ProClub



# ProClub



# TÍCH ĐIỂM CỰC DỄ NHẬN QUÀ THÍCH MÊ



**Kích hoạt bảo hành ngay khi tích điểm thành công**

**Quà tặng tích điểm hấp dẫn**

**Thêm bạn thưởng vô hạn**

Ưu đãi dành riêng cho **NHÀ BÁN LẺ**

**NHÂN ƯU ĐÃI LÊN ĐẾN 1 triệu**



Xem thêm chi tiết tại:

Nanoco Group

info@nanoco.com.vn

fb.com/nanoco.com.vn

www.nanoco.com.vn

# ProClub

Ứng dụng tích điểm đổi quà cho Nhà bán lẻ & Thợ thầu

## CÁC BƯỚC THỰC HIỆN



**BƯỚC 1: Đăng kí tài khoản**

- Chọn đối tượng là Nhà phân phối cấp 2
- Điền thông tin và mật khẩu để đăng kí tài khoản



**BƯỚC 2: Quét QR trên sản phẩm**

- Nhấn vào mục "Quét QR" trên app để quét mã QR trên sản phẩm



**BƯỚC 3: Kích hoạt bảo hành/tích điểm**

- Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành" nếu muốn kích hoạt bảo hành cho mình
- Nhấn chọn "kích hoạt bảo hành cho người khác" nếu kích hoạt bảo hành cho người khác và điền thông tin vào

## HƯỚNG DẪN ĐỔI QUÀ

01

**Truy cập mục "Đổi quà"**  
Nhấn vào mục "Đổi quà" trên app để quét mã QR trên sản phẩm

02

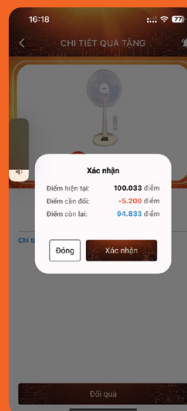
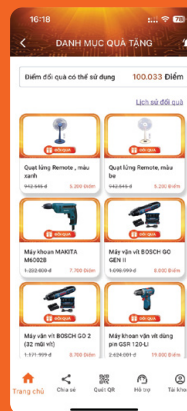
**Chọn quà**  
Chọn quà tương ứng với mức điểm đã tích lũy trong "Danh mục quà tặng"

03

**Xác nhận thông tin**  
Nhấn "Xác nhận" khi cửa sổ xác nhận hiện lên

04

**Điền thông tin**  
Điền thông tin cá nhân trong "Thông tin nhận quà" để hoàn tất đổi quà



**1900 67 11**  
<https://kimquang.vn>



Zalo



FB Messenger



Youtube

